

son
Pg 5
P5-7

Đ'THÔNG

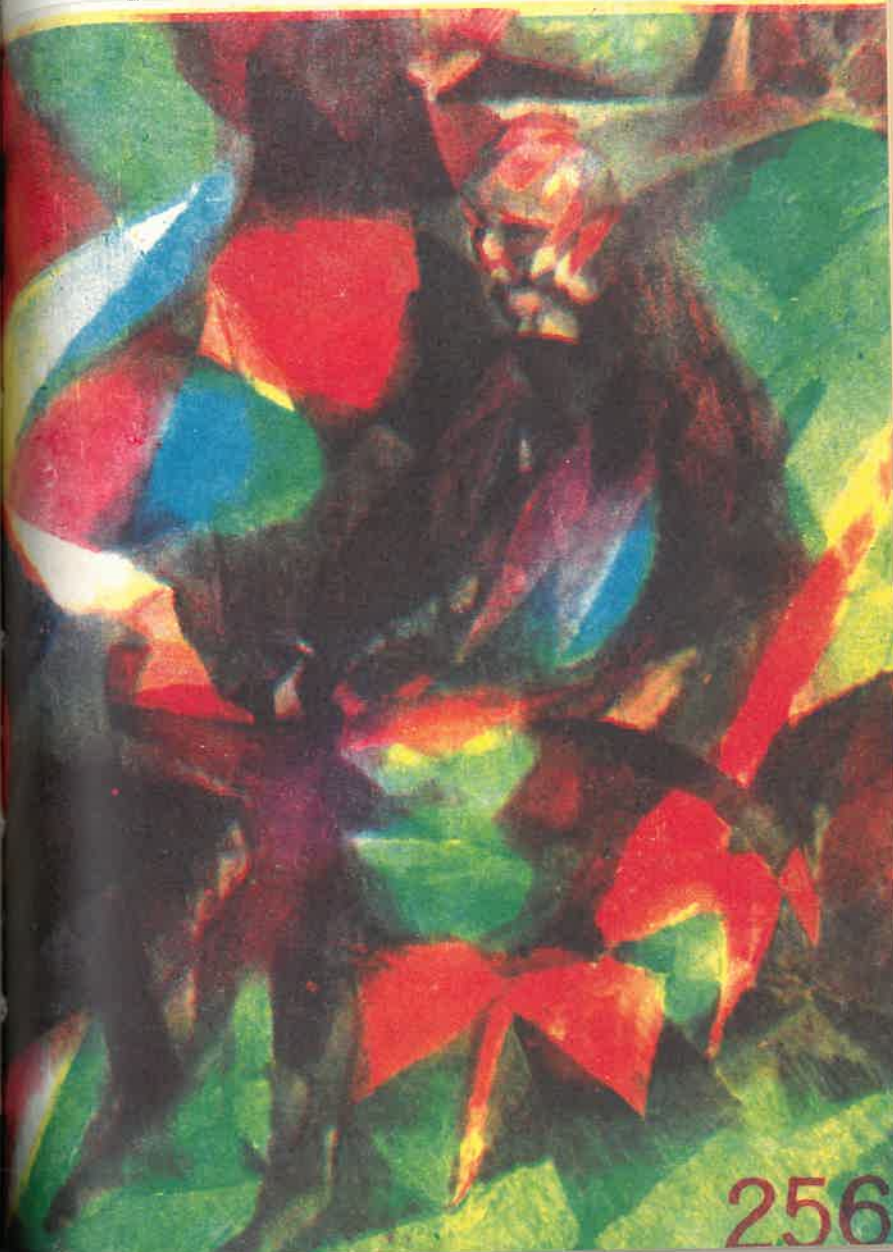
Giám-đọc. Chủ-bút : Nguyễn-Vũ

NEUROTONIC

CORNELL
UNIVERSITY
FEB 2 1971
LIBRARY

- ✱ BỒI BỔ ÓC
- TĂNG CƯỜNG TRÍ NHỚ
- ▶ BẢO VỆ SINH LỰC

Công hiệu như Thần



PHỔ THÔNG

TẠP-CHÍ

GOP PHAN XÂY DỰNG VĂN HÓA VIỆT NAM
PHO BIEM VAN HOA ĐONG AY KIM CO

Giám-đọc, Chứ-bút ; Nguyễn-Vũ

Tòa-soạn : 231 đường Phạm-ngũ-Lão — Saigon — ĐT 25861

Năm thứ XIII — số 256 — 15-11-1970

1 — Miền Trung S O S	Phổ Thông	6 — 10
2 — Nhạc võ Tây-sơn	Thái-Tầu	11 — 23
3 — Phong trào kháng thuế tại Quảng Ngãi	Ng-Tấn-Lộc	24 — 27
4 — Sư cô TịnhChâu	Thế-Lan	28 — 34
5 — Chuyện người con gái cài trâm (thơ)	Hoàng-Việt-Nhân	35 — 36
6 — Đề-gi	Lê-Ngọc-Quang	37 — 42
7 — Vòm trời văn hoá Quốc Tế	Ng-Khắc-Tiến-Tùng	43 — 45
8 — Len	Chu-Minh-Thụy	46 — 49
9 — Tìm hiểu chân giá trị	Đông-Tùng	50 — 60
10 — Hoài niệm (thơ)	Hoài-mộng-diễm-Thu	61 —
11 — Châu Hồng Lâm	Lữ-Thị-cô-Đơn	62 — 68
12 — Chiếc vòng cứu mệnh	Mạch-Quế-hương	99 — 75
13 — Rudole Hess	Tân-Nhân	74 — 81
14 — Đọc lại tin buồn (thơ)	Dương-vĩ-Hồng	82

15 — Tiếng nói của thế hệ	<i>Tứ-Đạt</i>	83 — 85
16 — Đồng bào Thượng miền Nam	<i>Phạm-văn-Son</i>	86 — 89
17 — Đại hạ nghĩa là gì ?	<i>Thái-Bạch</i>	90 — 92
18 — Gửi Nguyễn-vỹ (thơ)	<i>Tương-Phổ</i>	93 — 97
19 — Hoa sĩ Remoirr	<i>Trần-lệ-Tài</i>	94 — 102
20 — Trần công Xán	<i>Nguyễn-bá-Thế</i>	98 — 106
21 — Nhớ Hà Nội	<i>Nguyễn-Đắc-Lộc</i>	103 — 106
22 — Buổi Kỷ Niệm	<i>Hoàng-Thắng</i>	107 — 171
23 — Mừng rằm Thông 13 tuổi	<i>Hoài-Thi</i>	118 — 124
24 — Sinh.khí Văn-nghệ	<i>Hoàng-Thắng</i>	119 — 124
25 — Sách báo mới	<i>Phổ-Thông</i>	125

- Chúng tôi hoàn-toàn không chịu trách-nhiệm về những bài lai cáo của bạn đọc, (theo thể-lệ chung của các tạp-chí quốc-tế).
- ★ Bài lai cáo không đăng, không trả lại.
- Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự tiện trích đăng những bài trong tạp-chí **PHỔ-THÔNG**, nhưng yêu cầu đề rõ xuất-xứ: «Trích tạp-chí **PHỔ-THÔNG**» và đừng viết tắt.
- ★ Cấm trích, dịch, phỏng đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.
- Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays.
- ★ Copyright by **PHỔ-THÔNG**, printed in Việt Nam.



Miền Trung S.O.S!

Hàng triệu Đồng Bào
miền Trung Đang
Đói !!

chiên - dịch

«**MỘT LON GẠO
THẮNG BỜM**».

CỦA TẠP-CHÍ PHỔ-THÔNG VÀ TUẦN BÁO
THẮNG BỜM

QUÝ Bạn Đọc Thân Mến của Phổ Thông
và Thăng Bờm !

Quý bạn đọc báo và nghe Đài Phát-thanh
hằng ngày đã biết rằng hai trận bão lụt vừa
qua đã gây thiệt-hại lớn lao vô-cùng! tại

mấy tỉnh Miền Trung, nhất là ba tỉnh Thừa Thiên, Quảng Tín, Quảng Ngãi.

Chúng tôi vừa đi thăm các cảnh tàn phá vô cùng tại hại của nước lụt tại nhiều quận ở Quảng Ngãi, Quảng Tín, Thừa Thiên, thật là đau lòng ! Hàng ngàn nhà cửa bị nước cuốn hết, như ở Đại-Lộc, Phú Bồn, Điện Bàn, Hội-An, Tư-Nghĩa, Bình Sơn, Mộ đức v.v... ruộng lúa mùa màng đều hư hết ! Hàng vạn nhà bị sụp đổ tan nát, hàng triệu Đồng-Bào đang đói, rách, kêu gào thê thảm !

Chúng tôi thấy rằng nhu-cầu thiết-yếu nhất và gấp-rút nhất hiện nay của đồng bào bị nạn, là GẠO. Phải làm sao cho có gạo mỗi ngày, mỗi tháng, gạo phải có thường xuyên để cứu sống mấy triệu đàn ông, đàn bà, ông già, thanh thiếu niên, nhi-đồng, đang ĐÓI ; Tiền bạc không có, đã dành. Áo quần thiếu hết : còn mặc tạm đồ rách đượ. Nhưng GẠO cũng không có ! Khoai, đậu, bắp, không có ! Tất cả món ăn cần thiết để sống đều đã bị

nước lụt cuốn trôi đi mất cả.

Vì vậy, trước cảnh **CHẾT ĐÓI** đang đe dọa hàng triệu đồng-bào bất hạnh ở Quảng Ngãi, Quảng Tín, Thừa Thiên, chúng tôi, tạp-chí Phổ-Thông và Tuần-báo Thăng-Bờm, phát-động Chiến-dịch **MỘT LON GẠO THĂNG BỜM** để cấp cứu đồng bào đói rách Miền Trung.

Các nhóm Đoàn-viên Thi-Văn-Đoàn Thăng Bờm Đô-Thành sẽ đi các phố xin mỗi gia đình **MỘT LON GẠO** (lon sữa bò), và chỉ một lon thôi, chứ không dám xin nhiều. Số gạo đó sẽ vô bao, và sẽ có những phái đoàn Thăng Bờm thân hành đem gạo ra Huế, Đà-nẵng, Hội An, Tam Kỳ, Quảng Ngãi, Bình Sơn, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, Mộ Đức v.v... để phân phát tặng các gia-đình đang thiếu gạo, đang chờ gạo, đang đói.

Đồng thời với các đoàn Sinh-viên Học-sinh Thăng Bờm đi xin GẠO ngoài phố, chúng

tôi tha thiết, khẩn cấp, kêu gọi lòng từ tâm của toàn thể Bạn đọc thân yêu của Tạp-chí PHỔ THÔNG và Tuần-báo THẮNG BỜM ở khắp 12 quận Đô thành Saigon Chợ Lớn, mỗi bạn vui lòng sốt sắng đem MỘT LON GẠO (lon sữa bò) đến ngay tại Tòa-soạn tạp-chí Phổ-Thông, để gọi là đóng góp phần cứu trợ quý báu của mỗi bạn cho những **đồng bào đói** ở ba tỉnh miền Trung.

Một Lon Gạo của Bạn cho không phải chỉ đủ cho 1 người ăn 1 bữa, mà sẽ cứu giúp cho rất nhiều người trong nhiều ngày, vì tích thiếu thành đa, nếu 1000 bạn góp cho 1000 lon, thì có thể giúp cho 1000 người được mỗi người 1 lon, tạm đỡ đói được 3 ngày!

Chúng tôi van xin Mỗi Bạn Đọc Phổ-Thông và Mỗi Bạn đọc Thắng Bờm hãy vui lòng sốt sắng đem MỘT LON GẠO đến góp vào Bao gạo cấp cứu của Thắng Bờm tại Tòa soạn Báo Phổ Thông và Văn Phòng Thi-Văn Đoàn Thắng Bờm, ở số nhà 233, đường Phạm Ngũ

Lão Saigon (Quận II).

Nơi đây có chúng tôi, và có thường trực anh chị em Ban Công-tác Xã-Hội của Văn-Phòng Đại Diện Thi Văn-Đoàn Thắng Bờm Đô thành Saigon — Chợ Lớn, nhiệt liệt hoan nghinh đón tiếp LON GẠO từ thiện của quý Bạn, từ 7 giờ sáng đến 7 giờ tối.

Tên Họ của quý vị ân-nhân cho «LON GẠO THẮNG BỜM», dù của một ông lớn, của một anh Thọ, của một chị hàng rong, của một bạn Học Sinh, của một anh Binh nhì, hay của một em bé, đều được ghi rõ ràng cùng với số gạo của quý vị cho, trong số Vàng Cứu Lạt miền Trung (ở đây chúng tôi **không nhận tiền bạc**, chỉ nhận MỘT LON GẠO) và sẽ công bố phân minh đầy đủ trên mặt Báo Phổ-Thông và Báo Thắng Bờm.



Nào! Quý Bạn Đọc thân yêu của Tạp-chí PHỔ-THÔNG và Tuần-Báo THẮNG BỜM ;

Xin quý Bạn hăng hái tham-gia ngay bây giờ
CHIẾN DỊCH MỘT LON GẠO THẮNG BỜM,
để cứu nạn đói rách thê thảm của hàng triệu
người ở Quảng Ngãi, Quảng Tín, Thừa Thiên,
đang chờ Lon Gạo của quý Bạn !

DIỆU HUYỀN

● Phụ trách tiếp nhận LON GẠO
THẮNG BỜM :

Văn - Phòng Đại - Diện Thi.Văn - Đoàn
Thắng Bờm Đô-Thành Saigon Cholon,
(Tòa soạn Tạp chí Phổ-Thông) :

233, Phạm-Ngũ-Lão Saigon, II,

★ Đại-diện - trưởng Văn-phòng Đại-diện
Thi-văn-Đoàn Thắng Bờm : Mai-hữu.Cho
(Sinh Viên Vạn Hạnh)

● Trưởng Ban Công-tác xã-hội : Điền-
Quốc-Việt (Học Sinh Cao Thắng)

★ Phó Trưởng Ban : Cô Trương Kim-Anh
(Học Sinh Hưng Đạo)



NHẠC VÕ TÂY SƠN

★ Sinh-Hòa THÁI-TÀU

TỈNH Bình Định là nơi còn
được nhiều bộ môn Văn
đặc thù Dân tộc như : hát
bài chòi, võ thuật và nhạc
Tây Sơn. Trong phạm vi
này, người viết xin làm
đến bộ môn « NHẠC VÕ
TÂY-SƠN ».

● TỪ VĂN MINH TRỐNG
ĐỒNG :

Bộ môn Văn hóa này, theo

dân thoại Bình - định gọi là
« Nhạc võ Tây sơn » và theo
nhạc pháp gọi là « Song thủ
đả thập nhị cổ » Ai cũng biết
sắc thái đặc biệt trong nền
văn hóa cổ xưa của người
Việt bật nổi hơn cả là việc
dùng trống. Những cuộc khai
quật đã đem đến cho các nhà
khảo cổ cái trống đồng mà
đặc trưng hơn cả là « trống
đồng Ngọc lữ » là chứng cứ

đặc biệt của nền văn minh Việt.

« Tiếng trống từ xưa đến nay đối với dân tộc Việt-nam vẫn là hiệu lệnh để thi hành công việc tập đoàn, để báo hiệu một công việc có quan hệ chung, trống ra quân, trống ngũ liên, trống thu không, trống cầm canh, thường ở đình làng nào cũng có cái trống lớn để báo hiệu, trước khi là một công cụ nghệ thuật từ trống châu đến cầm châu cho con hát. Vậy dụng ý của trống đồng là đại biểu uy lực của thủ lãnh quần chúng, ban hành mệnh lệnh và trở nên thiêng liêng, cho đến thời Quốc gia độc lập mới có đến thờ Đồng cổ như là quốc giáo (1) ».

Vì vậy, ta có thể nói rằng chế tạo và sử dụng trống sớ trường của Văn hóa Việt-nam và không có chi là lạ khi ta biết rằng trong thời Tây sơn (1788-1802), sắc thái đặc biệt nọ của Văn hóa Dân tộc được anh em Nguyễn-Nhạc khai thác đến triệt để, thì nghệ thuật chơi trống cũng đưa đến tuyệt đỉnh.

● ĐÈN NHẠC VÕ TÂY SƠN :

Nhạc khí căn bản của Nhạc võ Tây-sơn là một giàn trống do quân Tây-sơn dùng khi thao diễn quân sĩ tại võ trường khi xuất quân cho khi thì thêm mạnh mẽ, khi thúc quân lướt nhanh tới trận mạc, khi cần hành quân tiến thối nhịp nhàng, khi hãm thành cho uy thế thêm mãnh liệt, hay là khi khải hoàn mà reo mừng thắng trận.

Bộ trống đúng theo kinh điển gồm 12 cái, mỗi cái mang tên một con giáp của thập nhị chi : tý, Sửu, dần, meo, thìn, ty, ngọ... và khi học nhạc thì tên các con giáp này cũng là tên của các cung bậc do tiếng trống phát ra. Đường kính mỗi mặt trống lớn, nhỏ khác nhau, da bị trống thì căng chùng, thẳng cũng khác nhau nên tiếng trống cao thấp khác nhau.

● NGHỆ THUẬT ĐÁNH TRỐNG

Khi đánh trống thì nghệ sĩ dùng roi trống (dùi trống) có khi lại bỏ cả roi trống mà chỉ

dùng những ngón tay, dùng bàn tay, dùng nắm tay, dùng cùi chỏ... nghĩa là đủ cả bộ phận của hai tay. Trường hợp dùng roi trống thì cứ mỗi nhịp điệu cử động của tay là ta có thể nghe được 4 âm thanh phát ra : nơi đầu roi trống 1, kéo sang đuôi roi trống 2, hạ cùi chỏ xuống 3, và bật ngửa nắm tay vào mặt trống. Cứ như thế mà hai tay của nghệ sĩ nhảy múa trên 12 cái trống khi loì là nhẹ nhàng, khi dồn dập gấp rút, khi phẫn khởi khoan thai. Chỉ có hai cái tay mà đánh cả một giàn trống 12 cái nên nhạc pháp gọi là « Song thủ đả thập nhị cổ ».

Tuy nhiên trong trường hợp mà nghệ sĩ vượt khỏi tầm kinh điển đến bậc siêu thăng thì ngoài 12 cái trống đặt ngay trước mặt để cho hai tay sử dụng theo đúng nhạc pháp « Song thủ đả thập nhị cổ », hãy còn đặt thêm 5 cái trống khác ở phía sau một cái đặt ngang nơi đầu để cho đầu ngã húc vào, hai cái đặt ngay hai bên hông cho hai cùi chỏ thúc vào và còn hai cái nữa đặt cho vừa tầm hai gót chân để đá vào vị chi là 17 cái trống. Nghệ sĩ «chơi» nổi 17 cái

trống (Ông Tám Ngang) ngày nay đã quá già mà chỉ còn có nghệ sĩ chơi được 12 trống mà thôi. Tuy vậy khi nghe và xem thì vẫn thấy là siêu việt.

Trước khi chơi, nghệ sĩ đi một đường quyền, bái tổ rồi mới bắt đầu đánh trống và các bản nhạc lần lượt nổi lên. Nghệ sĩ điệu bộ hùng dũng, công lực dồn lên nét mặt, trở ra hai tay ròn rập bên 12 cái trống xem như một nghệ sĩ đang múa một đường quyền nên mới gọi là nhạc võ. Nghệ sĩ chơi bộ môn này cần phải biết ít nhiều võ thuật để sự biểu diễn tăng thêm phần ngoạn mục.

● NGHỆ THUẬT BỊ MAI MỘT :

Những năm trước đây, không nghe ai nhắc đến Nhạc võ Tây-sơn là vì một lẽ dễ hiểu : Thối đời, thăng được thì vua mà thua là giặc. Khi nhà Tây-sơn thất bại, nhà Nguyễn Gia-Long chiến thắng. Nhà Tây-sơn bị nhà Nguyễn tru diệt đến nỗi mộ phần của các Ngài cũng bị quật lên nghiền xương tán nhỏ làm thuốc súng bắn xuống biển, các tội tày

nhà Tây-sơn đều phải mai danh ẩn tích. Thậm chí đến những cái hay của nhà Tây-sơn cũng phải dấu đi kéo dề lộ cho người khác biết được đi báo thì sẽ bị tù đày. Do đó mà các di tích nhà Tây-sơn đều bị phá bỏ hết. Đồng bào Bình-khê thương nhớ Ba Ngày lên lập đền thờ mà bề ngoài cũng phải nguy trang là miếu thờ thần. Ai có thương nhớ giữ được cái gì hay của Ba Ngày thì để bụng cũng chẳng dám phô trương vì sợ Chính quyền nhà Nguyễn mà hay được thì không tránh khỏi hậu quả khốc hại, Nhạc võ Tây-sơn cùng cái chung số phận ấy.

Tôi cũng xin phép mở một dấu ngoặc tại đây để nêu lên một lý do thứ hai.

Thi-sĩ Quách-Tấn cho biết : Ngày xưa, môn Võ thuật Bình-Định chia làm 4 bộ môn : côn, quyền, kiếm, Cờ (trống) chứ không phải Kịch.

Về môn CỜ thì võ sinh thường treo lưng lẳng ngay hàng hàng năm, mười cái trống (loại trống châu hát bội) để tập võ. Võ sinh sẽ đánh, đá vào các

cái trống ấy. Trống bị sức mạnh đánh đá sẽ văng ra xa và nhờ giây treo thối ngược lại. Lối tập võ bằng trống này, một là để tạo cho những cú đánh đá mạnh, nặng cân, hai là để tập sự nhanh nhẹn chống đỡ, tránh né. Nếu ai không nhanh mắt lẹ tay mà chống đỡ tránh né thì chắc chắn sẽ bị trống thối ngược lại đập cho vỡ mặt, gãy xương.

Lần về sau, dường như con người mỗi ngày một yếu dần nên không còn ai dám tập võ bằng trống nữa mà thay tập bằng những bao đựng cát hoặc bằng bưởi, bông.

Từ đó, danh từ tập võ bằng trống không còn ai dám nhắc tới vì nhắc tới càng thêm hồ thẹn với người xưa, dần dà rồi mai một.

Có người bảo Nhạc võ Tây-sơn là biến thể của lối tập võ bằng trống này. Điều đó không gì làm chắc. Nhưng nếu quả vậy thì Nhà Tây-sơn thật là kỳ tài đã khéo khai thác từ bộ môn võ thuật chuyên sang bộ môn âm nhạc, rồi lại dùng âm nhạc mà giáo dục võ thuật, gây không khí hào hứng trong quân

chúng, kích động lòng hăng say chiến đấu của các chiến sĩ bằng tiếng trống.

Ngày nay, tại Kampuchia, người ta cũng dùng trống để tập võ. Trên võ đài Miên mà thiếu tiếng trống thì võ sĩ không tài nào biểu diễn được. Xin khép ngoặc lại

● NHƯNG CÓ NGƯỜI CÒN GIỮ ĐƯỢC CHÂN TRUYỀN :

Nhưng may thay, vận nước đổi đời. Khi Thực dân bị lật đổ, nhà Nguyễn cũng nhào theo thì chỉ có hai người, một ở Bình-Khê và một ở Tuy-Phước tỉnh Bình-Định, còn giữ được cái chân truyền ấy và xem như quốc bảo. Người ở Bình khê tên là Ông Tám Ngang, Ông là người sử dụng được 17 cái trống, Ông đem dạy lại cho 3 người, hai đứa con trai Ông và một người học trò. Đứa con trai đầu chết, đứa thứ hai thì năm 1954 ở trong Đoàn Văn-Công của VC tập kết ra Bắc còn lại người học trò kia là nghệ-sĩ TÂN-PHONG (tức Nguyễn-Phong). Người ở Tuy-phước tên là Ông Đầu Thơm (tức Võ-Đôn) là

một ông bầu hát bội và cũng là một nhạc sư về loại nhạc hát bội, Ông dạy lại một người học trò đó là nghệ-sĩ MƯỜI THÔNG (tức Hoàng-Thông), hiện là một nghệ sĩ hát bội và một roi trống hát bội có hạng. Hai Ông Thầy, một ông thì nay đã quá già còn một thì đã quy tiên. còn lại hai người học trò trên kia, tuy không đến bậc siêu đẳng đánh nổi 17 trống song cũng học được đúng truyền thống của nhạc pháp «Song thủ đã thập nhị cô». Gần đây, ở Phù-cát-có Anh Nguyễn-Việt cũng tập đánh được 12 cái trống và ở Bình-khê có hai em bé gái (một em 7 tuổi, và một em 12 tuổi con của vị cựu nhạc-trưởng Điện Tây sơn) cũng tập đánh được 5 trống (ngũ âm) xem rất ngộ.

Riêng Tân Phong, Anh là một nghệ sĩ chơi thạo cả các môn như vẽ vôi, ca hát đờn địch, đắp tượng, chạm trổ, điêu khắc, viết tuồng, đóng kịch... cái chi anh cũng thấy làm được và hiện tại Anh là Trưởng ban Dân ca trong Ban Quản - trị Hội-Văn Hóa Tỉnh Bình-Định và phụ

trách chương trình phát thanh Dân ca Bình - Định trên Đài phát thanh Qui-nhơn.

● GIÓNG 1 RỒNG KHẮP NƠI :

Anh Tân-Phong vì mang nặng một tinh thần Dân tộc nên sẵn sàng muốn truyền lại cho đoàn hậu tấn cái quốc túy của văn hóa Dân tộc Anh cũng đã thuận nhận lời mời đi trình diễn nhạc võ này nhiều nơi.

Ngày 8-11-1967, Hội Văn-hóa Bình dân Sai-gòn mời Anh trình diễn tại Trường Quốc gia Âm nhạc và Kịch nghệ tại Sài-gòn nhân có buổi lễ của cơ quan UNESCO tổ chức tại trường này.

— Ngày 11 và 12-1-1968, trình diễn tại rạp Thống-nhất Sài-gòn và sân Tinh-võ Chợ-lớn do ban Quản-trị điện Tây sơn Bình Khê tổ chức dưới sự giúp đỡ của Hội Đức-Trí-Thê Dục SAMIPIC (Société pour L'Amélioration Morale, Intellectuelle et Physique des Indochinois de Cochinchine) và đoàn thê Vovinam.

Ngày 16-8-1969, trình diễn

tại Trung tâm Văn hóa Bình-Định tại Qui-nhơn nhân ngày khánh thành Trung-tâm này có sự chứng kiến của Ông Quốc-vụ-Khanh Mai-thọ Truyền đặc trách Văn hóa, Ông Đại-sứ Đại-hàn Dân - Quốc và rất đông quan khách Việt-Hàn Mỹ tham dự.

— Ngày 15-3-1970, được phái đoàn điện ảnh Tổng cục Chiến tranh chính trị Quân đội thu hình và đã trình chiếu trên màn ảnh truyền hình Việt-nam vào đêm 25-4-1970 tại Sài-gòn và tại Cần-thơ, Qui-nhơn, Huế và các đêm kế tiếp.

— Ngày 18-6-1970, được phái đoàn điện ảnh Bộ Thông tin thu hình làm phim tài liệu và sẽ trình chiếu trên các màn ảnh ciné và truyền hình.

Ngoài ra, hàng năm, ngày giỗ trận Đống đa, mừng năm tháng giêng Tết tại Điện Tây sơn quận Bình-khê đều có biểu diễn v.v...

Ai có dự xem trận phim ảnh các lối đánh trống ở nước ngoài



phải công nhận rằng nghệ thuật đánh trống của Tây-sơn là kỳ ảo.

Ở đây, ban phổ biến nhạc võ Tây-sơn lại còn biểu diễn phối hợp giữa Nhạc võ Tây-sơn và Võ thuật Bình Định cách khi Nhạc võ sinh nam nữ ở bên ngoài đi những đường quyền, những đường siêu đao... múa, đá, tạ,

nhảy nhịp nhàng theo tiếng trống và đờn, kèn xụp xỏ, mõ phụ họa xem chẳng kém chi những corps de ballet của Tây phương.

● BÀI BẢN CỦA NHẠC VÕ :

Vì mang danh là Nhạc võ, nên bài bản phần nhiều cũng mang tính chất quân sự như bài

khai trường, xuất quân, hành quân, hãm thành, khải hoàn.

Nhạc võ Tây-sơn, muốn biểu diễn đúng theo truyền thống và xem cho đẹp thì trước hết, đi đầu là bộ phận của chiến, trống có quân hầu, lọng che, theo sau là hai toán quân (mặc áo cặp nẹp, chân quần song ve, đầu đội nón dẫu tay cầm đao, kiếm, côn...) rồi đến giàn nhạc võ đặt trên một chiếc xe đẩy (Nhạc trường đứng giữa, hai bên là bốn nhạc công: đờn kèn xúp xỏa, mõ phụ họa) sau rốt là vị tướng chỉ huy lẫm liệt trên mình ngựa hoặc voi.

Bắt đầu biểu diễn, vị tướng kêu gọi :

*Ngài biên thù quân thù
xâm lấn
Trong nội tình đất nước
lâm nguy
Phận làm trai sinh tử nê
chỉ
Quyết một dạ lên đường
cừu quốc.*

Nhạc trường tiếp theo :

*Anh em ơi ! (toàn thể nhạc
công « Dạ »)
Lệnh trên đã ban xuống*

*Phận dưới phải thi hành
Dùng kế mưu kích*

*Địch làm tướng hùng binh
vui*

Đứng trước khi chính cờ giàn Nhạc võ nổi lên và lướt theo các bài bản do vị tướng chỉ huy.

1 Bài Khai trường :

Bài khai trường chỉ dùng để luyện tập quân sĩ hay chào mừng các vị tướng chỉ huy khi đến diễn võ trường. Điệu nhạc khoan thai, hùng dũng.

Thuở xưa, mỗi dịp có vị Hoàng-đế hay vị Nguyên-sơ đi đến diễn võ trường để mở một cuộc diễn võ, tập võ hay là chọn tướng sĩ thì khi vị ấy bước vào võ trường, mỗi xứ có một điệu nhạc riêng để chào mừng nhà lãnh đạo.

Riêng đối với quân Tây-sơn điệu nhạc đó là ba hồi trống khai trường. Ai có xem hát bội chắc đã từng nghe điệu đánh trống khai trường này. Nhưng mà nhạc hát bội thường chỉ có hai cái trống căn bản gọi là trống âm và

trống hay trống quân và trống chiến. Nếu người ta biết rằng hát bội ngày nay là do Cụ Đào-Tân ở Bình-Định lập thành qui chế, thì Pháp đánh trống của hát bội cũng đánh nhái theo điệu khai trường của nhạc võ Tây-sơn.

Trống khai trường của hát bội phải đánh đúng basáp, mỗi sấp 8 phách. Khi đánh đúng 24 phách, nhạc sĩ mở ra thành trống chiến và chờ cho trống quân giống giáp 3 hồi lại 9 tiếng thì người trống chiến phải thét theo. Khi thét xong nghĩa là khai trường xong thì nhạc sĩ mở trống ra cho nghệ sĩ sân khấu. Lúc đó thì người hát, hát thứ gì nam hay khách... thì người đánh trống phải đánh theo thứ ấy. Nhưng thường người đánh trống chỉ được quyền đánh khi người nghệ sĩ trên sân khấu đã ra thủ và vỹ. Nếu người đánh trống tự ý đánh theo gọi là đánh nhái.

Nói về bài bản của nhạc hát bội thì có 8 bài kể từ bài nhịp một đến nhịp tám còn âm thanh hay hay dở là tùy theo người nhạc sĩ bắt giã hay non mà thôi.

2. Bài Xuất quân :

Xuất quân có nghĩa là đem quân đội ra chiến trường nó có nghĩa là khởi hành và bao giờ khi khởi hành thì điệu nhạc phải làm sao cho tinh thần chiến sĩ phấn khởi lên, hăng hái lên và cũng phải gây cho được trong lòng mọi người một niềm tin chiến thắng. Do đó nhạc xuất quân của Nhạc võ Tây-Sơn theo điệu này là một điệu nhạc hùng, nhịp của nó càng lúc càng nhạc làm cho tim mọi người đập càng lúc càng mau, nghe hăng hái, phấn khởi.

3. Bài Hành quân :

Ta tưởng tượng một đạo quân hùng hậu đã xuất quân trong một tinh thần tối cao nhưng mà sau một khúc đường dài chắc hẳn cũng đã cảm thấy mỏi mệt. Trong lúc ấy, vị tướng chỉ huy kêu gọi nâng cao tinh thần suông chúng ta có cảm tưởng rằng lời kêu gọi ấy không được đáp ứng. Trái lại nếu lời khuyến khích là một lời êm ái, dịu dàng, có vẻ vui vẻ, có vẻ đùa cợt... thay vì đem lời hùng hồn thì đem lời an ủi êm ái, chắc có lẽ kết quả sẽ hay hơn.

Đọc truyện Tàu, chúng ta còn nhớ lúc mà Quân-Di-Ngô ngồi trong cũi để được đưa về nước Tề thì thấy các quân khiêng cũi hơi mỗi một nên Quân-Di-Ngô bèn đặt ra những bài ca, bài hát để cho quân sĩ quên mệt mỏi mà đi theo nhịp của bài ca. Còn trong dã-sử của Tây-sơn, người Bình-kê thường thuật lại rằng, khi quân Tây-sơn đi ra Thăng Long ngày đêm không nghỉ phải hai người vồng một người thì tránh sao khỏi cái việc khiêng liên tiếp mười mấy ngày, quân Tây-sơn cũng có thể mỗi một. Về huyền thoại truyền rằng vua Quang-Trung mới bày ra chuyện thi đua nói tiểu lâm để cho quân sĩ hào hứng quên sự mệt mỏi. Chúng tôi cũng tin rằng, không biết chừng giặc trống của Nhạc võ Tây-Sơn lúc ấy lại trôi khúc hạnh quân nhằm mục đích giống như mục tiêu của việc thi đua kể chuyện tiểu lâm trên kia.

Khúc nhạc này của Nhạc võ Tây-sơn, cũng diễn tả được cái ý nghĩa đó. Khúc nhạc này có đoạn nhạc sĩ chỉ đánh bằng tay không : bằng những ngón tay, bàn tay, nắm tay và cùi

chỗ nghe rất vui tai và xem rất đẹp mắt.

4. Bài hãm thành :

Bây giờ chúng ta lại tưởng tượng tiếp như đoàn quân Tây-sơn đã đến dưới chân thành và vị tướng chỉ huy đã ra lệnh hãm thành thì phận sự của nhạc sĩ xử dụng giặc trống là phải gây cho chiến sĩ có một tinh thần nỗ lực tối đa để công phá thành trì hầu cướp được cho mau lẹ. Điều nhạc này nghe cũng thật là sôi nổi, dồn dập, kích động tối đa lòng mọi người.

5. Bài khải hoàn :

Và sau cùng là bài khải hoàn, điều nhạc này dĩ nhiên âm thanh phải diễn đạt cho được sự vui mừng, phấn, khởi hồ reo của kẻ chiến thắng.

Ai đã có nghe và xem Nhạc-võ-Tây-Sơn sẽ tế nhận điều đó. Tôi nói nghe và xem vì nhạc võ Tây-sơn xem đã đẹp mắt mà nghe cũng vui tai. Điều bộ và âm thanh hòa nhịp khi khoan, khi nhạc, khi bổng khi trầm, khi lơ là lúc dồn dập thật là khó tả.

● VÕ NHẠC TÂY SƠN

Sau khi trình bày môn Nhạc võ Tây-sơn, chúng tôi lại sợ nhớ và xin trình bày tiếp môn «Võ-nhạc Tây-sơn» mà nay đã thất truyền.

Môn VÕ NHẠC tức là một trong bốn bộ môn võ thuật Bình-Định : côn, quyền, kiếm, cờ như đã nói ở trên và tại sao gọi là võ nhạc là vì một môn VÕ mà khi biểu diễn lại xuất hiện NHẠC cũng đủ những tiết tấu, nhịp nhàng như một bộ môn âm nhạc khác.

Hiện nay bộ môn Võ nhạc đã thất truyền về phần thực hành tức không còn ai biểu diễn được. Nhưng mà phần lý thuyết thì có nhiều người còn hiểu được và chúng tôi tưởng chừng một người biết võ nào đó dựa vào phần lý thuyết này có thể luyện tập lại được.

Nguyên tắc của phương pháp tập Võ nhạc này là trống phải treo lên. Khởi đầu tập một trống như các võ sĩ trên thế giới bây giờ tập theo lối punching-ball. Võ-sĩ phải đánh, đá, thúc, húc... vào cái trống.

Mỗi cú đánh, trống đều phát ra âm thanh và khi đã tập luyện với một trống rồi thì tiến đến tập hai trống. Giai đoạn này khó hơn tập punching-ball vì phải tránh né, tọa, nhảy không khác gì một võ sĩ phải đối diện hai địch thủ cùng tấn công mình một lượt và hai cái trống này phải là hai âm thanh khác nhau để khán thính giả biết rằng mình đã đánh trúng vào đối phương nào, rồi lần lượt tập đến 3,4,5... trống.

Như vậy ta có định nghĩa rằng Nhạc võ là tĩnh mà Võ nhạc là động. Vì Nhạc võ thì 12 trống nằm yên trên cái giàn, vị trí bất động. Ta muốn khởi một âm thanh nào thì ta chỉ việc cho roi (dùi) trống đánh đúng vào vị trí đó là được. Trái lại với Võ Nhạc thì trống đi chuyển mãi. Khi ta muốn phát ra một âm thanh nào, tất nhiên ta phải đon đánh cái trống ấy trong lúc nó đang đi chuyển. Đã khó như thế mà khi đánh trống còn phải xử dụng tay chân đúng theo một đường quyền hoặc một đường song kiếm nào đó. Như vậy, người biểu diễn Võ nhạc phải là một tay võ-sĩ siêu quần, đề

xem cho đẹp, mà đồng thời cũng phải là một tay nhạc-sĩ lão luyện. để nghe cho hay.

Ai đã xem diễn võ và nghe cùng xem tấu Nhạc võ Tây-sơn đã thấy khó rồi mà bây giờ phải phối hợp hai cái khó ấy lại thì sẽ khó đến mực nào? Nên chi khán thích giả nếu được xem và nghe Võ-nhạc tất phải vô cùng thán phục. Đó là cái lý làm cho môn Võ nhạc này thất thuyên.

Tuy nhiên, nếu khi luyện tập mà ta treo trống để theo một quỹ đạo nhất định thì sự khó khăn sẽ giảm được một phần. Do đó, chúng tôi nghĩ rằng muốn luyện tập môn Võ nhạc này cần phải treo trống để bắt buộc nó phải di chuyển theo một quỹ đạo nhất định. Muốn đặc mục đích này, thay vì treo trống bằng một giây thẳng đứng, ta treo trống bằng hai giây cột xiêng mà nếu ta kéo thẳng hai giây nó sẽ tạo một góc nơi tim của trống khi khởi sự tập thì hai giây treo xiêng bẹt ra nhiều rồi lần lần cho góc khép nhỏ lại và đến chừng hai giây nhập thành một giây đó là đã đạt đến mục

đích. Còn số trống thì phải tùy theo đường quyền mà sử dụng. Đó là đánh trống bằng tay, còn nếu dùng roi thì phải dùng đường song kiếm đao mà luyện tập.

Sở dĩ chúng tôi trình bày lý thuyết bộ môn này là với hy vọng của các võ sư sẽ dựa vào đó mà luyện tập và hy vọng rằng bộ môn Võ-nhạc Tây-sơn này sẽ được phục sinh, chừng đó đem trình diễn thì chúng tôi tin rằng cả thế giới sẽ thán phục một nghệ thuật mà chỉ có ở Việt Nam mới có mà thôi.

● TÂM TÌNH NGƯỜI VIẾT:

Người viết bài này hân hạnh đã có mặt trong tất cả các buổi trình diễn Nhạc-võ Tây-sơn, nhưng không có lần nào hoàn toàn mãn nguyện.

Vì lẽ, theo người viết, bộ môn Văn hóa này cần phải được chấn hưng và trình diễn theo đúng truyền thống. Thế nhưng từ trước đến nay, về mặt Chính quyền thì ít để ý đến, mặc dù trên thực tế đã công nhận nó là hàng và siêu việt nhưng

không đặt thành kế hoạch để chấn hưng. Còn về nghệ-sĩ thì vì thiếu sự đề ý đề cao của Chính quyền nên có mặc cảm bị bỏ rơi, phần thì bận rộn sinh kế làm ăn nên cũng không công đâu tập luyện. Cho nên trong tất cả những lần trình diễn, người nghệ sĩ đều ở trong trình trạng « bắt cóc », chẳng khác nào bắt nước sôi rồi lúc bây giờ mới đuổi gà nên không tránh khỏi sự lụp chụp vì thiếu chuẩn bị, thiếu tập dượt, nghệ sĩ nhớ được ngón nào học được của ngày trước thì trở ra ngón ấy chứ không có thì giờ xét duyệt lại, tập tành thêm cho hoàn mỹ và thường chỉ trình diễn thuần việc đánh trống, thiếu phần phụ họa

Người viết xin mạn phép đề nghị với những nhà hữu trách nặng tình với hóa Dân tộc và với Hội Văn hóa Tỉnh Bình Định, nếu xét bộ môn Nhạc - Võ Tây-Sơn là quốc túy và có một giá trị lịch sử huy hoàng thì cần phải đặt kế hoạch cụ thể để bảo tồn và phát huy. Bạn Tân Phong và Mười Thông chắc sẽ sẵn sàng truyền lại nghệ thuật này cho đoàn

trai tấn.

Chúng ta còn nhớ, ngày xưa « Người Việt đã nghe tiếng gọi của Trưng - Trắc, Trưng . Nhị mà chống lại Tô-Định » muốn lấy luật pháp mà trói buộc đã mười năm gian khổ theo Lê Lợi để khỏi phải bím tóc và kết đuôi sam giống người Minh, đã cùng Nguyễn-Huệ đánh trống tiến quân vào Thăng Long để đuổi đám tướng binh nhà Thanh nhiều loại cuộc sống của dân chúng ».

« Và chắc chắn mãi mãi về sau dân tộc Việt - Nam còn thì Văn Hóa Dân Tộc Việt Nam cũng vẫn còn, và vẫn còn cái tinh thần bất khuất để bạo vệ nền Văn hóa của Dân Tộc (2) Bởi vì, chúng tôi nghĩ, tiếng trống Lạc-Việt luôn luôn mang nặng tình tự Dân tộc và Văn hóa Việt-nam không bao giờ thiếu vắng tiếng trống đặc trưng đó.

Sinh-Hòa THÁI-ĐÀU

(1) *Lịch sử Tư tưởng Việt-nam*, của Nguyễn-đăng-Thục tập I Tủ sách Viện khảo cổ, Bộ Văn hóa xuất bản 1967.

(2) *Văn Hóa Dân Tộc trước những nhu cầu của Đất nước*, của Giáo sư Trần-ngọc-Ninh, Lạc-việt xuất bản 1969.

Phong trào kháng thuế tại

QUẢNG-NGHĨA

* NGUYỄN-TẤN-LỘC
KBC : 4744

NĂM Mậu - Thân (1908)
Phong-trào kháng thuế ở miền
Trung từ các Tỉnh Quảng-Nam,
Quảng-Nghĩa, Bình-Định, Phú-
Yên lan dần đến các Tỉnh Thừa-
Tiên, Quảng-Trị, Hà - Tĩnh,
Nghệ-An, Thanh-Hóa... Riêng
tại Quảng-Nghĩa Phong - trào
dưới sự lãnh-đạo của hai ông
LÊ - KHIẾT và NGUYỄN - BẢ-
LOAN.

Chính-sách siêu cao thuế
nặng mà thực dân Pháp đã đề
ra để bóc lột tận xương tận
tủy người dân Việt, dưới danh
nghĩa khất thuế (xin giảm thuế)
mà những nhà Lãnh-đạo đã đưa
ra quả là một chính sách
thượng đẳng rất thích-hợp cho
cả dân chúng lúc bấy giờ,

chẳng khác nào như hạn hán
lâu ngày gặp được cơn mưa.

Nhưng không phải chỉ có
một cái nghĩa thuần-túy là khất
thuế mà thật ra Phong-trào
còn có nhiều mục đích khác.
(có lẽ là mục đích chính) là
chống Pháp, gây áp lực buộc
những kẻ lưng chừng và tay
sai thực dân sớm ý-thức mà
hợp tác với phong trào. Phong
trào còn có mưu đồ to tác hơn
là sẽ đi đến việc giành lại chủ-
quyền Quốc-Gia đang ở trong
tay bọn Thực Dân đế-quốc.

Vụ kháng thuế đầu tiên xảy
ra vào thượng tuần tháng hai
năm Mậu-Thân (1908) tại Huyện
Đại-Lộc (Quảng-Nam) một cuộc
biểu tình xin xâu dòng hàng ngàn
hàng vạn người. Cuộc xin xâu

này diễn ra thật là ôn-hòa, trật
tự, tuy vậy bọn Pháp đã đã
đưa ra lệnh cho bọn đàn em xả
súng bắn vào những nông dân
vô tội, kể chết người bị thương
năm la liệt. Những nhà Cách-
Mạng cầm đầu cuộc kháng thuế
này đều bị bắt và kết tội tử
hình, người thì bị đày đi Côn-
Đảo.

Sau vụ kháng thuế ở Quảng-
Nam mà bọn Thực-dân đã ra
tay đàn-áp đẫm máu, chúng
trưởng sẽ đập tắt được ngọn lửa
đấu tranh. Nhưng chúng đã làm
to, lòng người dân lại căm thù
thêm gấp bội như lửa cháy
thêm dầu, nên khoảng một
tháng sau (Tháng 3 năm 1908)
vụ khất thuế lại xảy ra ở
Quảng-Nghĩa đồng như kiến cỏ
bao vây cả thành Quảng-Nghĩa,
người nông dân đi xin xâu ăn
mặc quần áo rách rưới, đầu đội
nón cời có lẽ đem-tả cái cuộc
sống cơ cực này bởi do chính
sách-siêu cao thuế nặng gây
nên.

Trong vụ kháng thuế ở
Quảng-Nghĩa ngoài lãnh sự do
trực-tiếp của 2 ông LÊ-KHIẾT
và NGUYỄN-BẢ-LOAN còn có
Cử-Nhân NGUYỄN-SUY (Cử-Suy
Đà) người đứng về mặt cổ-vấn,
cổ-võ tinh-thần, phổ-biến tân

thi, sách động dân-chúng cả sâu
phủ đồng loạt đứng dậy
tham-gia phong-trào kháng thuế.

Trong các tân thi của cụ có
bài «LIÊN KHÍ HUYẾT CA»
được truyền-tụng cho đến ngày
nay:

«Hò Đồng-bào, liên khí
huyết ;
Liều tử-tiết, tử-tiết tử
cương.
Cơ-hội này mấy nào lòng
thương,
Quán Sơn-Đầm, Quán Khố
Đồ.

Linh giả nhọn kinh.
Hãy quân minh, lòng sắt
đình-ninh.
Người tập binh cũng
An-Nam binh,
Chữ thình đồng thình, chữ
thình đồng thình.
Anh em ta cả thấy xin
khuyến ngã.

Khuyến ngã dân quyền.
Răn rứa chừ, không khai
tri hóa,

Sao cho khá với người, để
tiếng cười.

Xấu hổ ngàn năm, năm
ngàn năm.

Ngàn năm lâu dài, ai hãy
là ai.

... (quên đoạn sau)...

Bọn Pháp đứng trước cuộc biểu tình khất thuế đông như nước lũ nên chúng run sợ ra lệnh cho bọn tay sai đóng chặt các cửa thành, Cửa Đông, Cửa Bắc (Bắc Môn) đều bị đóng kín. Khác hẳn với vụ khất thuế ở Quảng-Nam là mặc dù có sự chỉ-thị của Quan thầy họ là bản xứ vào đám dân biểu-tình kia nhưng bọn lính tập có lẽ động tâm trước cảnh ăn mặc đói rách của đám người đi khất thuế nên bọn chúng chẳng làm gì.

Cuộc vây thành kéo dài hơn một tuần nhật, bọn Thực dân Pháp biết không thể làm gì hơn nên cho vời hai nhà lãnh đạo vào để thương-nghị. Hai ông LÊ-KHIẾT và NGUYỄN-BÁ-LOAN được viên Công Sứ mời vào, bảo hai ông tìm cách leo vào vì các cửa thành đã đóng kín. Hai ông lại bắt thang trèo vào, thế là hai ông bị giữ luôn trong đó. Biết hai ông bị đánh lừa nên đám dân khất thuế bắt loa vào yêu cầu phải thả hai Thủ-lãnh của họ ra tức khắc nhưng bọn Pháp vẫn im-hoi lặng tiếng.

Tình-hình của đám dân xin

xấu có phần hơi nao-núng. Qua ngày thứ-chín thình-linh bọn lính khố đỏ, sơn-dầm ở Quảng-Nam kéo vào ò-ạt như thú dữ say mồi, bọn chúng thẳng tay bắn giết đám bản dân khất thuế. Như rấn mất đầu lớp chết, lớp bị thương lớp còn sống chen lấn nhau mà chạy. Hai ông LÊ-KHIẾT và NGUYỄN-BÁ-LOAN bị quân Pháp kết tội «Leo thành bất hợp pháp» và tội «Hỗ hào đả-địch, cổ-vô dân quyền» nên đem hai ông ra hành-quyết, riêng phần NGUYỄN-SUY thì bị đẩy đi Côn đảo với tội «Khốc lực phủ, dân chi tiền».

Thế là cuộc khất thuế ở Quảng-Nghĩa đều bị tan rã hoàn-toàn. Việc mời hai ông LÊ-KHIẾT và NGUYỄN-BÁ-LOAN vào thương-nghị là trò-mưu xảo quyệt, lừa đảo để bắt hai vị Thủ-lãnh của Phong-trào rồi sau đó sẽ thẳng tay đàn áp những người tham-gia còn lại.

Trò mưu ấy quả là thành-công thật nhưng lại là trò mưu đốn-mạt của lũ người đầy vũ-lực đối với một đám người không vũ-khí. Với hai ông LÊ-KHIẾT và NGUYỄN-BÁ-LOAN kẻ viết thăm trách hai

ông chỗ không được sáng suốt trước mưu kế dè hèn của chúng, mình là một bậc lãnh đạo của một Phong-trào, nếu bảo rằng thương-nghị đúng cái nghĩa thương-nghị của nó thì phải mở cửa thành để vào mà thương-thuyết, đáng này hai ông lại bắt thang leo vào để chỉ chúng kết tội là «Leo thành bất hợp pháp» và đi vào con đường không lối thoát.

Nếu hai ông bình-tĩnh nếu không nói là sáng suốt một tí thì có đâu xảy ra cuộc đàn áp đẫm máu, có đâu hai ông phải

bị tử hình và có đâu cuộc đàn áp lùng bắt dân chúng biểu tình trong suốt thời-gian mấy tháng trời. Mà biết đâu cuộc tranh đấu sẽ đi đến một kết quả tốt hơn.

Nhưng dầu sao hai ông là những con người gan dạ, là ngọn đuốc soi đường cho các phong-trào nổi dậy lan-tràn ở các Tỉnh Bình-Định, Phú-Yên, Thừa-Thiên, Quảng-Trị... nói lên cái tinh-thần bất-khuất của người dân Việt.

NGUYỄN-TẤN-LỘC



- Il vaut mieux tenir que courir.
- Un tien vaut mieux que deux tu l'auras.

Ý nghĩa : có ít, nhưng chắc chắn, tốt hơn là hi vọng hão huyền.

TỤC NGỮ PHÁP



□□ THẾ-LAN

SƯ - CÔ TỊNH - CHÂU

SƯ-Cô từ trong thềm chùa bước ra dậm dậm bụi trước sân, đứng lưỡng lự, đôi tay yếu ớt ve-vẩy mấy chiếc hoa tươi còn đọng sương mai. Đôi mắt Sư-Cô sáng lên và tâm hồn như hoà nhịp với bầu không-khí ban mai thoảng gió nhẹ nhẹ. Sư-Cô mỉm cười, một cái cười thắm kín khó hiểu.

Trong nhà đông, giọng nói thanh thanh và đồng đặc của Ni-Trưởng gọi:

— Tịnh-Châu con!

Tiếng niệm Phật trầm trầm đáp lại, kể theo tiếng guốc vang

đều lặn vào chùa. Ni-Trưởng hỏi

— Hôm nay con có điều chi trắc-ấn trong lòng chăng?

Sư-Cô bình-tĩnh và điềm đạm trong giọng lễ-độ đáp:

— Thưa thầy chẳng có điều chi.

Ni-trưởng dạy:

— Con đi dùng tiểu-thực với huynh-đệ rồi lo sắp xếp công việc trên chánh-điện để chuẩn bị thời tu sáng.

Ngoài kia mặt nhật bắt đầu phủ ánh sáng trên trần-gian. Chim-chóc thức giấc và riu-riú ở vườn sau. Cảnh Trúc-Lâm-Ni-Tự vẫn lặng thình nham nhìn

thời-gian chuyển-biến và sinh-hoạt. Dưới mái hiên chùa, xung quanh chiếc bàn con, năm người ngồi ngay-ngắn, đồng phục trong bộ nâu sòng đã bạc màu. Không một lời nói, không một tiếng cười. Những đôi đũa nhôm chạm chén bát phá tan bầu không-khí khó thở ấy. Bữa cháo trắng muối vừng xong, Ni-Trưởng — tuổi trạc năm mươi — nhẹ bước đến, năm người cùng đứng dậy một lúc, chấp tay thành kính lặng nghe Ni-Trưởng dạy:

— Cảnh thiên-môn không hiếm việc công-quả. Ngoài giờ niệm Phật tụng kinh, thầy dạy các con nên tự-túc trồng tría rau cải, khoai ngô để mùa này có vốn mà lo tiệc tùng. Công-quả như thế công-đức không phải nhỏ đấy các con ạ! Vậy sau giờ niệm Phật sáng nay các con hãy bắt đầu ra vườn lo dọn cỏ rác cho sạch-sẽ để ngày mai hạ sấn.

Năm cái đầu đồng cúi xuống nhưng không ai đáp một lời.

Trên gác, đại-hồng-chung đổ đều, lằng lằng như run chuyển hư không rồi chết dần trong không gian từng tiếng một. Ánh nắng mai dịu mát len vào cửa

sổ chánh điện sưởi ấm những cánh cà-sa vàng phủ ngoài các chiếc áo rộng màu lam khói. Sáu con người cứ ngồi bất cử động tựa như tượng gỗ. Mắt họ lim dim và tay lẩn trắng hạt. Đức Phật ngự trên tòa sen thắm màu đỏ sậm. Tổ vẽ hiên-hòa, Ngai vẫn cười...

Ngoài lộ trước chùa, xe cộ đua nhau chạy, người người hoạt động tranh nhau từng bước một, từng giây một. Xã-hội đang cần những con người cộng lực, tích cực sinh hoạt trong công việc từ thiện.

Đã gần đến ngo, nhưng ngoài sau vườn, năm chiếc nón lá trên năm con người son trẻ vẫn còn phơi mình ngoài ánh nắng gầy gò dần. Trong chùa, tiếng tụng kinh cúng ngộ của Ni-Trưởng đều đều với nhịp mõ.



Cứ một nếp sống như vậy, một nghi-thức bằng nhật như thế, năm con người ấy mặc-nhiên nhìn thời-gian trôi qua. Một năm rồi hai năm! Đến những năm năm! Họ chỉ biết ghi lại trong tư-tưởng một câu niệm Phật và lem-nhem vài bài Kinh nhật tụng.

Chiều nay, một buổi chiều trước mùa thu, người ta thấy Sư-Cô Tịnh-Châu tỏ ra sốt-sắng dọn-dẹp việc này việc nọ trong phòng riêng cũng như các việc lật-vật quanh chùa. Chiếc bàn con trước đầu đơn của Sư-Cô không còn để một quyển kinh đang được xem lỗ-dỗ. Trên đơn, chần chiếu xếp-đặt ngay-ngắn. Chiếc va-li mọi hôm để trong kho, hôm nay lại nằm bên hông giường.

Thời Tịnh-độ bắt đầu: Tối nay, Sư-Cô không tụng kinh mà chỉ nằm tiều-tụy thờ dài trên đơn, tay gát trán ra vẻ nghĩ-ngợi một điều chi nan-giải.

Bống có tiếng chó sủa ngoài ngõ. Sư-Cô vụt ngồi dậy và nhanh-nhẹn đến tựa cửa phóng mắt nhìn ra đằng xa. Từ ngoài cổng, một nữ sinh tuổi độ đôi mươi dịu dàng trong nếp áo màu lam nhạt bước vào. Hai người nhìn nhau ra vẻ đạo mạo. Họ mỉm cười. Không một lời chào khách sáo như mọi khi, họ dắt nhau vào phòng. Sư-Cô cất giọng khẽ hỏi:

— Thế nào đấy em? Công việc của Huynh đã xong chưa nhỉ?

Với giọng nói trẻ trung, nghiêm nét mặt, cô nữ sinh đáp:

— Thưa Sư-Cô, chúng ta nói khẽ hơn một tí, kẻo người khác nghe chẳng lợi. Công việc ấy em đã lo xong, vậy Sư-Cô chuẩn bị ngày mai lên đường. Em phải về ngay Sư-Cô ạ! Nếu cứ nấn ná ở đây, Ni-Trưởng biết được thì khổ em. Thôi em về — Sau thời công-phu khuya cò nhè!

Sư-Cô không trả lời mà chỉ nhìn cô nữ-sinh với cái nhìn đầy tin-tưởng. Ngoài sân tiếng chó còn sủa vẳng theo khách. Trong phòng, Sư-Cô ngồi chống tay vào cằm, trầm-tư mặc tưởng.

Một giờ, hai giờ khuya! Rồi đồng hồ trên tường lại rơi đều năm tiếng rõ-ràng trong đêm vắng. Gà bắt đầu gáy sáng. Tiếng tụng kinh nửa thanh nửa trầm hoà tiếng chuông ngân-ngã nghe như một khúc nhạc buồn buồn réo-rắc. Thời kinh chấm dứt bằng hai tiếng bồng và hai tiếng bả chúng chát-chúa. Từ trên đơn Sư-Cô đứng phắt dậy tay chòm lấy chiếc áo dài nâu bạc treo trên tường, nhanh-nhẹn choàng vào thân, Sư-Cô thẳng vào phòng Ni-Trưởng, trong lúc

những Sư-Cô khác đang xả y và vui-vẻ chuyện trò.

Trong phòng Ni-Trưởng, Sư-Cô Tịnh-Châu thưa:

— Bạch thầy, hôm nay con có duyên sự đầu thành đánh-lễ, xin tác bạch: — Thưa thầy, đã có nhiều lần con có cầu thầy cho phép con đi học thêm giáo-lý nhưng chưa thuận duyên. Hôm nay con thành tâm kính lạy thầy hoan-hỷ cho con đến Ni-Trưởng, S. H. hầu tìm hiểu nhiều hơn ngôi Pháp-bửu của Như-Lai, xin thầy chiếu cố cho. Một lần thưa, hai lần, ba lần thưa nhưng Ni-Trưởng vẫn im-lặng và cứ đủng-đảng kéo-kẹt trên chiếc võng. Sư-Cô nài-nỉ tha-thiết nhiều lời. Cuối cùng, Ni-Trưởng gay-gắt bảo:

— Cô tự liệu lấy. Cô phải nhớ rằng tôi còn chịu trách-nhiệm với cha mẹ cò.

Sư-Cô đáp:

— Bạch thầy! Con đã lớn và đã xuất-gia đầu Phật, quyền cha mẹ không còn đối với con nữa, quyền ở thầy vậy. Tuy nhiên, con không hề dám quên ơn phụ-mẫu. Xin Thầy rộng lòng thương con.

Quá nửa giờ da-diết với Ni-Trưởng, nhưng không có kết quả gì. Sư-Cô nài-nỉ nét mặt, mắt nhìn đăm đăm xuống đất, và với giọng nói gát-gông, Sư-Cô thưa:

— Thưa thầy, con không còn chiều chuộng được nữa. Con không đành để cuộc đời chết đi trong cái vỏ nghĩa của thời-gian. Xin thầy quyết-định cho con.

Lần này, Ni-Trưởng tuy cảm thấy áy-náy, giọng-gào mà nhỏ-nhẹ nhưng đầy vẻ tố-cáo, Ni-Trưởng đáp:

— Cô tự định lấy thể nào cho phải đạo.

Sư-Cô đứng lặng thỉnh vài phút. đoạn, cất giọng nhanh-nhẹn đáp lời một cách lễ-độ:

— Nam-Mô-A-Di-Đà-Phật! Bạch thầy, Thầy đã cho phép con tự định lấy đời con, vậy con xin theo lời thầy.

Sư-Cô bước nhanh ra cửa mà còn dọng bên tai mấy tiếng: «Đồ phản bội». Sư-Cô nhovn miệng cười. Thủng thỉnh bước vào phòng, Sư-Cô một tay với lấy chiếc nón lá đã mua ba năm trước, nhưng còn mới tinh, không một vết nắng mưa; một

tay xách va-li màu sơn còn bóng; miệng cười, cái cười cương quyết. Sư-Cô nói :

— Chào quý Huynh. Tôi đi và đi không có ngày trở về. Chúc các Huynh khỏe; vui và mong các Huynh thông-cảm sự ra đi của tôi.

Những người ở lại chỉ biết khóc tức-tửi để tiễn đưa mà thôi. Họ khóc không vì xa cách mà chỉ vì họ không đủ can-đảm.

Từ đây Trúc-Lâm-Ni-Tự vắng bóng một người. Ni-Trưởng. S. H. lúc bấy giờ có thêm một người. Người này vẫn công-quả, tụng kinh niệm Phật, vẫn tri phạm hạnh. Người này không phải chỉ làm bấy nhiêu chuyện, nhưng họ còn phải cần-cù học tập kinh-kệ thạo-thông. Đời tu và sinh-hoạt thường nhật của người này đơm nhuần một ý-nghĩa sâu-xa.

Vắng đâu đây những tiếng dèm pha xuyên-tạc của những người bảo-thủ nếp sống thoái-hóa trong lúc xã Hội đang tiến-hoá. Người tu-hành hiện-đại đang tiến-bộ trong khung cảnh cổ-kính, tuy nhiên, họ không cố chấp cố-lẽ bất-hợp-cơ, bất-hợp-thời. Hẳn Phật-Giáo chủ-trương :

«Phật-Pháp là thường Pháp, nhưng lễ-lối sống và hành-động của người hành đạo phải uyển-chuyển và phương-tiện hợp lý-hoá theo trào-lưu đang lên của thời đại, phương, sở».

Thế rồi, một hôm nọ hình bóng Sư-Cô Tịnh-Châu lại lại vắng trong một cô-nhi-viện ở Đô-Thành. Nơi đây Sư-Cô hy-sinh cuộc sống cá-nhân để cần-cù trong phận-sự. Qua sáu năm dài tu-học trong Ni-Trưởng. S. H. nét người Ni-Cô già-dạn và nghiêm-nghị hơn trước, với những kinh-nghiệm sống tập-thể, với những nếp sống tâm-linh thuần giáo-lý Phật-đà. Sư-Cô trở nên một nhân-vật hữu ích cho xã-hội.

Trước sân Cô-Nhi-Viện, trẻ em lên bảy lên năm đùa giỡn vui vẻ vòng quanh Sư-Cô. Gọn ghẽ trong chiếc áo dài màu nâu sậm, Sư-Cô dịu dàng hướng dẫn trẻ em sinh hoạt ngoài trời bằng những trò chơi nhỏ nhỏ. Bầy trẻ nô đùa. Đứa cười khúc khích, đứa la vang reo hò. Đôi môi Sư-Cô không còn màu tím sẫm, đôi mắt Sư-Cô sáng hơn xưa. Sau một tiếng

reo ngày-ngó của đàn trẻ, Sư-Cô khẽch miệng cười tươi-tắn. Ngoài những giờ giúp việc ở Cô-Nhi-Viện Sư-Cô còn có mặt trong tổ-chức cứu-tế xã-hội hoặc trong cơ-quan Liên-đới thực-hiện từ-thiện Quốc-gia... Sư-Cô còn phụ-trách thêm môn triết-học ở trường Đại-Học. Từ đây Sư-Cô Tịnh-Châu trở nên một người tích-cực hoạt động. đương-nhiên Sư-Cô không để màu nâu sồng bần bị trần-gian.

Thường đêm, trong Ni-Trưởng. S. H. Sư-Cô Tịnh-Châu quý trước Phật-đài thành kính dâng hương cầu-uguyện và tri kính nhật-tụng. Giọng Sư-Cô thanh-tao, cao cao ngân như nổi lên sự tiến bộ không ngừng của cuộc sống.

Nhưng than ôi ! chỉ một thời gian thôi, sau một đêm thành trận tiếng sấm — sáng ra mới hay Sư-Cô đã bị một viên đạn xuyên qua ngực chết — một cái chết thê thảm hãi hùng đã gieo vào lòng muôn kẻ ở lại một nỗi tiếc thương...

Từ đó, bên cạnh Trúc-Lâm-Ni-Tự đã mọc lên một nấm mồ xanh cỏ. Nơi gởi gắm thi hài của Sư-Cô Tịnh-Châu giờ đây chỉ còn những chiếc lá vàng

xây mộ và tiếng ve sầu rả-rit té buốt cả trời hoang.

Rồi.. mãi đến một đêm trăng nơi Trúc-Lâm-Ni-Tự lại xuất hiện một bóng người tay cầm bó hoa huệ âm thầm tiến thẳng đến nấm mồ của Sư-Cô Tịnh-Châu, đứng lặng một lúc — bỗng bóng ấy quý xuống bật lên một tiếng nấc rồi đi trong đau thương cùng bàng hoàng buông nhẹ chùm hoa huệ đã nhợt bầm trong bàn tay xuống đất và ôm choàng lấy nấm mộ Sư-Cô, khóc nức nở và kêu lên :

— Em !

Nguyên đã về đây !

Nguyên đã...

— A-di-Đà-Phật ! Khách từ đâu đến đây ? Tiếng niệm Phật và tiếng hỏi trăm trăm làm bóng người khách lạ giật mình ngược lên.

Ni-Trưởng đã bước đến đứng cạnh người khách lạ từ bao giờ — người khách lạ cúi đầu chào :

— A-Di-Đà-Phật ! Ni-Trưởng lâu nay vẫn khoẻ ?

— A Di Đà Phật ! Thì ra là chú !

— Thừa vàng, cháu là Nguyên !

Ni Trường thờ dài nói :

— Tất cả đều hãy cho qua
đi — chú nhớ làm gì
nữa — người chết rồi hãy để
cho họ được yên.

Nguyên ngân đầu nhìn trắng,
bên khóc mắt còn long lanh đôi
dòng lệ, buồn buồn đáp :

— Vâng ! Cháu sẽ cố quên !

— Trăng cũng vừa ló dạng rọi
rõ lên năm mộ của Sư Cô Tịnh-
Châu, trăng và Nguyễn giao
mặt.

THẾ LAN
(Vũng-Tàu — 70)



● **Half a loaf is better than no bread.**

Mieux vaut peu que rien.

(Có ít còn hơn là không có gì)

TỤC NGŨ ANH, PHÁP

✱ **Enough is as good as a feast**

Suffisance vaut abondance.

Có đủ cũng bằng dư dã.

TỤC NGŨ ANH, PHÁP.



Chuyện người con gái cải trâm

Có một nàng con gái xinh...

Lấy chồng thời chiến chinh

Nàng :

Chiếc trâm kỷ niệm

Đã ước thệ duyên tình

Từ đó xa nhau...

Tóc nàng

Như dòng suối cạn

Ôm tấm thân gầy xơ xác đáng có liêu

Mắt nàng khô suốt lệ

Nghe thương nhớ đầy vơi

Màu tím

(Tim cả hồn em)

Tim chiều thu ly biệt

Tâm tư nàng mang trọn nỗi sầu thương

Trong đêm kỷ niệm

Chàng

Ngắm chiếc trâm xưa

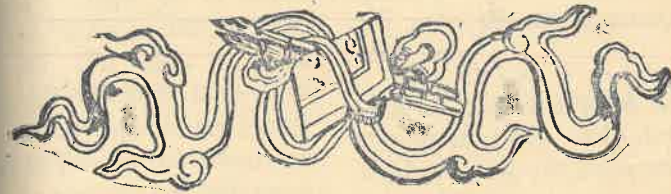
Như trâm thương — ngàn mến !

Như oan trái — đọa trường !

Em ơi !

Em ơi !
 Tìm màu ly biệt :
 Tìm cả lòng anh
 Tìm màu thiên t anh kỷ niệm
 Giữa chiều thu
 Người chinh phụ
 Ngóng chinh phu
 Tóc xanh ngàn liễu rủ !
 Từ độ xa nhau...
 Ngỡ đâu là lẽ cũ!?
 Nàng được tin
 Chàng chết giữa chiến trường !?
 Mắt nàng khó suốt lệ
 Máu tím
 (Tìm cả hồn em)
 Tìm chiều thu biệt
 Rồi...
 Bên mộ chàng
 Nàng quấn chiếc khăn tang !!
 Tóc xanh ngàn liễu rủ !
 Chiếc trâm xưa
 Nàng không cài lên tóc rối
 Mà cứ ngỡ là
 Huyền thoại kỷ niệm của ngày xanh
 Anh ơi !
 Anh ơi !
 Không tìm màu ly biệt
 Sao tiếc nhớ xa xăm ?
 Chuyện người con gái cài trâm
 Dáng chiều xơ xác âm thầm khóc thương !

HOANG-VIỆT-XUÂN



ĐỀ - GI

□□□ LÊ NGỌ QUANG

quang gần cửa biển Đề-gi.

ẤP AN-QUANG

Ấp An-quang quy tụ gần 6.000 người dân và là nơi đông đảo nhất trong số 14 ấp toàn xã An-quang cũng là ấp phồn-thịnh vì nhờ có cửa biển ở phía đông và chợ Gành ở phía tây tại một nơi gành đá cạnh đầm Nước-ngọt thuộc xã Cát-minh. Gành cao 100 thước, từ tháng 8 đến tháng 2 âm lịch thác nước tung bọt trắng xóa. Đây cũng là nơi nam thanh nữ tú đến viếng cảnh và lúc dời gót ra đi đã thốt câu :

RỒI quận lỵ Phù-cát (tỉnh Bình-định), du khách theo quốc lộ số 1 đi về hướng bắc độ 7 cây số, khi đến Chợ-Gôm thuộc xã Cát-hanh, đi ngoặt về phía đông theo con đường liên hương đến Đề-gi.

Đề-gi thuộc xã Cát-khánh, một xã cách quận lỵ Phù cát 27 cây số và về phía đông bắc với dân số gần 12.000 người.

Xã Cát-khánh đông giáp biển Nam-hải, tây giáp dãy núi Bà, bắc giáp đầm Nước ngọt, nam giáp hai xã Cát chánh và Cát-thắng. Xã lỵ đặt tại ấp An-

«Đốc núi Gành sều dài mười
hai nhịp,
Thương nhau rồi cách biệt
về đầu».

Ấp An-quang nam giáp ấp
Chánh - lợi, bắc giáp đầm
Nước-ngọt, tây giáp ấp Ngãi-
an và nam giáp biển Nam-hải.

Chính giữa ấp này có lăng
Ông (lăng thờ cá Ông Voi).
Lăng lợp ngói, xây cất từ
năm 1967. Hằng năm vào ngày
10-4 âm lịch, tại lăng này
thường tổ chức «hát Ông» (tức
hát chèo bá trạo). Theo các
ngư phủ tại đó, mỗi khi cá
Voi lỵ, người nào nhìn thấy
trước tiên được xem như
trường nam, đầu rơm mũ
bạc, ăn chay năm đất ba ngày
đêm. Sau cuộc tế lễ, cá Voi
được đưa ra chôn cất trước
lăng đường, chờ ba năm lấy
cốt đưa vào đặt trong một cái
khám gỗ tại lăng này.

Cũng tại ấp An-quang, chùa
«Thắng-quang» được thiết lập
từ năm 1967. Gần đó, một ngôi
đình lợp ngói, tương truyền
xưa kia rất linh thiêng.

Đọc theo bờ biển, từ ấp
An-quang nối tiếp với ấp

Chánh-lợi, đào cát lên một
thước là có ngọt. Theo lời
truyền khẩu, xưa kia vua Gia-
Long bị quân nhà Tây sơn
đánh đuổi chạy đến hải-phần
Đề-gi, các chiến thuyền đều
hết nước dự trữ. Vua Gia-
Long liền cho ghe vào cửa Đề-
gi và đến vùng núi Lan-son
tại ấp Vinh-lợi thuộc Mỹ-thành
đối diện với ấp An-quang để
đào giếng lấy nước. Lưỡi
cuộc vừa chạm xuống cát vài
tấc, nước đã trào ra. Nơi đây
sau này được dân chúng gọi
là giếng «Bẹn».

CỬA ĐỀ-GI

Cửa Đề-gi rộng 100 thước.
Cửa biển này thông với đầm
Nước-ngọt ở phía tây, phía
bắc giáp hòn Lan-son, phía
nam là mũi đất Đề-gi thuộc
ấp An-quang.

Nhắc đến Đề-gi, dân chúng
địa phương không quên những
câu :

«Đề-gi có núi Lan-son,
Có đầm Đạm-thủy nước rờn
rờn xanh.
Đề-gi bao cảnh hữu tình,
Trời xanh núi bạc có mình
ngồi trong».

hay là :

«Miền An-lợi thuyền câu qua
lại.
Cửa Vinh-đề cách một dặm
bơi.

«Miền Lan-son đứng ngó chơi
vời,
Đầm Đạm-thủy bốn mùa
phong thủy...»

Miền An-lợi tức là chữ ghép
hai ấp An-quang, Vinh-lợi và
cửa Vinh-Đề tức ghép hai chữ
Vinh lợi, Đề-gi.

Tại Đề-gi, hương vị đặc
biệt nhất là gỏi cá cơm trồng
và cá thu nấu cháo.

Trước đây, Đề-gi là một nơi
du khách thường đến nghỉ mát
mỗi khi hè về. Trong những
năm vừa qua, các chiến sĩ Đại-
Hàn thuộc trung-đoàn 1 bộ
binh cũng thường nghỉ mát tại
bãi biển Đề-gi sau những ngày
hành quân mệt nhọc.

Trong bài hát của ngư phủ
có đoạn nói về Đề-gi như sau :

«Trực nhìn thấy mũi Vi-
rông,
Hòn Lan, Nước-ngọt ẩn đầm
Hòn Khô.
Trực nhìn Suối Bún, Vũng
Tó,
Ông ằm nằm đó, xanh lơ biển
trời»

Ông ằm đây tức là những
ghềnh đá gồ ghề của dãy núi
Bà nhô ra sát biển tại xã Mỹ-
thắng.

HÒN KHÔ

Hòn Khô cách bờ biển Đề-
gi 8 cây số, chu vi độ 1000
thước. Nơi đây đá mọc lôm
chôm. Tại Hòn Khô, một miếu
ngói dựng lên từ lâu, mỗi năm
nhằm ngày 10 tháng tư âm
lịch, các ngư phủ lại đến lễ
bái cầu cho được yên ổn. Cũng
tại đảo này, những hang yển
như hang Nồm, hang Bắc,
hang Nam... với muôn ngàn con
yển bay lượn. Có những hang
muốn vào lấy tổ yến phải lặn
xuống nước, luồn qua những
mô đá vào phía trong và trồi
mình lên, dùng đèn nền mò
mắm đi vào hang tối.

MŨI RỒNG VÀ HÒN SON

Cách Đề-gi một cây số về
phía bắc tại ấp Tân-Phụng
xã Mỹ-Thọ, núi Vi-Rồng chạy
ra sát biển và dài nửa cây số.
Nơi ghềnh đá nhô ra biển (độ
20 thước) tục gọi mũi Rồng vì
giống như con rồng với những
tảng đá màu đỏ thẫm. Dưới
mũi Rồng, miệng Rồng há to

với bề cao 10 thước và ngang 7 thước. Chính giữa miệng Rồng, một hòn đá tương tự cuống họng con Rồng và nơi đây nước biển tuôn qua sỏi đá.

Tương truyền ngày xưa, một con Rồng bò đến nơi đó, nhưng bị tướng Cao-Biên chặt đứt khúc, đầu Rồng rơi xuống biển cách đó một cây số về phía đông nam biển thành (hòn Rạn Ông Bộ), máu rồng vọt thành Hòn Sơn tại ấp Hưng-lạc xã Mỹ-thành. Ngày nay, tại Hòn Sơn có nhiều đá son được đồng bào địa phương lấy về mài mực.

HÒN LAN SƠN

Hòn Lan-sơn dài hai cây số thuộc ấp Vĩnh-lợi xã Mỹ thành, nằm phía bên bờ bắc cửa Đê-gi. Núi này toàn cát với những đá và thông xanh. Tại núi này, sát gành Lan-sơn tại một cụm đá tục gọi Vững-bầu, hòn « đá bàn » bằng phẳng dài 6 thước 4 thước. Dân chúng bảo rằng nơi đây ngày xưa các tiên ông thường đến uống rượu. Đồng bào địa phương còn cho biết, tại hòn

Lan-sơn có mỏ vàng nhưng còn non.

Phía dưới hòn « đá bàn », những rạn đá lởm chởm sát biển. Tại đó những con ốc với những màu xanh, trắng, đỏ, vàng ónh ánh.

Nơi đây, du khách có dịp ngồi trên những phiến đá vừa câu cá, vừa say nhìn sóng nước trùng dương.

ĐẦM ĐẠM-THỦY

Đầm này dài 6 cây số đầm Nước-ngọt hình chữ nhật, phía nam giáp mũi Gành, phía bắc giáp ấp Vĩnh-lợi thuộc xã Mỹ-thành, phía đông giáp hòn Lan-sơn, phía tây giáp xã Cát minh.

Đầm này, tôm cá là nguồn lợi lớn nhất của ngư dân. Ngoài ra tại đó còn có nhiều lươn, chình, ghe...

Cồn Ghe tại đầm này dài 500 thước, rộng 200 thước. Những khi nước lớn, không trông thấy cồn Ghe, nước cạn cồn này hiện rõ. Tại phía gần cửa sông La-tĩnh thuộc đầm này, một hòn rạn khác nhỏ hơn tục gọi là « Hòn Dê ».

Bây ấp quanh đầm này gồm

có Thạch-an, Đức-phò, An-mỹ An-xuyên, An-hoan, Hưng lạc, Xuân-cảnh đã lấy nước đầm này làm muối. Trước đây, mỗi năm từ tháng 2 đến tháng 6 âm lịch, các diêm dân sản xuất lối 100.000 tấn muối. Muối tại vùng này nổi tiếng tốt nhất so với toàn quốc. Hiện nay, số muối sản xuất có phần nay sút và mỗi tấn muối kém bán với giá 2.000 đồng.

CÁ NỒI CÁ CHÌM

Tại hải phận Đê-gi, các ngư dân thường đưa ghe ra đánh cá tận ngoài khơi và có khi cách bờ đến 20 cây số. Từ tháng 2 đến tháng 6 âm lịch là mùa gió nồm, họ thường dùng lưới nơm (đan bằng sợi nilon) đánh cá nôi. Mùa này cá thường nổi gần mặt nước. Các loại cá thuộc mùa này gồm cá ngừ, cá thu, cá bẹ, cá hồng cá trườn, cá lờ ò...

Từ tháng 7 đến tháng chạp âm lịch là mùa gió bắc Cá lội dưới biển sâu. Do đó gọi là mùa cá chìm. Mùa này, ngư phủ thường lưới được cá hồng, cá ngừ, cá đàn bí, cá mú...

Những lúc trời im, tại hải

phận Đê-gi mỗi ngày có thể thu hoạch 20 tấn cá, bình thường số cá thu hoạch lối 10 tấn. Mùa gió bắc các ngư phủ thường dùng lưới tư (đan bằng cước) đánh cá.

Các ngư dân còn câu cá bằng cách móc mỗi cá nục sống vào lưới câu có cột dây cước. Thường lưới câu số 5 số 6, số 7 câu cá thu và lưới câu số 9 câu các loại cá nhỏ như cá gáy...

Các ngư dân còn câu búa bằng cách thả một nẹp gồm 100 lưới câu và lưới này cách lưới kia 1 thước rưỡi. Câu búa thường dùng mỗi tôm và câu được các loại cá đồng cá nấp bầu, cá lẩn... Các ngư dân cho ghe ra cách bờ biển 8 cây số, mỗi ghe thả chừng 4 nẹp gồm 400 lưới câu.

DECAPAN

THUỐC THOA.CHUYÊN
TRỊ CÁC BỆNH NGOÀI
DA.

Trường hợp câu cá mập, cá
ngheo, họ dùng lưỡi câu số 2
tức loại lưỡi câu lớn hơn cộng
tăm và móc mỗi cá hồ.

CÂU MỰC

Riêng về câu mực, các ngư
dân chờ đêm đến cho thuyền
ra cách bờ biển 2 cây số, thả
đèn manchon sáng lên cả một
vùng. lúc bấy giờ lấy sợi nhợ
có cột miếng vải nilon thả
xuống nước, Thế là mực bám
sâu vào. Ngư dân kéo mực
lên đưa vọt hứng.

Câu mực bắt đầu từ tháng
4 đến tháng 7 âm lịch. Mực
gồm 2 loại ; mực thẻ dài từ
1 tấc đến 1 tấc rưỡi, mực đất dài
từ 3 đến 4 tấc, lớn bằng cò
tay và màu kim tuyến.

Mực thẻ câu được chỉ lược,
xào hay muối để ăn. Riêng
mực đất có thể xẻ ra và sau khi
phơi nắng độ hai ba ngày có
thể bán với giá mỗi ký lô 800
đồng. Loại mực này gọi là
« mực khô », nướng đi và
nhấm với rượu thật là ngon
lành.



NHẠC ! NHẠC ! NHẠC !

- Nhạc hay nhất !
- Giá hạ nhất !
- Đủ mọi loại nhạc !

Riêng nhạc Việt, kỹ-thuật thâu hay hơn bằng cái
(master tape).

Xin mời tới :

PHONG'S RECORDING SHOP
102/5 TRUONG-MINH-KY, GD.

(Trương-minh-Giang nổi dài)

Thâu băng lớn và cassette, âm-thanh nổi và trung
thực.

VÒM TRỜI

văn hóa quốc tế

□□□ NHUYỄN-KHẮC-TIẾN-TÙNG

Á-CĂN-ĐÌNH

Giải thưởng văn chương
về tay Jorge Luis Borge
người đã từng độc lập
với cựu độc tài Péron

NHÀ văn Á căn đình Jorge
Luis Borges vừa được giải
thưởng văn chương tại São
Paulo. Thời Juan Péron
còn ngự trị tại Á căn đình, ông
là Giám đốc thư viện quốc gia
nhưng sau khi ký bản tuyên
ngôn chống lại nhà độc tài này
ông bị cất chức và bị theo dõi
ngghiêm cẩn.

Mới 8 tuổi ông đã viết
quyển sách đầu tay và khoảng
năm 1920 ông bắt đầu có tiếng
ở Âu châu, chính ở đây (Anh,
Thụy sĩ) ông đã sống những
ngày thơ ấu. Ông có tài viết tùy
bút, tiểu luận và đã góp mặt
không phải không xuất sắc
trong địa hạt thơ trữ tình,
nhưng chính những chuyện
ngắn đã làm Jorge Luis Borges
nổi tiếng hơn.

LIÊN-SÔ

Đoạn trường của một
nhà văn Nga : Ginsburg,
từ trại cải huấn tới nhà
tù.

Nhà văn Ginsburg năm 1968 bị kết án năm năm làm việc tại trại lao động cải huấn Potma thuộc Cộng-hòa xô viết Moldau. Nguồn tin mới nhất cho hay ông đã bị di chuyển tới nhà tù Wladimir cách Moscou không xa. Lý do sự di chuyển được công bố nhưng người ta có thể tìm được mỗi giây nhân quả giữa biện pháp cho Ginsburg vào tù và cuộn băng được một phóng viên Hoa-kỳ từ Nga về công bố trong một chương trình vô tuyến truyền hình tại Mỹ cách đây ít lâu và gần đây nhất tại Hòa-lan. Trong cuộn băng này Ginsburg đã kể lại trường hợp 6 tù nhân chính trị bị chết tại trại cải huấn lao động vì thiếu thuốc men và sự săn sóc của bác sĩ. Phóng viên vô tuyến truyền hình có đề nghị với các nhà văn và nhà trí thức Nga khi thu lời họ vào băng là họ có thể dấu tên, nhưng tất cả đều từ chối biện pháp phòng vệ này. Việc Ginsburg bị di chuyển từ trại cải huấn vào ngục thất phải chăng chính là hậu quả của thái độ can trường đó? Và sau Ginsburg rồi đến lượt ai đây?

TIỆP KHẮC

Nhân vật tự diễn.

Tiếp khắc là một nước Đông Âu có trình độ văn hóa kỹ thuật

cao được nhắc nhở nhiều kể từ đầu năm 1968, khi bắt đầu «mùa xuân Prague» và sau vụ quân đội các nước thuộc minh ước Varsowie can thiệp để chấm dứt cuộc cải cách nhân hóa chế độ Cộng-sản. Tuy thế qua báo chí ta chỉ biết được về những nhân vật chính trị quan trọng như Svoboda, Dubcek, Sik, Husak, Strougal.v.v... Để bù vào các thiếu sót cho các nhà khảo cứu chuyên môn và những ai muốn tìm hiểu kỹ càng về Tiếp khắc, Heinrich Kuhn đã cho in cuốn «*Tự diễn nhân vật Tiếp Khắc*» (*Biographisches Lexikon der Tschechoslowakei*) tại nhà Robert Lesche, hậu duệ của nhà xuất bản Cave trước kia, 1 nhà xuất bản đại học tại Prague. Cuốn này là những tờ rời ghép lại với nhau, khi cần có thể tháo riêng ra được.

Lần phát hành thứ 3 hiện nay (ngoài hai lần trước kia) có ghi thêm 370 tiểu sử, tức là ghi thêm 370 nhân vật đại diện cho các ngành sinh hoạt từ nhân vật Đảng, Nhà nước, cho tới nhân vật của đoàn thể nhân dân, của ngành ngoại giao cũng như của đời sống văn hóa.

Những tiểu sử này rất cần thiết và thích hợp cho việc tìm hiểu các khuynh hướng chính

trị, các sự diễn biến mới ở Tiếp khắc, nhất là khi tác giả cuốn tự diễn rất vô tư, khách quan, không đặt ra 1 bậc thang giá trị nào cũng như không thiên kiến trong khi chọn ghi lại tiểu sử các nhân vật vào tự diễn.

ĐAN MẠCH

Mỗi duyên vật lý : Huy chương Niels-Bohr cho 1 giáo sư Đức

Thường người ta chỉ biết nhiều về giải thưởng Nobel xuất phát từ Bắc Âu. Thực ra tại đây còn có những loại giải thưởng khác cũng đem lại vinh dự cho người được trao tặng chẳng hạn như Huy chương Niels Bohr của Hiệp hội kỹ sư Đan mạch. Huy chương này trao tặng lần đầu năm 1955 tức cách đây 15 năm, trong số các người đạt được vinh dự này có thể kể các nhà khảo cứu như John Cockcroft, Georg de Havesty, Pjotr Leonidowitsch Kap tza v.v...

Huy chương năm 1970 được trao cho Werner Heisenberg, Giáo sư trường Cao đẳng kỹ thuật Munich (Tây Đức), đồng thời cũng là Giám đốc Max Planck Institut tại đây. Heisenberg năm nay 69 tuổi (sinh ngày 5.12.1901 tại Wurzburg, Đức), là người sáng lập nên

khoa Cơ học lượng tử được giải thưởng Nobel về Vật lý năm 1932. Ông liên lạc rất mật thiết với Niels Bohrs, nhà vật lý học Đan-mạch được hiệp hội kỹ sư lấy tên đặt cho huy chương kể trên.

Nhân đây cũng nhắc lại vài hàng về Nielsbokrs (1885-1962) chính ông cũng là người được giải thưởng Nobel, từng làm giám đốc Viện vật lý thuyết trường đại học Copenhagen, lúc sinh thời có liên lạc đồng nghiệp và bằng hữu với Heisenberg. Trong những năm từ 1922-1927 Giáo sư Heisenberg đã nghiên cứu ở Viện vật lý học lý thuyết của Bohr gần như thường trực.

ÁO QUỐC

Ưu tư về món ăn tinh thần cho thiếu niên và nhi đồng

Một hội nghị quốc tế đã được tổ chức từ 23 đến 28.8.1970 tại Batschuns (Vorarlberg, với đề tài «Thành công và tác dụng của sự đọc sách». Cơ quantô chức là «Viện văn chương cho Nhi đồng; thiếu niên và đại chúng» tại Áo. Tham dự hội nghị này có các chuyên viên về sách thiếu niên tại Tiếp khắc, Hung gia lợi, Thụy sĩ và Đức, các nước chung 1 biên thù với Áo. NGUYỄN KHẮC TIẾN TÙNG



Woolmark

LEN

(do chữ Pháp : LAINE)

★ CHU MINH THỤY

TRONG năm 1968, riêng 3 nước Úc, Tân tây-lan và Nam-Phi đã sản xuất 1.300.000 tấn len trị giá hơn 7,2 tỷ quan Pháp, tức gần phân nửa tổng số sản xuất trên toàn thế-giới.

Những nước có mức sản xuất kế đó là Á-căn-đinh (195 ngàn tấn), Mỹ-quốc (103 ngàn tấn), Uruguay (hơn 80 ngàn tấn) và

Anh (gồm 60 ngàn tấn).

Chỉ riêng nước Úc, với 166 triệu 452 ngàn con trừu, tức 17,7% của toàn thế-giới, đã sản xuất 30% của loại len hạng thường và 52% của loại len hạng tốt (len mérinos) bán trên thị-trường.

Từ lâu, con người đã biết rằng, để chống với khí hậu lạnh lẽo, không gì tốt bằng hàng len: ấm, nhẹ, không quá mắc so với vải loại thú khác.

Nhưng kể từ 1937, các nhà sản xuất len ở Úc, Tân-tây-tan và Nam-Phi (mà ngày nay, đã lên tới 200.000 nhà) nhận thấy họ sẽ gặp những đối thủ lợi hại, do sự phát minh các tơ sợi nhân tạo và hoá hợp. Họ bèn thành lập 1 văn phòng quốc-tế, có nhiệm vụ phát động sự tiêu-thu và áp dụng len. Văn-phòng ấy đảm trách công việc tìm kiếm và tuyên truyền. Vào thời đó, sợi hóa hợp duy nhất đáng lo ngại là loại rayonne (chế tạo bằng cellulốt và vải hóa chất khác), nên các nhà sản xuất len không mấy sợ hãi. Nhưng sau Thế chiến thứ 2, hàng trăm thứ sợi hóa hợp được lần lượt tung ra tràn ngập thị-trường. Tình hình đã trở nên nguy kịch.

PHỒ-THÔNG — 256

Mức sản xuất các sợi hóa hợp từ 270 ngàn tấn trong năm 1957 tăng lên 500 ngàn tấn (năm 1964) đoạn gần 600 ngàn tấn (năm 1967).

Các chuyên viên trong ngành kỹ nghệ len bắt buộc phải xét lại kỹ-luợng sản phẩm và phương thức biến chế của họ.
LEN CÓ NHIỀU ƯU ĐIỂM.

Kỹ thuật biến chế từ lông trừu ra len vẫn không thay đổi bao nhiêu, suốt mấy ngàn năm nay. Lông trừu chứa mỡ, bụi bặm cũng nhiều vật thể khác. Cần phải loại bỏ các thứ ấy bằng những cách thức lâu lắc, r c ối, tốn kém, len mới có thể dùng được. Sau khi thành sợi, đoạn thành quần áo, len cần phải được chăm sóc kỹ lưỡng, chẳng hạn tránh không để trùng bọ gặm nhấm, giặt nhẹ tay trong nước ấm (hoặc bằng xăng, hoặc hấp hơi), ủi với tất cả sự thận trọng, ngừa ánh nắng làm phai màu hoặc làm cho vàng (len trắng).

Vì vậy, đâu có gì lạ nếu các thứ vải hóa hợp được tung ra tràn ngập thị trường từ các nhà máy hóa học, — với các ưu điểm: sạch sẽ, phẩm chất đồng

PHỒ-THÔNG — 256

đều. — đã đe dọa sự sống còn của ngành hàng len? Các sợi hóa hợp, rẻ tiền hơn, có vẻ thích hợp với đời sống hiện tại mà mọi người đều phải nhậm lẹ, tránh nhiều chùng nào thay chùng nấy các công việc phiền toái, tốn thì giờ. Quần áo bằng vải hóa hợp, sau khi giặt xong, chỉ cần để cho chúng khô, ít phải ủi.

Nhưng nhờ đâu len được con người tin cậy trong mấy ngàn năm, mấy vạn năm nay? Ưu, và khuyết điểm của nó, đều chỉ do sự cấu tạo phức tạp của sợi len mà ra.

Mỗi sợi chứa hàng ngàn nguyên tử hóa học, nhưng chỉ nhỏ như sợi tóc. Ở vài loại trừu, người ta có thể đếm được 6.500 sợi riêng biệt như vậy trong mỗi phân vuông của bộ lông.

Len có khả năng hút khá nhiều nước: nó có thể chứa một số lượng 30% nước so với sức nặng mà vẫn không ẩm ướt khi ta thử rời lên. Nhờ khả năng co giãn, nó có thể trở lại hình thù cũ sau khi chịu đựng sức ép khá cao. Nhưng qui nhất là nó có thể giữ không khí trong hàng triệu m³ li ti,

vì vậy len là một vật liệu ngăn chặn tuyệt diệu đối với khí nóng cũng như lạnh. Các nhà thám hiểm ở Bắc và Nam-cực, cũng như dân du mục sống trên sa mạc, đều chọn len để mặc.

Tuy bị cạnh tranh ráo riết, len vẫn có hi vọng giữ vững địa vị của nó nếu được cải tiến cho hợp với nhu cầu mới. Đó là sự nhận định chung của những người quan tâm tới vấn đề, nhất là ở Úc.

TÌM KIẾM

Hàng trăm chuyên viên bện bắt tay vào việc trong các phòng thí nghiệm ở đại học, trong các cơ quan như Trung-tâm ở Úc. Chân của cơ quan «Sưu tầm khoa học và kỹ-nghệ cho Liên-hiệp Anh», trong các viện nghiên cứu về len trên toàn thế giới.

Trong khi đó, các chuyên viên nghiên cứu vấn đề tiêu thụ lo tìm 1 biểu tượng hầu thu hút sự chú ý của mọi người, vừa điển tả được giá trị vượt bực của len.

Sau khi mở cuộc thi, 1 họa sĩ gốc Ý, tên Francesco Saroglia đoạt giải, biểu tượng «Woolmark»

ấy hình tam-giác, gồm mấy đường cong giản dị nhưng cân đối, tượng trưng cho các sợi len. Đầu tiên, len Woolmark bảo đảm với khách hàng là bất cứ sản phẩm nào do tổ chức ấy bán ra đều hoàn toàn nguyên chất. Dần dà, sự bảo đảm này được nói rộng: màu bền, có thể giặt bằng máy cho loại len đan, có sức chịu đựng khi bị tri kéo... Ngoài ra từ hai mươi năm nay, tất cả các tấm thảm mềm và hầu hết len cuộn đều có chứa 1 chất hóa học ngừa sâu bọ cắn phá.

Nhưng khi người ta muốn sử dụng máy giặt, mà không muốn các quần áo tả với loại thông thường bị co rút, thì một khó khăn hiện ra. Để giải quyết vấn đề đó, riêng tại Úc, số tiền dùng cho việc nghiên cứu thu hút gần hết tổng số 45 triệu quan dành cho mỗi năm để cải tiến phẩm chất len. Song song, các công việc như vậy cũng được tiến hành ở Christchurch (Tân-tây-lan) và Port Elizabeth (Nam-phi).

Nhìn qua kiếng hiển-vi, sợi len có hình dáng giống bột măng tre, bên ngoài là lớp vảy nằm xen kẽ lên nhau. Những vảy này,

khi gặp nước và bị chà xát, sẽ dồn các sợi len làm chúng bị dồn cục lại, gây nên tình trạng trở lông và co rút. Vì vậy, người ta tìm cách biến đổi lớp trên mặt của sợi len, bằng cách tạo ra một lớp oxyde bảo phủ, trước khi dệt hoặc sau khi quần áo đã thành hình. Một phương pháp khác, cũng có nhiều triển vọng, là dùng sắc thứ nhựa «đánh bóng» lớp vảy và giữ chắc sợi len nơi vị trí như cũ định.

Với phương pháp đầu, mảnh len sau khi được giặt hàng chục lần trong máy giặt, vẫn còn giữ đặc tánh mềm dịu, trong khi loại len thường thì co rút, khô cứng, trở lông.

Còn len trắng, thì thường thường, sau 1 thời gian gặp ánh mặt trời, len sẽ trở nên vàng. Người ta gọi đó là len bị quang ứng (*photosensibilité*).

Hiện nay, các hóa học gia đã hiểu được tác dụng hóa học của ánh mặt trời trên len trắng, và đang tìm cách vô tính hóa (*neutraliser*) các ảnh hưởng ấy.

Hơn nữa, người ta còn phát minh ra rằng, nếu phun vào y phục, trước lần ủi thiết thọ, chất *thioglycolate d'ammonium* hoặc

mono-éthanolamine, thì y phục ấy sẽ giữ nếp xếp vĩnh viễn. Người ta còn tung ra thị-trường loại y phục len có mức thun giãn không kém thứ bằng sợi hóa học. Người ta cũng chế tạo được máy làm quần len, để các tấm thảm êm ái hơn.

Nghề nuôi trừu cũng được cải tiến. Người chăn sử dụng xe máy dầu để di chuyển thay với bộ hoặc cỡi ngựa. Trừu cái sanh đôi sanh ba. Mục đích là tạo ra giống nhạy đẻ Trừu cũng được thăm thai, rọi kiếng như người.

Nhờ vậy, tình hình đã trở nên khả quan. Thống kê cho biết, năm 1968, mức tiêu thụ len so với năm trước tăng 70% ở Bỉ, 21% ở Tây-Đức, 9% ở Anh và 7% ở Mỹ.

Có lẽ rồi đây, trừu cái sẽ đẻ mỗi lần 4 tới 6 con, và trừu con được nuôi trong chuồng có tia hồng ngoại sưởi ấm, có máy cho bú.

(Theo tài liệu của sélection du R. D.)



Tìm hiểu chân giá trị cái chết của Điền- Hoành và 502 người bộ hạ của ông ta.

□□□ ĐÔNG TÙNG

DỰC vọng của con người hay nói khác hơn là lòng tham, như : tham lợi, tham danh, tham tiền tài, địa-vị, an lạc, nhất là tham sống. Tham sống thường gắn liền với sợ chết (tham sinh úy tử).

Vì vậy, con người muốn có một cái chết không bao giờ chết (bất tử chi tử) thì phải gạt bỏ lòng tham sống. Vì tham sống thường đưa con người tới những hành động, những thái độ hèn nhát, đê mạt, suốt đời sẽ không dám nghĩ, không dám làm một việc gì cho ra hồn cả, không những

thế, người tham sống sợ chết, có khi, nhiều khi còn tỏ ra những thái độ uơn hèn, khuất phục, đáng khinh bỉ nữa.

Chỉ có người chí sĩ nhân nhân mới dám thực hiện lý tưởng, không vì cái sống mà có những hành động hèn nhát tác hại cho nhân cách và lý tưởng (Chí sĩ nhân nhân, năng sát nhân dĩ thành, vô cầu sinh dĩ hại nhân — Sách Luận Ngữ).

Cái chết của Điền-Hoành, di thần nước Tề đời Tây-Hán và 502 người bộ hạ của ông

ta, xưa nay kể cả Trung Hoa và Việt Nam, đều tán dương ca ngợi cho là một giá trị cao quý, vì họ Điền và bộ hạ đã đi thân thành nhân. Ví dụ : Văn Thiên Tường đời Tống mất trong lời kêu gọi căm phẫn trước khởi nghĩa của ông.

Hịch tướng sĩ đời nhà Trần Chí linh phú đời nhà Lê (tác giả Nguyễn Trãi) Nhậm Công Lương khái Siêu trong bài Trưng quốc hồn và Cứu quốc thuyết. Mai Sơn Nguyễn Thượng Hiền trong vài đề tựa cuốn Việt Nam Nghĩa Liệt sử của Phan bội Châu trong bài Cổ phong trường thiên, làm trong tàu binh Pháp, khi ông bị Pháp bắt giải từ Thượng Hải về nước, tất cả đều nói tới Điền-Hoành, cho cái chết của họ Điền cùng 502 người bộ hạ của ông ta, là khuôn vàng thước ngọc cho đời sống tuyệt đỉnh của con người Trưng-Phu Quân-Tử Đông Phương.

Nhưng hiện nay lại có kẻ cho rằng, đứng trên bình diện một người mưu đồ đại sự, khôi phục đất nước như thầy trò Điền - Hoành, mà

lại hành động như thế, thì không những không đáng được khen thưởng mà còn phải bị chỉ trích chê bay nữa là đằng khác.

Trước khi thăm định lại vấn đề chúng ta hãy đọc lại lịch sử.

Tây Hán Chí hồi 41 chép rằng : Khi vua tôi Lưu Bang kéo quân từ Ba Thục ra Trung Nguyên, chinh phục hết Tam Tần, thôn tính hết Ngụy, Triệu, Yên, Tề. Lộ .. cuối cùng là Sở Bá Vương Hạng Vũ ở Ô Giang, chỉ còn lại một mình Điền Hoành di thần nước Tề và 502 bộ hạ, không chịu hàng phục vua mới, họ kéo nhau ra một hải đảo, cách lục-dịa 800 dặm để mưu đồ khôi phục lại giang sơn sơn đất nước của Tề.

Trước hết Lưu Bang cùng những viên tướng võ của họ Lưu định giải quyết bằng biện pháp quân sự, nghĩa là phái quân ra vây hải đảo rồi bắt Điền Hoành về. Nhưng bị mưu thần Trương Lương ngăn cản lại. Họ Trương nói với Lưu Bang rằng : Điền Hoành là một nghĩa sĩ rất đặc nhân tâm,

trước khi rút ra hải đảo ông ta đã mang theo một số không phải là ít về binh thuyền vũ khí và lương thảo, quân ông ta rất ít nhưng rất thiện thủy chiến, trong khi quân đội chúng ta chưa am tường đánh giặc dưới biển lúc nào. Nếu nay chỉ giải quyết về quân sự thì chưa dễ gì đã quật nổi ông ta. Vậy giải quyết vấn đề ĐiềnHoành không thể áp dụng biện pháp quân sự, mà phải dùng biện pháp chính trị thì hơn.

Dùng biện pháp chính trị thì làm thế nào? Lưu Bang hỏi.

— Trước hết Bệ hạ viết một đạo chỉ dụ, trong đó phân trần lợi hại, nói rõ cái vận trời đã đặt định cho ông ta hiểu, và hứa với ông ta, sẽ tái phong lại vua Tề như lòng ông ta và bộ hạ ông ta đang mong muốn, cuối cùng mời ông ta về hợp tác.

Lưu Bang nghe lời, rồi ủy thác cho Lương viết dụ hàng thư rồi sai Lục Giả là một tay ăn nói mang ra tận hải đảo chiêu hàng Điền Hoành và bộ hạ.

Khi họ Điền hay tin có sứ thần Hán tới, ông truyền lệnh cự tuyệt không cho vào. Nhưng rồi với 3 tác lược của Lục Giả đã múa lên đề chinh phục Điền Hoành qua cửa miệng bọn tướng tá giữ cửa chuyên đạt. Cuối cùng họ Điền ra lệnh mở cửa cho Lục Giả vào yết kiến.

Khi vào yết kiến họ Điền, Lục-Giả chẳng những không tỏ thái độ kiêu căng trịch thượng của một sứ giả Thiên Triều, để có thể đập vào lòng tự ái của Điền Hoành càng làm cho họ Điền cương quyết cứng rắn hơn, trái lại họ Lục rất mềm dẻo, lễ độ như thể đề thoa dịu lòng căm phẫn của họ Điền. Ở đây người ta đã thám phục Trương Tử phòng đã khéo dùng người để thực hiện một biện pháp chính trị.

Sau khi thi lễ, Lục Giả xuất trình bức thư dụ hàng của Lưu Bang. Điền Hoành tiếp lấy giờ ra đọc:

«Hán Hoàng Đế họ Lưu kính gửi vị Nghĩa Sĩ nước Tề họ Điền.

Thưa Ngài! Xưa kia Bá Di, Thúc Tề không thêm ăn gạo nhà Châu, mà nhà Châu vẫn giữ thiên hạ 800 năm. Giới Tử Thôi không chịu thờ vua Tấn mà nhà Tấn vẫn làm bá chủ quốc gia. Đây không những là ý muốn của lòng người mà là mạng trời cũng đã đặt định, một người cao minh như ngài không thể không hiểu nguyên lý đó.

Bang mở, xuất thân chỉ là một người bình dân, tài không cao, học không rộng, chỉ có một tấm lòng thành muốn cứu dân giúp nước trong cảnh loạn lạc chiến tranh, mà phải phát cờ đứng dậy đánh giặc cứu nước, trong một hoàn cảnh hết sức rối rắm phức tạp. Từ khi chém rắn khởi nghĩa tới nay mới có 5 năm, đã hoàn thành những công tác rất vĩ đại rất khó khăn: đánh bại bạo chúa Dinh Tần, chinh phục các nước: Yên, Triệu, Tề, Lộ cuối cùng là Sở Bá Vương Hạng Vũ là một kẻ hung hãn vô song. Nếu không phải là do lòng trời phù hộ, mặc tướng, lòng dân quy phục, phò trì, mà chỉ lấy sức mạnh hữu hạn của con người, thì sao mà làm

được như thế.

Ngài là một bậc minh triết, hiểu thấu cơ trời lòng người, có lẽ Ngài cũng đã thấy rõ điều đó rồi.

Khi số trời đặt định, lãnh thổ thiên hạ đã thống nhất. Vậy nước Tề của Ngài phải là một chư hầu trong thiên hạ nhà Lưu Hán là một sự đương nhiên, trên thuận mạng trời, dưới phù hợp lòng người, có lẽ đâu một người thức thiên cơ, hiểu nhân sự như Ngài lại không chấp nhận.

Trước hết chúng tôi đã dùng biện pháp quân sự để giải định quyết việc Ngài. Nhưng sau chúng tôi nghĩ rằng: Ngài là một bậc nhân nhân chí sĩ không những của riêng nước Tề mà là của cả thiên hạ, cho nên chúng tôi không đành tay hủy hoại một người như thế, cho nên mới viết công hàm này tới trình bày hơn thiệt với Ngài. Nếu chúng tôi, chúng tôi xin đại dụng Ngài vào địa vị Vương hầu của Tề Quốc, cố thổ của Ngài vẫn là một chư hầu trong thiên hạ nhà Lưu Hán. Nếu như Ngài chỉ cố chấp, buộc chúng tôi phải dùng vũ lực

đề giải quyết thì hậu quả sẽ tai hại cho Ngải như thế nào chúng tôi khỏi phải nói nhiều !

Cổ nhân có nói : «Quả bất địch chúng, nhược bất địch cường», lại nói : «Thức thời thời vụ tại hồ uấn kiệt» và «Tùy thời chi nghĩa đại hỷ tai». Mong Ngải xét lại vấn đề đề sau này khỏi phải hối hận.

Nay kính thư,

Hán-Đế Lưu-Bang

Bức thư dụ hàng trên đây, lẽ dĩ nhiên là Trương Tử Phòng viết hộ Lưu Bang, nhà đại chính trị này đã khéo dùng lời lẽ mềm dẻo uyển chuyển trong thơ để chinh phục họ Điền. Chớ chi lại dùng những lời lẽ trích thượng, láo xược đập mạnh vào lòng tự ái của Điền Hoành, biết đâu ông ta không nổi xung rồi chống đối lại cho tới phút cuối cùng.

Quả vậy, sau khi đọc xong thư, Điền Hoành thở dài suy nghĩ... sai người đặt tiệc khoản đãi Lạc Giả, rồi cùng bộ hạ mở cuộc tọa đàm, để tìm sự quyết định dứt khoát.

Sau khi họ Điền cho bộ hạ ông biết nội dung bức thư dụ hàng của Lưu Bang, tức thì trong bộ hạ phát biểu ý kiến :

— Việc đó không nên, vì xét kỹ lời lẽ trong thư, ẩn hiện một mưu mô mật ngọt chết ruồi của thầy trò Lưu Bang. Chúa Công chớ vội nghe. Việc chúng ta chiếm cứ hải đảo này mà vua tôi Lưu Bang chưa dám mang quân ra đánh, chỉ vì lẽ đường biên xa vời, quân Hán lại không am tường thủy chiến, đã dễ gì không hạm nổi ta, bí thế họ phải bày mưu dụ hàng, chứ không phải họ có thành tâm thiện ý gì hết.

Cho nên thượng sách của chúng ta là Chúa Công phải chiêu mộ thêm binh sĩ, sắm thêm khí giới binh thuyền, đặt những đội tuần tiễu ở ven đảo, trên dưới một lòng chống giữ, thì họ Lưu đã dễ gì nuốt nổi chúng ta !

Ý kiến của bộ hạ họ Điền, thiệt là chí lý. Nhưng cuối cùng họ Điền không chịu nghe, có lẽ ông đã bị những lẽ trong thư dụ hàng của Lưu Bang lung lạc chăng ? Cho nên sau đó ông mang hai người tùy

tùng cùng Lạc Giả về Lạc Dương yết kiến Lưu Bang. Nhưng khi ông về tới đất liền mắt ông được trông thấy giang sơn cố thổ của nước Tề, cũng như bá tánh dân Tề đã bị chủ mới cai trị, vì nhục cho mình nhục cho nước, ông liền rút gươm đâm vào cổ tự vẫn.

Lưu Bang được tin, tỏ thái độ mến phục thương tiếc (cũng chỉ là một thủ đoạn chính trị) sai người khâm liệm thi hài họ Điền, hậu táng tại phía đông thành Lạc Dương đồng thời ra chỉ thị lục dụng hai người bộ hạ của họ Điền, nhưng cả hai người đó đều tuyên bố không nhận. Rồi một hôm cả hai cùng kéo nhau tới mà Điền Hoành thấp lương khấn vái rồi cùng nhau tự sát luôn.

Sau đó cả 500 người bộ hạ ở ngoài hải đảo được tin Điền Hoành về lục địa rồi tự tử chết và hai người tùy tùng cũng chết theo luôn, họ kêu gào thảm thiết, rồi sau đó cùng tự sát một loạt cả 500 người.

Lưu Bang được tin, cho người ra tận hải đảo khâm

liệm mai táng cho cả 500 người rồi truyền lập đền thờ (lại cũng một thủ đoạn chính trị).

Cái chết của Điền Hoành và 502 người bộ hạ của ông, đúng là một hành động khẳng khái hy sinh, thung dung tự nghĩa vì nước Tề bị Hán cướp, vua Tề bị Lưu Bang giết, tất cả bọn cựu thần của Tề mang câu : «Tùy thời chi nghĩa đại hỷ tai» ra làm bình phong để che dấu bộ mặt thực xấu xa, phản dân, phản chúa chạy ra thờ chủ mới của chúng. Thi thầy trò Điền Hoành thà chết chứ không thêm sống để chịu nhục như thế. Có lẽ cũng vì vậy mà xưa nay thầy trò Điền Hoành đều được tiếng khen ?

Nhưng đứng trên bình diện nhân sinh quan tích cực của những người làm cách mạng, khôi phục giang sơn đất nước mà xét vấn đề thì cái chết của họ Điền và bộ hạ đã quá ư phí, vì thái độ tiêu cực, thiếu sáng suốt để nhận thức vấn đề. Những người nhận thức như thế, người ta đã nêu lên những nhận xét sau đây.

ĐIỀN HOÀNH LÀ MỘT NGƯỜI THIẾU SÁNG SUỐT CHO NÊN KHÔNG KIÊN ĐỊNH ĐƯỢC LẬP TRƯỜNG

Trước hết người ta phải công nhận Điền Hoành là một vị trung thần của nước Tề và vua Tề. Cái chết của họ (bắt tử chi tử) những cái chết đáng làm gương cho hậu thế muôn đời.

Nhưng cũng không phải vì thế mà ta không nên nói họ Điền là một người thiếu sáng suốt cho nên đã không kiên định được lập trường của một người mưu đồ đại sự, khôi phục giang sơn xã tắc.

Cũng vì thiếu sáng suốt cho nên đã vội tin ở những lời đường mật của Lưu Bang nói trong thư dụ hàng, đề rồi thay đổi ý kiến một cách quá đột ngột từ một thế « chiến thủ » sang một thế « hòa, hàng » đề rồi theo chân Lục Giả về lục địa yết kiến Lưu Bang.

Nếu là một người có đủ sáng suốt thì việc ông và bộ hạ chiếm cứ hải đảo cách đất liền hàng nghìn dặm, trong

thời đại chưa có chiến thuyền Lưu Bang đã đề gì hạ nổi ông. Vì quân đội Lưu Bang chưa am tường thủy chiến, ý kiến đó đã được bộ hạ ông trình bày mà vẫn không thông cảm và thức phá nổi.

Nếu là một người kiên định được lập trường, thì việc thầy trò ông không chịu hàng phục Lưu Bang, chạy ra hải đảo đề mưu đồ khôi phục lại giang sơn xã tắc nước Tề khi hoàn cảnh cho phép, là một lập trường xứng đáng lắm rồi. Vấn đề thành công hay thất bại là một việc ngoài sức hữu hạn của con người quyết định. Nói một cách cụ thể, gặp việc đúng, việc phải và bổn phận mình phải làm thì cứ làm, không nhất định có thấy thành công mới làm. Ví dụ; Văn Thiên Tường không thấy nhà Hồ Nguyên mạnh, trong khi nhà Tống đã đến lúc cực suy, mà ông không hô hào cần vương khởi nghĩa bình Hồ. Cũng như đại kháng Minh của Bình Định Vương Lê Lợi đã thành công, khôi phục độc lập cho Tộc Quốc, khai sáng cơ nghiệp nhà Hậu Lê, với công cuộc 10 năm kháng chiến

Pháp của Phan Đình Phùng cuối cùng đã thất bại bỏ xác trong núi Vũ Quang. Với giá trị lịch sử của những trí sĩ nhân nhân văn là như thế. Không thể bảo rằng Lê Lợi đã thành công cho nên Phan Đình Phùng thất bại. Vì thành công hay thất bại còn tùy thuộc nhiều yếu tố phức tạp, cho nên cổ nhân mới nói : « bất dĩ thành bại luận anh hùng ».

Chính vì lẽ đó mà những người mưu đồ đại sự, khi đã có một định kiến, lập trường rồi, thì không thể vì một lý do nào mà đổi thay ý chí được.

Một nhân vật làm việc lớn mà không kiên định được lập trường là một điều tối nguy hại.

Từ Hải khi đã biết nghĩ rằng :

« Chọc trời khuấy nước mặc dù
Đọc ngang nào biết trên đầu
có ai »

Cho nên :
« Chi bằng riêng cõi biên
thùy »

Sức này đã dễ làm gì được
nhau

Đề rồi :

« Áo xiêm đùm bọc lấy nhau
Chứ làm cái kiếp :

« Vào luồn ra cuối công hầu
làm chi ? »

Và :

« Bỏ thân về với triều đình
« Hàng thân lơ láo phận
mình ra chi ? »

Ấy thế mà chỉ vì thiếu sáng suốt, cho nên không kiên định được lập trường mà sau đó họ Từ lại nghe lời khuyên bảo của mẹ vợ hầu rồi ra đầu hàng đề cho mắc bẫy mưu gian của lão cáo già Hồ - Tôn Hiến.

Nhưng trường hợp ra đầu hàng Minh Gia Tĩnh, đại diện là Hồ Tôn Hiến, số với việc Điền Hoành về đầu hàng Lưu Bang, nếu chỉ bằng vào phương diện vũ trang mà bàn thì Từ Hải có thể đại đột hơn. Nhưng so về động cơ và nguyên lý thì Điền Hoành lại đáng bị chê trách hơn.

Vì Từ Hải có một mình

cho mình và tự mình quyết định tất cả, còn Điền Hoành và 502 bộ hạ, ngoài những cái « ta » của mọi bản thân còn có cái đại nghĩa quân vương và giang sơn, xã tắc nước Tề nữa. Như vậy có nghĩa là họ Điền và bộ hạ không có quyền hủy diệt bản thân một cách uổng phí như thế, trừ khi cảm khí giới xông lên trước quân thì nhanh dài rút nhọn mà chết cả loạt.

CÁI CHẾT CỦA ĐIỀN HOÀNH VÀ BỘ HẠ CÓ PHẢI LÀ « SÁT THÂN THÀNH NHÂN KHÔNG » ?

Mỗi khi nói tới Điền Hoành và 502 người bộ hạ của ông, người Trung-Hoa và Việt-Nam xưa đều cho là « sát thân thành nhân » (tự giết mình để làm tròn đạo nhân) như đoạn đầu chúng tôi đã lược giã.

Nhưng nếu căn cứ vào một quan điểm mới, thì những cái chết như thế, chỉ là những cái chết tiêu cực, cũng có thể gọi là anh hùng sĩ diện cá nhân, thiếu hẳn tinh thần tích cực trong việc mưu đồ đại sự, phục thù cứu nước.

Người ta có thể đặt ra những giả thuyết, nếu lúc đó thầy trò ông từ khước Lục Giả sứ thần Lưu Bang, rồi cứ tiếp tục bám chặt lấy hải đảo làm căn cứ địa cuối cùng cho công cuộc khôi phục nước Tề, thì thầy trò Lưu Bang cũng đã để gì mà quật ngã được ông. Hay là có phải đánh nhau với Lưu Bang mà chết đi cho tới người cuối cùng thì cái chết ấy mới gọi là tinh thần tích cực. Chứ thầy trò ông, kể thì về tới nơi chưa làm gì đã chết, kể ở lại hải đảo cũng chưa làm gì lại cũng chết theo, quả là những cái chết hết sức tiêu cực, cái chết của những kẻ thiếu tinh thần chịu đựng cố gắng sống, còn sống còn làm cho tới chết mới thôi.

Cái chết của thầy trò Điền Hoành cũng không có thể so sánh được với những cái chết của Kinh Kha, của Dư Nhượng của Trần Bình Trọng của Nguyễn Biểu, của Lê Lai, của Phạm Hồng Thái là những cái chết tích cực sau khi đã làm được một việc lây, cái chết để hoàn thành, vì không còn đường sống.

Trước đây đã có người phê

bình giữa hai cái chết của cụ Phan Thanh Giản và Hoàng Diệu cho rằng : « Cái chết của cụ Phan là cái chết tiêu cực, tại sao họ Phan không chỉ huy cuộc chiến đấu tới phút cuối cùng mà chết theo thành theo nước? Lại truyền lệnh mở cửa thành cho giặc Pháp tràn vào, trong khi Cụ ở Tư dinh uống độc được quyền sinh.

Bảo rằng Cụ Phan vì sợ rằng nếu chống với giặc thì nhân dân sẽ bị chết lây, nghĩ như vậy lại cũng không đúng vì rằng ai cũng nghĩ như vậy cả thì tiền nhân chúng ta không bao giờ dám chống giặc Tàu và giặc Pháp cả.

Còn Cụ Hoàng Diệu, giặc Pháp tới vây thành, cụ anh dũng chỉ huy quân kháng cự cho tới phút cuối cùng khi thành sắp tan vỡ, cụ mới treo cổ lên cây di mà chết. Nhưng tiếng « Mở cửa thành đầu hàng » dù chỉ là một tiếng nói cũng không thể thốt ra ở cửa miệng của một nhà nhân nhân chí sĩ Việt Nam trước cơn quốc biến.

Chết như thế mới gọi là cái chết tích cực, cái chết « Sát thân thành nhân » được.

ĐIỀN HOÀNH CÓ THỂ LÀ MỘT NGƯỜI KHÔNG ĐẠT LÝ HAY LÀ « PHỤ NHÂN CHI NHÂN »

Trước đây đã có người phê bình Hán sử cho rằng : Điền Hoành sợ dĩ về lục địa yết kiến Lưu Bang là vì ông nghĩ rằng : mấy trăm người bộ hạ chỉ vì ông, theo ông để khôi phục nước Tề, mà phải trần ai mà khổ hạnh ở hải đảo, nếu để kéo dài thời gian ra mãi, thì vì ông mà họ phải chịu khổ nên ông không đành lòng cho nên mới có hành động đó.

Nếu như tâm trạng họ Điền lúc bấy giờ mà có nghĩ như vậy chẳng thì quả là người không đạt lý chút nào cả. Vì 500 người ấy là ai ? là thần tử nước Tề, họ đối với nước Tề vua Tề, đều có bổn phận

<p>DECAPAN</p> <p>THUỐC THOA. CHUYỀN TRỊ CÁC BỆNH NGOÀI DA.</p>
--

như họ Điền cả, họ lại tự nguyện làm bôn phận đó, cho nên họ mới theo ông ra hải đảo nếu không như thế thì họ đã ở lại với chủ mới rồi. Cho nên việc khổ sở gian nguy họ đã tự nguyện chịu đựng cho tới chết học cũng không, từ, thì cần gì ông phải mủi lòng thương họ, có phải ông làm như thế là đã làm nhọc lòng họ chẳng ? hay là ông đã thương họ mà thương không phải đờng !

Cho nên có thể tạm kết luận :
Họ Điền là một người không đạt lý hay là lòng nhân của người đàn bà (Phu nhân chí nhân).



Da Đen Làm Sao Trắng

Thí dụ : những dân tộc ở Bắc Phi, họ là những dân tộc da màu (đen) thì không làm sao cho trắng được.

Riêng dân tộc Việt Nam, vốn là dân tộc da vàng. Tuy nhiên, có những người vì phải xê dịch nhiều hoặc vì quá lam lũ làm ăn bị ánh nắng mặt trời thiêu đốt nên màu da đen sạm. Trường hợp này làm cho hết đen được, bằng cách : tuyệt đối ở trong mát 1 tháng, năng tắm và kỳ rửa mặt bằng khăn nhám.

Ở các nước văn minh có bào chế thứ kem và phấn đặc biệt, dùng nó không bị nắng ăn chỉ hiem giá rất đắt. Ở Việt Nam vừa sống chế được thứ kem và phấn vừa dễ trang điểm vừa có công dụng chống nắng như vậy, nhưng giá trị thì rất bình dân. Đó là CRÈME THORAKAO.

Hoài niệm



Em đi, lá đờ đờ ng dài
Tuổi ca dao cũng thôi cái ước mơ
Dấu xưa kỷ niệm chưa mờ
Hoa thối rụng xuống hồn thơ gọi sầu
Nhánh đời uơm nụ thương đau
Gọi tên người giữa mùa đầy hương xưa
Nhớ nhưng nói cũng bằng thừa
Tình ca độc điệu đong đưa tuổi buồn
Gót mòn trên bãi chiều hôm
Gọi tên người lúc cô đơn trở về.

HOÀI MỘNG DIỄM THU
(Thăng Bình)



CHÂU HỒNG LÂM

● *Tao cũng chết nhưng đã sau mày đó Lâm!*

TÔI cố bình tĩnh để nghe lần nữa tiếng của Hà loáng thoảng bên tai. Thăng Lâm chết rồi! Tôi kêu thất thanh một tiếng nghe không rõ nghĩa, ném ba lô cho tên giữ kho của tiểu đoàn, chạy bay lên một

chiếc xích lô và nghe Hà nói với theo. Một viên đạn ngay đầu. Chiếc xe lao vọt và trong thành phố nhộn nhịp. Khi vừa thét cho anh phu dừng lại, tôi đã phóng xuống đường, bước thật nhanh vào con ngõ mát rượi giữa hai

hàng me bằng những bước chân cò liệt, ngựa nghiêng. Nhà Lâm đã chật ních người. Tôi nghe nhiều người gọi nhưng lơ đi chen qua đám đông bước vào nhà. Áo quan màu đỏ bằng gỗ xấu, loại thường dùng cho quân đội, đặt giữa nhà, phủ lá quốc kỳ. Mẹ Lâm đang gục đầu bên đó, khóc thê thảm, tiếng khóc nghẹn ngào. Bà vẫn vại ôm áo quan, đòi mở nắp để nhìn mặt con. Tôi lặng người, ngồi xuống chiếc ghế gần đó, nhìn đăm đăm quan tài. Lâm! Mày đã chết rồi sao? Mày đang nằm yên trong đó sao? Thăng Lâm có hai mươi một năm làm người, đã Phi cho hai năm làm lính. Mày đã thật sự chết rồi sao? Một viên đạn ngay đầu! Ôi, cái chết thật dịu dàng. Đang xuất hiện từ nhà sau với hai con mắt sưng đỏ, nàng chào tôi bằng một tiếng gọi nhỏ, lễ loi.

— Anh đã nhận được điện tín?

— Không! Tôi vừa về hậu cứ tiểu đoàn thì gặp Hà

— Thăng Minh đã gọi điện tín cho anh và anh Vũng nhưng chắc anh Vũng về không kịp.

Khi tôi ngẩng đầu lên, Dung đã đi về quan tài, đốt lại mũ nồi vừa tắt vì gió. Nhiều tiếng

la rít từ đám người quây quần bên áo quan. Tôi thấy người ta đang khấn mẹ Lâm lên giường: bà đã ngất. Tôi bàng hoàng giữa cảnh hỗn loạn cảm giác, giữa cơ thể đột môi mệt, bời rời. Lâm! Mày đã chết rồi sao? Có thực sự là mày hay một thân xác nào ngộ nhân? Thăng Lâm với cái răng sún, với những ngày đốt cháy tuổi thơ, với biệt danh là: anh hùng cô độc. Hà vẫn nói, trong ba đứa; tao, mày và thằng Vũng, kẻ gục ngã trước nhất phải là tao chứ đâu phải là mày, mày đâu có đáng người chết trẻ. Tại sao mày lại chết có yên lành không? Cảm giác của mày ra sao trong phút giây trước đó? Thế nào mày cũng nghĩ tại sao bọn trẻ mình lại cầm súng bắn nhau. Như mày vẫn thường ngu ngơ hỏi tao.

Tao biết làm sao trả lời cũng như tao biện bạch thế nào cho việc tao đào ngũ, nhất là trong lúc này, lúc đứng trước quan tài của một thằng bạn. Gia đình mày, bè bạn bọn mình làm sao tránh khỏi nghĩ là tao thất, đâm trước cái chết của mày. Tao không cần giải thích với họ là tao đã gom góp quân trang rời đơn vị từ hai hôm nay

và cũng không cần tỏ cho họ biết là tao chưa rụng tóc gáy khi nghe đạn vi vút ngang đầu (mà làm sao tỏ được!) Với mây tao khỏi biện bạch bằng lời. Tuổi trẻ bọn mình đã đang sa lạc loài nên tao đảo ngũ không hiểu tại sao, không biết sẽ làm gì như ngày trước tao ghi tên nhập ngũ trước lệnh gọi một năm. Tao hoàn toàn không được lý do nào. Không phải là số lượng và vi vu nản, không phải tại nổi cơ cực hành quân, phục kích, không phải tại thái độ điên cuồng của viên Đại úy Tiền đoàn Trưởng, càng không phải cái chết của mây. Lâm! Mây đã hiểu cho tao chưa?

Hà từ ngoài bước vào, ngồi yên lặng bên tôi. Tôi nói với giọng thật mật:

— Mây thuật rõ lại cho tao nghe.

— Trưa hôm qua, tao nhận được điện tín báo thằng Lâm tử trận. Chỉ có Bác trai và Minh ở nhà. Bác gái và Dung đã đi làm công từ hai hôm trước. Đến chiều, có hai quân nhân, hình như có một viên Trung sĩ, chở thằng Lâm trong áo quan đến tận nhà bằng chiếc xe Dogd theo lời viên Trung sĩ, trung đội nó bị

phục kích. Nó thoát ở loạt đạn đầu, nhảy xuống sông, lội bờ bên kia nhưng một viên đạn ghim ngay sống mũi. Xuyên qua ột khi nửa thân người nhờ khỏi bờ sông.

— Mây thấy mặt nó không?

— Không! Chỉ có Bác trai, Minh và Nhựt thấy khi cây nắp quan để liệm lại.

Tôi thở hắt một hơi dài, ngả soãi thân trên chiếc ghế rộng. Lâm! Nếu có mặt, tao phải nhìn mây một lần cuối để xem lại hăm răng sún dễ thương, những nét chữ xăm trên tay, trên vai, để xem cái chết đến với mây ra sao? Bình thân hay nhọc nhằn, tay chân yên xuôi hay co quắp như những xác chết của bạn lần thù mà tao đã gặp. Những kỷ niệm đã nổi trùng trùng lẫn lộn trong trí nhớ. Thằng Lâm đồ mồ hôi trong căn nhà chứa gái ở Long Xuyên. Thằng Lâm đi xong dây kính dĩa ở quân trường Đồng-đé, nham nhở nói tao muốn đi hoài. Thằng Lâm ngồi uống rượu trắng với khô cá khoai vừa thuật lại những trận đánh ở Bà Đầm, thác tác. Thằng Lâm với những lá thư thật dài, bị nó tình nghịch đốt một vài khoảng bằng đầu thuốc lá. Thằng Lâm với một thú vui lạ lùng: thích đi giữa

trời mưa bụi để đọc thơ. Tôi thấy thằng Lâm quay lưng, đi vào khu chợ Hộ-Phông. Đó là lần gặp gỡ cuối trong 4 ngày «đù» của tôi.

Những dấu chân đó để lại trong tao còn rõ nổi nộp. Lâm sao tao quên được hở Lâm? Nhưng súng đạn vô tình đã quên mây là thằng con trai mới hai mươi một tuổi mà đã mất hết tuổi thơ, đã chịu đựng bao cay đắng cuộc đời và không bắt được tình yêu. Như tao, tao dốt quên là tao còn sống. Tôi đứng lên ra dấu cho Hà đi theo:

— Ra ngoài một lát. Hà, tao thấy ngộp thở tưởng sắp chết đến nơi.

Buổi tối tôi bận tiếp những người quen đến chia buồn. Khuya hẳn, mới thừa thớt người. Căn nhà rộng thênh thang. Mẹ Lâm đang ngồi trò chuyện với thân nhân và nhắc lại Lâm trong những ngày nó còn sống. Tôi theo Hà vào một tiệc rượu có đông đủ bạn bè của Lâm, Mọi người chào tôi sau lời giới thiệu của Hà. Tôi ngồi vào bàn, nhìn những món ăn thấy ngáo ngán. Minh đưa ly rượu cho tôi với giọng xúc động:

— Minh đang thấy anh là anh Lâm, thằng anh ruột thịt của Minh. Minh muốn uống rượu với anh Lâm của Minh đêm nay.

Tôi tiếp ly rượu, thấy hãnh diện giữa những đôi mắt hướng ứng và thấy mình đang muốn say. Tôi muốn điên cuồng kể cho mọi người nghe những kỷ niệm đắng cay với Lâm. Hà ngổ ý hát tặng tôi một bài ca. Hơi rượu đã bốc nóng để tôi mê man trọng tiếng hát của Hà đắm ám vang bên tai. Bài ca diễn tả buổi về thành phố của một thằng lính rừng. Tiếng Hà nghe thật buồn. Tôi cảm thấy mọi người cố ý tránh nhắc đến Lâm. Tôi cũng cố quên đi, yên lặng theo dõi câu chuyện bằng quơ của một đôi người. Những giọt rượu dần dần mat đi cay đắng. Hà rời khỏi tiệc, đến trước áo quan, thắp lên ba nén nhang, vẽ mặt buồn. Tôi dốt ngọt thù ghét.

DECAPAN

THUỐC THOA CHUYÊN
TRỊ CÁC BỆNH NGOÀI
DA.

ghê sợ hành động đó. Một hành động thừa thãi, giả dối làm sao! Tại sao bọn mày e-dè, ngần ngại trước những cuộc chơi, những lần lĩnh tuổi trẻ, bọn mày xem nặng danh giá và thân xác hơn tình bè bạn. Danh giá rách rưới đó chỉ để khoe khoang với gái. Tại sao bọn mày can đảm tung đôi ba chục ngàn đồng để giữ tấm thân ghê lở vào một chân lính văn phòng bọn mày đánh đấm vào mặt! Tao phải xa gia đình phải nhục nhằn niềm này cũng bởi quyền luyến bọn này. Bọn mày bình tĩnh đốt một nén nhang cho một thằng bạn đã chết. Bọn mày thờ ơ và nhẫn tâm quá! Có lẽ bọn mày còn thừa thãi ngôn ngữ tiêu thuyết rở tiền để tán giá trước quan tài thằng Lâm. Hà trở vào bàn khi tôi uống cạn một ly rượu. Giọt rượu chảy xuôi như cuốn trôi niềm nhức nhối, oằn oại trong lòng.

Tôi nhìn Hà :

— Mày bình tĩnh quá!

Hà hiểu được câu nói của tôi :

— Còn mày thì lập dị!

Tôi nói như thét :

— Đứng rồi! tao lập dị, tao đã

không đốt một nén nhang nào cho thằng Lâm từ khi bước vào nhà. Tao lại hành diện vì tao nhẫn tâm như vậy. Nhưng tao không khốn nạn như bọn mày. Tao không chuốt móng cho con sư tử đã chết. Thằng Lâm chết cũng vì lập dị. Gia đình giàu mà thích tác chiến, phải không Hà?

Tôi xúc động quá, nước mắt đã tràn trụa. Tôi khóc tức tưởi, nghẹn ngào. Tiếng của Hà dứt đoạn :

— Mày đừng khóc, tao khóc theo đây. Mày hãy giết tao chết đi!

Tôi ngược đầu lên. Mọi người đã xôn xao, quây quần bên tôi. Minh ôm vai tôi khóc thúc thích. Ba mẹ Lâm và Dung đã bên cạnh tôi. Nhưng tôi không nghe rõ họ nói gì. Về mặt mọi người tái xanh, ngơ ngác. Tôi thấy mình lỗ bịch quá, lau nước mắt, sửa lại thế ngồi.

— Không, tao không khóc đâu! Và quay sang Hà, mày tha lỗi cho tao.

Hà lấy khăn chấm nước mắt còn sót lại trên gương mặt thiều não của tôi. Tôi cố gượng ngồi ngay ngắn để tiếp tục tuàn rượu đang bỏ dở nhưng đầu óc đã mê man, vật vờ. Tôi chọn

qua vai Minh, gục xuống.

Quá nửa đêm, tôi tỉnh dậy, thấy mình nằm trong phòng, ngọn đèn ngủ sáng dịu. Tôi nằm sốc soãi và Minh ngủ say bên cạnh, hơi rượu tỏa nồng nặc. Tôi đốt điều thuốc nằm trần trọc một lúc rồi đi ra phòng khách. Mẹ Lâm vẫn còn ngồi trò chuyện với những người quen hỏi tôi tình rượu chưa? Và bảo Dung đi dọn cháo cho tôi ăn. Tôi ra nhà sau, gặp Hà nằm ngủ trên bộ ván gỗ với đăm ba người tôi không quen. Tôi đập Hà thức giấc khi Dung dọn xong bữa ăn. Tôi mời mẹ Lâm và những người đang thức nhưng không ai ăn. Ba người ngồi vào bàn thật yên lặng. Dung dành một cái chén, một đôi đũa và một chiếc ghế cho Lâm. Tôi nhìn lướt qua Dung :

— Dung có báo tin cho Sơn không?

Dung ngẩng lên với đôi mắt tràn tráo rồi khép xuống :

— Không! Chúa nhật anh ấy đến. Nhưng tại sao anh biết anh Sơn?

— Sơn là bạn học ứ, bậc trung học. Sơn là một thanh niên tốt và có tương lai.

Hà cuối xuống mân mê đôi đũa. Tôi biết Dung lấy chông là làm thất vọng đăm đũa con trai theo đuổi, trong đó có Hà, Dự, Vũ, hầu hết là những thằng bạn của Lâm. Đó là một điều lạ lùng. Một lần tôi gọi Lâm bằng anh và nói yêu Dung. Lâm cười tao không có ý kiến. Thằng nào muốn yêu, thu cứ yêu. Từ đó, bạn bè ghép tên tôi vào danh sách «những kẻ tình si». Tôi phản đối mãnh liệt bằng lá thư gửi cho Dung và mong đừng hiểu lầm tôi. Tuy nhiên lá thư đó càng làm bối rối trước nhau. Bởi tôi chỉ dùng nhan sắc đó, nhất là đôi mắt, tôi vẫn gọi là sao đêm, để nhưng nhớ, để tự an ủi mình còn có con tim, tuyệt nhiên không một ý nghĩ vờ hay mơ một lần hạnh ngộ. Nhưng tôi thích bắt gặp cử chỉ ngượng ngập của nhau mỗi khi hai người đối diện... Tôi không biết đó có phải là tình yêu! Như bây giờ, tôi thấy Dung luống cuống dọn dẹp đĩa bát, còn tôi, tôi muốn rời căn nhà này tức khắc. Hà kéo tôi ra hành lang hai đứa ngồi trên trụ xi măng, quay lưng vào nhà, nhìn bóng đèn và những cánh cửa mập mờ bên kia đường. Với dáng uể oải, Hà đặt gói thuốc

jà trơ vơ trên đấylan can, nói giọng thật nhẹ :

— Mày không nên nói điều đó trước Dung và tao. Với Sơn, đó là một tin mừng. Với tao, là một khung cáo phó. Với Dung, là một cuộc đấu thân.

Tôi thấmlấm thía được nỗi lòng của Hà nhưng không dẫn được tiếng cười trước sự so sánh đó. Tiếng cười nặng và chấn động vùng tỉnh mạch như những tiếng súng quấy rối trong đêm chờ giặc. Hai đũa lặng lẽ hút thuốc, những ngậm thuốc mất hết mùi ngon, nóng rất đầu lưỡi cay sè. Tôi đấu đo thật lâu :

— Mày nghĩ thế nào khi biết tao đào ngũ ?

Hà nhìn sững tôi, không trả lời nhưng tôi biết rằng nó đang nghĩ đến cái chết của Lâm. Tôi đứng lên :

— Mày đâu hiểu được tao ! Mày mới hai mươi ngoài tuổi nhưng mày đâu còn tuổi trẻ. Chính tuổi trẻ đã giết chết thằng Lâm và xúi tao đào ngũ. Tuổi trẻ bọn tao như những tốm hỏa châu rực rỡ nhưng chóng tàn, làm đẹp bầu trời đêm nhưng đưa nhiều thân xác lên giữa đỉnh đầu ruồi.

Tôi quay lưng đi vào nhà, nhưng biết Hà còn ngờ ngác trông theo.

Lâm nằm, trong một khoảng đất sau nhà, khi mẹ Lâm khóc ngất ném xuống huyết mầu đất đầu tiên, tôi rời khỏi căn nhà giữa ngõ ngác của một vài người. Tôi sợ giây phút chia tay, từ giả. Tôi sợ tiếng khóc của mẹ Lâm, ánh mắt của Dung, khuôn mặt của Minh, của Hà. Tôi sợ tất cả liên hệ đến Lâm như sợ nhìn thấy tội lỗi chính mình gây nên.

Tôi tắt tả mua một vé xe đò. Ngồi trong khoang xe chật người, tôi nghĩ đến vẻ mặt của Hà đêm qua. Hẳn mọi người, đang chờ đợi tôi biện hộ cho hành động đột ngột này. Cái chết của Lâm cho tôi thấy bọn trẻ bây giờ ngu xuẩn nhưng tôi lại muốn ngu xuẩn hơn. Tôi muốn tàn tật, tôi muốn chết. Nèn tôi đang tìm cảm giác phiêu lưu nghệt thở. Tôi bắt đầu phiêu lưu chứ còn gì ? và đang nghệt thở đây ! Chiếc xe đò lao vùn vụt trên quốc lộ thăm thẳm Giộc kéo phần phật bên tai, tôi thấy mình từ cõi sống mê man lao vào cõi chết huy hoàng.

LỮ THỊ CÔ ĐƠN

PHỒ-THÔNG — 256

Truyện dài đường rừng

CHIẾC VÒNG CỨU MỆNH

● của MẠCH-QUẾ-HƯƠNG

(Tiếp theo P.T. 255)

THẨM thoát ba tháng đã trôi qua, Hoàng Ngọc sống những ngày vui vẻ êm đềm nơi lâm trại như một quý khách. Chàng mến cảnh, mến tình nên chưa định trở về quê nhà. Hơn nữa, từ khi đính ước với Mộng Quyên, chàng thấy vui đi sự đau khổ trong lòng. Chàng quên dần hình bóng kiều diễm của Thanh-Thúy, người mà lần đầu tiên trong đời chàng đã gửi trọn tình yêu, xây mộng tương lai.

Một buổi trưa, trong khi mọi người đang vui vẻ ngồi vào bàn ăn, bỗng có tiếng vó ngựa đập dồn. Thao-Sơn phi ngựa nhanh như gió về phía Lâm trại Pha-Giai hẳn xuất hiện như một vị hung thần trên con đường rừng vắng lặng.

Thoáng trông thấy hán tử xa, gương mặt Mộng-Quyên trở nên tái nhợt, nàng linh cảm có việc chẳng lành xảy đến Nàng lo sợ cho số phận nàng thì ít mà nàng lo

PHỒ-THÔNG — 256

sợ cho tính mệnh người yêu nhiều hơn.

Đoán được sự lo âu bối rối của Mộng-Quyên Hoàng-Ngọc trấn an nàng :

— Em nên bình tĩnh, hấn ta không dám làm gì phương hại đến em đâu. Đã có anh đây rồi, nếu phải đổi mạng sống của anh để mua lấy sự an toàn cho em anh cũng không tiếc.

Mộng-Quyên bồi hồi xúc động và úp mặt vào lòng đôi bàn tay, khóc nức nở. Sự hải hùng xâm chiếm trọn tâm hồn nàng mỗi khi chạm mặt với Thao-Sơn khiến nàng cảm hận hấn vô cùng.

Vừa lúc đó Thao-Sơn đã phi ngựa xông xộc vào trại. Hấn xuống ngựa, nỡ nực rồi bí hiểm và liếc nhìn thấy Mộng-Quyên khóc lòng hấn như sôi sục lên. Hấn gượng chào lão Pha-Giai và ném về phía Hoàng-Ngọc một tia nhìn nảy lửa. Hoàng-Ngọc cũng trừng mắt nhìn trả lại hấn. Hấn vụt nói « Đạo này tôi ít khi thấy cô Mộng-Quyên đi đâu chắc cô bận lo cho khách lắm thì phải ?

Lão Pha-Giai đỡ lời cho con gái.

— Lúc này con tôi không được khoẻ.

Thao-Sơn hấn học, nhìn Hoàng-Ngọc một lần nữa rồi đột nhiên hấn rút trong người ra một con dao găm sáng loáng ném trên bàn ăn, trước mặt Hoàng-Ngọc rồi bảo :

— Tôi đã hiểu hết việc gì đã xảy ra nơi đây và tôi tặng ông khách lạ con dao găm này để làm vật hộ thân. Tôi xin nói rõ cho ông khách biết tôi đã ngỏ lời cầu hôn cô Mộng-Quyên từ lâu. Hôm nay trong buổi sơ ngộ tôi tặng ông một con dao này, ông hãy cất giữ nó làm vật kỷ niệm. Tôi xin chào tất cả. Tôi không thích nói nhiều. »

Hấn nói xong nhảy lên lưng ngựa và phóng ra sân trại. Hoàng-Ngọc cảm tức, nắm chuỗi dao găm phóng theo hấn. Con dao chạm vào lưng hấn kêu một tiếng « xoeng » khô khan rồi rơi xuống đất. Thì ra hấn có mặc giáp sắt để phòng thân. Hấn cười một chuỗi dài ngạo nghễ rồi thúc ngựa đi khuất dạng.

Này giờ Bích-Chiều âm thầm chứng kiến mọi việc xảy ra. Nàng thấy thương cho chị và nàng cũng rất khổ tâm khi nghĩ đến việc trả thù của Thao-Sơn sớm muộn gì cũng sẽ xảy đến.

Khi này nàng có nhìn sơ con dao găm thấy chuỗi dao mạ vàng thật đẹp và có khắc tên Hoàng-Ngọc. Nàng chợt thoáng có một ý nghĩ nghi ngờ trong đầu. Nàng nhủ thầm :

— Thao-Sơn mưu mô xảo quyết lắm ! Hấn không đại gì sát hại Hoàng-Ngọc bằng vũ khí dễ gây cảnh đổ máu và mang tiếng là kẻ sát nhân, gây ấn tượng không đẹp cho Mộng-Quyên. Hấn sẽ hại chàng một cách êm thấm ».

Nàng bỗng nghi ngại vì từ mấy ngày qua nàng thấy hấn có đi chung với lão phù thủy danh tiếng nhất vùng. Không chừng con dao kia sẽ mang họa đến cho Hoàng-Ngọc khi chàng sơ mớ đến. Khi này nàng toan gọi tên gia nhân mang con dao ấy ra khỏi phòng ăn và đem vứt nó đi. Nhưng nàng chưa kịp thì hành ý định thì Hoàng

Ngọc đã nắm dao phóng theo Thao-Sơn.

Nàng không dám tỏ bày ngay cho Hoàng-Ngọc biết rằng sự dụng chạm đến chuỗi dao kia có thể mang hại đến cho chàng, giờ đây đã muộn mất rồi. Linh tính báo cho nàng biết như thế.

Nữ giới thường hay có linh tính (Pháp gọi l'insr tinct de la femure), nhờ linh tính đặc biệt đó, họ có thể đoán trước và đề phòng những mối nguy hại có thể xảy đến cho người thân yêu của họ. Hôm nay với linh tính sẵn có, Bích-Chiều đã xét đoán mọi việc không sai.

Hoàng-Ngọc kể như bị hại từ khi nắm chuỗi dao găm đó.

Trưa hôm ấy, không ai còn có thể nuốt trôi cơm được. Bích-Chiều uể oải dọn dẹp các thức ăn và trở vào phòng riêng nằm suy tính miên man.

Sau cùng nàng quyết định : « Ta phải tìm cách khám phá ra những hành động bí ẩn của Thao-Sơn để kịp thời cứu anh Hoàng-Ngọc. Kể từ hôm nay ta hãy đoạn tuyệt với tâm tư mối tình vô vọng, trái ngang. Cuộc đời của ta đã trở thành vô nghĩa, mất cả niềm vui sống,

ta hãy dùng chuỗi ngày còn lại để bảo vệ cho anh Hoàng-Ngọc và chị Mộng-Quyên, dù có chết đi ta vẫn ngậm cười».

Mộng-Quyên vẫn còn ngồi yên nơi phòng ăn nét mặt sầu khổ Lão Pha-Giai an ủi và khuyên con vài lời cho nàng vui bớt nỗi lo âu, đoạn Lão cũng đi vào phòng thuốc, cốt ý để cho Hoàng-Ngọc và Mộng-Quyên bàn tính về chuyện tương lai của họ.

Hoàng-Ngọc tiến đến cạnh Mộng-Quyên và khẽ gọi,

— Em !

Mộng-Quyên ngược gương mặt dâm lệ nhìn chàng.

Trong giờ phút này họ càng thấy gần gũi nhau hơn.

Mộng-Quyên đáp khẽ :

— Anh !

Lần đầu tiên, Hoàng Ngọc cầm lấy bàn tay của người yêu và cương quyết bảo :

— Anh không thể để cho em sống mãi trong tình trạng này. Thao-Sơn đã hành hạ tâm hồn em từ lâu. Ngày nay có anh đến đây, anh phải giải

thoát em khỏi nanh vuốt hắn. Anh không thể ngồi đây nhìn hân múa trò ác quỷ. Vậy anh phải gấp rút trở về quê nhà thừa lại với song thân anh câu truyện của chúng mình và anh sẽ đến rước em về nước Việt. Lần sau anh đến, sẽ có người bảo vệ em. Em phải sớm rời khỏi chốn rừng sâu này. Tâm hồn thù-mị và nhân sắc em đã khiến cho Thao-Sơn đâm đuổi. Hắn có thể liều lĩnh phá hoại cuộc đời em.

Mộng-Quyên cảm động đáp :

— Em lo cho mạng sống của em thì ít, em lo cho anh nhiều hơn. Hắn có thể tìm cách sát hại anh để giành giật em. Xưa nay những hành động bạo tàn của hắn đã gây khiếp đảm khắp vùng này. Nhờ uy thế của phụ thân em to rộng, dân chúng vùng này đều hết tình bảo vệ người nên hắn chưa giờ trở gì được.

— Anh vừa được phụ thân em cho biết người có dạy võ nữa phải không ?

— Vâng, phụ thân em ngoài số gia nhân đông đảo còn có thêm một số võ sinh đáng kể. Thao-Sơn hiểu rành việc đó

nên cũng hơi ngần. Số học trò này rất trung thành với phụ thân em. Họ đã thề sống chết với nhau để bảo vệ cho gia đình em. Vậy anh cứ yên lòng trở về nước Việt. Khi song thân bên nhà chấp nhận việc hôn nhân của chúng ta, anh và em sẽ chấp cánh bay khỏi vùng đất này sát khi này.

— Anh nhận thấy do định mệnh đưa đẩy anh mới đến đây gặp em. Không nỡ trời đất bắt chúng ta phải đau khổ giữa tuổi đời tràn đầy nhựa sống và đầy mộng đẹp. Thôi em hãy yên lòng, hãy vui vẻ lên đi và đặt trọn niềm tin tưởng vào anh.

Rồi chàng hạ thấp giọng, dị dàng bảo tiếp.

— Em là cô gái dịu hiền mà anh hằng mơ ước. Lần trước anh đã chọn lầm người hữu sắc nhưng vô tâm. Em là phương thuốc nhiệm màu hàn gắn cho anh lành vết thương đau cũ.

Rồi bốn mắt giao hòa trong niềm thương yêu thâm thiết, Mộng-Quyên thỏ thẻ cùng chàng :

— Từ nay cho đến ngày anh trở về quê nhà, em cầu nguyện với thần linh che chở cho anh.

(Còn nữa)

Võ-Duy-Thanh

Trong Phổ-Thông số 253, Bà Ái Lan viết về «ông Võ Duy-Thạch», theo tài liệu các sách báo cũ do bà tra cứu.

Nhưng theo những sử liệu chắc chắn hơn mà chúng tôi được biết thì tên danh của ông Bằng-nhãn làng Kim Bồng là **Vũ-Duy-Thanh**. Các bản văn bằng chữ Nho cũng chép rõ là **Vũ-Duy-Thanh**.

Vậy, xin minh-định nơi đây cùng các nhà học giả,
PHỔ-THÔNG

MỘT DẤU HỎI TRONG LỊCH SỬ CHƯA ĐƯỢC GIẢI ĐÁP
HAY LÀ : « LÝ TƯỞNG CHỐNG CỘNG », CỦA MỸ ?

RUDOLF HESS

●●● TÂN NHÂN

CÁCH đây 29 năm, nhằm ngày 11-12-1941, nghĩa là hơn 5 tháng sau khi Hitler đem gần 300 sư đoàn hùng hồ tấn công vào đầu não cộng sản thế giới là Nga-Sô (22-6-1941) thì một chiếc phi cơ đột xuất bất chợt hạ cánh bất hợp pháp xuống đảo Ê cốt của Anh, mang theo độc nhất một người Đức, người đó là RUDOLF HESS. Ông là một nhân vật được uỷ quyền quốc trưởng thay Hitler khi bất trắc (nghĩa là yếu nhân có đủ tư cách quyết định vấn đề quốc sự quan trọng) mang sứ mạng của Hitler đề nghị Liên minh Anh-Mỹ. Đức đề tiêu diệt chủ

nghĩa cộng sản Bolchéviks Nga sô là đầu não CS thế giới, hoặc ít ra thì Đồng Minh cũng đề cho Đức được tự do chiến đấu tiêu diệt CS một mình, xin các nước Đồng minh nêu không tham gia diệt cộng thì cũng đừng làm trở ngại cho đoàn « xung kích » diệt cộng của Hitler ».

Nhưng trở trêu thay, phản ứng phe Đồng minh cụ thể là Anh Mỹ đã gạt bỏ cơ hội ngàn năm một thuở bằng cách bắt hạ ngục Rudolf Hess, và sau đó Hitler, người hùng chống cộng duy nhất trên thế giới, bị lẻ loi nên đành phải ngã quy trên chiến trường trước

sự phản bội của phe gọi là « chống cộng » lại hợp tác với CS tiêu diệt Hitler ? !

Trong hàng ngũ của « Thế giới Tự do » chống cộng, vai trò đầu não đã chuyển từ Đế quốc Anh qua Mỹ vì sự chênh-lệch lực lượng của nhau, nhưng dù Anh hay Mỹ cũng không có làm gì khác hơn cái lối « chống cộng mồm » quen thuộc từ trước đến nay, gần như những câu thần chú của mấy tay phù thủy. « úm ba la » để xoi thịt gà, còn thần chú có linh hay không... lại là một việc khác.

Trước năm 1917, khắp trên địa cầu này đều nằm trong vòng kèm tỏa của Tư-bản chủ nghĩa. Câu nói đầy kiêu hãnh : « mặt trời chưa hề lặn khỏi đất Anh » là một bằng cứ.

Cách mạng tháng 10 (1917) do Lénine, lãnh đạo ở Nga thành công. Lần đầu tiên hệ thống xã hội chủ nghĩa (CS) xuất hiện trên thế giới do giai cấp công nhân lãnh đạo, cùng Nông dân và nhân dân lao động bị áp bức đứng lên đánh đổ chế độ phong kiến Tư-bản Nga-hoàng.

Bên Tư bản chủ nghĩa mất quyền độc chiếm địa cầu từ đây và bắt đầu báo động. Sự xuất hiện của CS đã đặt Tư bản trước cảnh một mất một còn vì thế sách lược chống cộng được đặt ra. Bất hạnh thay, đồng thời bọn thừa nước đục thả câu cũng xuấthiện « thần » chống cộng với nhiều chiêu bài và nhãn hiệu khuôn khổ khác nhau : « thần quốc gia chống cộng » (Lý thừa văn đời 10 010 huê hồng tiền viện trợ Mỹ). « Thần » Đảng phái, đoàn thể, văn nghệ sĩ, hăm bà làng v.v... Bọn này nuốt được của Mỹ một số đô la không lồ không trông tượng nổi.

Tuy rằng Mỹ không tấn công quân sự vào CS Nga, nhưng các mặt khác như rút là về tài chánh thì đồ ra vô kể, dù cho (32.000.000) ba mươi hai triệu, đầu Mỹ có đói rách thiếu cơm áo cũng mặc. Và chỉ một tổ chức « The Draft » mà Kemeth Bonlding gọi là tổ chức kinh tế tập trung to lớn vào hàng thứ II trên thế giới dùng đến 3.000 tỷ đô la từ thế chiến thứ II đến nay để chống cộng đủ thấy nó ghê ghớm là dường nào.

Chống cộng tồn phi khủng khiếp như thế đó, mà loay quay thế nào Nga-Sô từ một nước CS đầu tiên chấp chứng trên 16 quả địa cầu ở mãi tận miền Bắc cực, nay đã tiến lan, ra khắp các nước ở Đông Âu như: Balan, Tiệp khắc, An-ba Ny, Lỗ-ma-Ny, Nam-tư, Bào gia-Lợi, Hung-gia-Lợi, Đông Đức, tới Cuba (Mỹ La-tinh) rồi quay sang Trung-Hoa (750 triệu dân) Mông-Cổ, Bắc Hàn Bắc Việt... Khỏi CS đã chiếm gần phân nửa nhân loại, trên thế giới đó là chưa kể những quốc gia không-liên-kết vốn cựu thuộc địa ở Á, Phi, Mỹ, La-tinh họ là kho dự trữ nhân tài, vật lực trước kia của Đế quốc, nay đã tách ra (chưa nói họ theo cộng hay không) đều có hại cho « thế giới tự do » ngày càng bị thu hẹp lại.

Thế mà phe chống cộng cũng « chống cộng mồm » cõ điều, hay chỉ đánh ngọn ngành không đáng kể. Tệ hơn nữa là khi Hitler dám phóng ra một loạt ngút 300 sư đoàn hùng mạnh tấn công thẳng vào đầu não « gốc » cộng sản quốc tế là Nga-Sô, thì trở

trêu thay các ông, đầu não chống cộng đã không dùng làm như vậy; trái lại còn liên kết với CS để tiêu diệt Hitler ? !

Thôi rồi ! cơ hội ngàn năm một thuở đã qua ! Nếu平原 này phe chống cộng không « tạm » dẹp ty hêm riêng tư thừa cơ liên kết tiêu diệt tận gốc CS, phải chăng đã bị ông đầu não chống cộng phản bội lý tưởng chống cộng ?

Lịch sử rành rành ra đó phe chống cộng nghĩ sao ?

Những người tin tưởng dựa vào chánh sách chống cộng chung trước lịch sử nghĩ sao cái nào trạng này ?

Cũng có người lên tiếng là : « Phán xét thì phải tiêu diệt chứ làm sao hợp tác được »

Vâng ! Hẳn là vậy rồi.

Ai chẳng biết hai lần đại chiến thế giới, xuất phát nào đâu phải chiến tranh chống cộng ? Ngược lại là sự tranh chấp quyền lợi giữa phe chống cộng — chống cộng với nhau mà thôi.

Biết rằng giữa phe chống cộng có những quyền lợi dị đồng, nhưng tai họa trước mắt của họ là C S. Lịch sử đẹp « Ba-lê công xã » của Pháp năm 1871 đã thành một bài học quý báu. Vì giữa lúc đó quân Pháp và Đức đương sống máu tương tranh quyền lợi với nhau tại vòng sông RHIN, thừa cơ C S cướp chánh quyền ở Paris thành lập « Ba-lê công xã ». Hai bên Pháp Đức thấy nguy chung cho chế độ Tư bản (không riêng gì Pháp) nên họ ngưng chiến ngay với nhau, đồng thời hiệp Liên quân Pháp Đức trở lại Paris tiêu diệt « Ba-lê công xã ».

« Ba-lê công xã » bị dẹp — đó là tất nhiên — nhưng rồi 2 bên tư bản Pháp Đức sau đó lại tiếp tục cấu xé nhau theo truyền thống của nhà Tư bản. Tuy nhiên ai chề trách được họ giải pháp tạm liên minh diệt cộng kia không ?

Ai chẳng biết, nói hợp tác hay đoàn kết gì gì đó giữa phe chống cộng với nhau thiệt là thiên nan vạn nan, điều này ngay cả Tổng Thống Mỹ với Tư bản Mỹ : 2 ông Kennedy với

nhà đại tỷ phú Haroldson La Payette Hunt (Texcas) có sống chung một trời được không chớ đừng nói chi đế quốc với Phát xít cho nó viễn vong, như trường hợp Rudolf Hess đã trả lời. Ngược lại C S với Phát xít trên thực tế còn mâu thuẫn hơn nhiều mà họ còn tạm thời liên kết được với nhau. Đêdiệt « thế giới tự do », dù ta có muốn nghĩ nó ra sao đi nữa nhưng đây là một thực tế quá đau lòng.

Tại sao Nga-sô biết lợi dụng thời cơ, tạm thời ký Hiệp ước bất tương xâm Nga-Đức ngày 28 - 8 - 1939 và Nga Nhật ngày 13-4-1941 để mượn tay Hitler vấ quân Phiệt (Nhật tiêu diệt thực lực củaphe Đồng minh, và chính ngay bản thân của Đức và Nhật cũng bị tiêu mòn trong cuộc chiến tương tàn, cho đến khi Đức quay trở lại đánh Nga — C S và Phát xít làm sao đội chung được một trời — thì bị thế « ví dật dái lao » (lấy khoẻ đánh mệt) Hitler người hùng chống cộng số một phải ngã quy trước lực lượng khoẻ mạnh của C S; điều đau đớn chưa cay n át là có cả công lao súng đạn của ông đầu não chống cộng và

đồng minh tiếp tay với S C
tiêu diệt Hitler ?

Thứ hỏi, từ khi trên địa
cầu này có CS xuất hiện, đã
có ai dám đem quân đội tấn
ông ngay xứ đầu não CS
quốc tế — Đề diệt tận gốc
— như Hitler chưa ?

— Chưa !

Lịch sử còn đó, ngoài Hitler
ra có ai dám động tới sợi lông
chân của xứ con cháu Lénin
chưa ?

— Lịch sử sẽ... trả lời.

Còn hiện nay, nếu họ có
đến Nga là đến đề vượt ve
mơn trớn, xin bắt tay thân
thiện, tương phân quyền lợi
nhau trên thế giới (Yalta) và
hứa tôn trọng quyền bất khả
xâm phạm các nước xã hội
chủ nghĩa v.v và v.v.

Trong khi đó họ xua người
ra đề chống cộng bằng xương
bằng máu bản thân như anh
em ông Diệm (điều nữa may
là 2 ông Diệm, Nhu không phải
chết về quân thù) người chống
cộng không những bằng xương
máu của bản thân mình và
quốc gia dân tộc mình chứ
không phải chống cộng mồm
nghe sao cái nào trạng này ?

Là nạn nhân của chế độ

chống cộng, những ân ức này
làm sao giải đáp nổi ?

Tại sao CS và Phát xít là
thái cực, không đội trời chung
mà họ biết lợi dụng thời cơ để
đánh một đòn hiểm độc vào
phe chống cộng để ta tự tiêu
diệt lẫn nhau, CS nhân đó
rảnh tay «ngồi chơi xơi nước»
và tọa hưởng kỳ thành, bằng
cớ là Nga Sô chỉ cần tuyên
chiến với Nhật vốn vẹn một
tuần lễ sau cùng của chiến
tranh (9-8-1945 thống chế
vassilievsky đột nhập vào lãnh
thổ Mãn châu, ngày 14-8 1945
Nhật bỏn đầu hàng) Ngachiếm
trộn cơ sở kỹ nghệ chiến tranh
không lồ của Nhật ở Mãn châu
nhiều hơn tất cả kỹ nghệ toàn
Trung quốc thời bấy giờ hợp
lại, tặng không cho Mao trạch
Đông dùng làm phương tiện
giải phóng toàn lục địa Trung
Hoa. Đó là chưa kể những quà
biếu không, bằng nửa nước
Ba lan của Đức cho Nga để
Nga làm cơ sở đánh bại Đức
sau này v.v!

Suy cho cùng, phe Đồng
minh và người anh em Đức
quốc xã cũng như quân phiệt
Nhật cũng cùng một gốc sanh

ra, đứng chung trong hàng
trận chống cộng. Tuy quyền
lợi có dị đồng, nhưng tại sao
lại không làm được như CS
tam thời liên kết đề tiêu diệt
kẻ thù chung; nhiên hậu sẽ
giải quyết quyền lợi giữa nhau
có phải là thượng sách không ?
Lại nữa kinh nghiệm thành
công trong việc dập tắt «Balé-
công xã» còn đó.

Không lẽ phe Đồng minh lại
ngây thơ đến độ không biết
được cái sách lược sơ đẳng này
sao ? Hay bị CS cao tay ấn
hơn ? Hoặc có hành vi ám
muội nào khác ?

Mọi người đều nhớ rất rõ
rằng khi «mỏ mả» thực dân Pháp
được đồng minh Anh Mỹ ám trợ
mò lại xứ này đề mong trông
lại chiếc gông cùm nô lệ lên
đầu lên cổ dân VN lần nữa,
thì miệng họ cũng uyênh oang
chiêu bài chống cộng như vậy
(lại cũng chống cộng !)

Họ nói chống cộng mà không
thấy họ dám đá động gì đến
sợi lông chân của Mạc-tư.
Khoa, họ nói chống cộng mà
nước họ CS chiếm hơn 100
ghế ở quốc hội và trùm CS
Thorez một thời đã là phó chủ

tịch quốc hội Pháp ; Trong lúc
đó tại VN Già, trẻ, bé, lớn,
Đạo, đời... gì đều không ai
thoát khỏi tai hoạ với thực
dân (ngoại trừ bọn việt gian
bán nước)

Phải chăng thực dân và đồng
bọn dùng chiêu bài chống cộng
để che đậy hành động xâm
lược, vì các cụ Phan-bội-Châu,
Phan-chu-Trinh, Nguyễn-thái-
Học, Hàm-ngui, Thành-Thái-
Duy-Tân có phải là CS đâu ?

Lịch sử đang được tái diễn,
cùng những câu «thần chú» cổ
điển, cũng thành tích chống
cộng quá u là gớm ghê. Điều
mà ai cũng thấy rõ là họ tinh
vi và càng thâm độc hơn nhiều
bởi tên cường đạo khoác bên
ngoài chiếc áo «đạo đức» do
hình nghiệm họ đã rút ra được
sau một quá trình xụp đổ chủ
nghĩa thực dân cũ ; họ lại sáng
tạo mới hơn.

Loại Mới này nó chỉ cần một
thế giới sôi động «Mỏ mả» nhân
lửa như : Đông Tây Bálinh,
Kim môn — Mã tổ VI, tuyến 38
Triều tiên, vĩ tuyến 17, Việt
Nam, Kinh suez. . là đủ yếu
tố cho quốc hội biểu quyết
một ngân sách ngày một cao

và Liên minh công kỹ nghệ gia — quân sự nhận được đơn đặt của Ngũ giác đài là đạt được yêu cầu rồi.

Chỉ có nhân dân «mẫu quốc» thì khốn khổ vì phải lần thân làm con vật hy sinh đóng góp nhân, tài, vật lực cho bọn lái súng xử dụng trong thương trường vũ khí; nhân dân thuộc địa là tiêu trường hứng chịu mọi bom đạn sản xuất ra đem đổ lên đầu dân thuộc địa để vừa tiêu hủy đảng sản xuất tiếp, vừa thí nghiệm, vừa tạo thêm số động thế giới để có đủ chu kỳ cho quốc hội vì tình thế càng căng thẳng lại càng biến quyết tăng thêm, tăng thêm mãi ngân sách, tư bản sản xuất vũ khí nhiều hơn nữa, lời của tư bản cũng theo nhịp độ chiến tranh mà vọt thêm lên và lệ đơng nhiên những nạn nhân của chiến tranh càng được CHẾT nhiều hơn.

Theo Bác sĩ Fred Schovarz người dành hầu hết thời giờ của ông để chống cộng, trong cuốn sách phân thuyết Karl Marx ông viết: chưa đầy một nửa thế kỷ, cộng sản đã chinh phục được một số người trên thế giới vượt xa hẳn số người đã được nghe về Đức

Kitô gần 2.000 năm (5)

Tướng Vedemeyer người phụ tá cho tướng Mac Arthur tại Viễn-đông có đầy đủ khả năng nhất trong cơ quan phụ trách nghiên cứu về các hoạt động chống Huê Kỳ mà ông Areus là giám đốc, với những câu hỏi trong buổi thuyết trình trước Hạ viện Mỹ về hiểm họa CS: «Trước những sự kiện đáng sợ như thế, ông khuyên chúng tôi bây giờ phải nên làm sao?»

Tướng Vvedemeyer đáp: «nếu ông hỏi tôi câu này 15 năm trước đây, thì thực là dễ trả lời, nếu ông hỏi tôi cũng câu đó cách đây 10 năm, thì đã khó trả lời, ngày nay mà ông hỏi tôi thì tôi thành thật mà nói, tôi cũng không biết sẽ phải làm sao!» (6)

Lời thú nhận của tướng Vvedemeyer trước Hạ viện Mỹ trên đây phải chăng là đã giải đáp dấu hỏi trong lịch sử suốt 29 năm? Vvedemeyer mặc nhiên đã xác nhận trách nhiệm cái hậu quả vô phương cứu chữa của họa CS chỉ tại vì việc phủ nhận giải pháp Rudolf Hess năm 1940?!

Có lẽ đến hôm nay hơn mà Rudolf Hess rơi chín tuổi vẫn còn tự hào và may mắn: «LÝ TƯỚNG CHỐNG... CÔNG... ÔI! ta chào mi!!!»

TÂN NHÂM

(1) Thế giới đại chiến II» của Chassin được giải thưởng Hàn Lâm viện Pháp bản dịch của Trần minh Việt, Lê Phan xuất bản trang 204, 205.

(2) Báo cáo của SHRIYER giám đốc chương trình chống nghèo đói Mỹ đăng trong NEW WEEK ngày 7-1-1966.

(3) Tạp chí ĐẤT NƯỚC số 13 trang 96.

(4) Lịch sử «Việt Nam Hiện tại» của Phan xuân Hoa trang 44, 45: «ngày 12-9-1945 quân đội Anh do tướng Douglas Gracey chỉ huy đến Saigon trước khi giới Nhật buông theo đạo quân của R.I.C của Pháp, ngày 22-9-1945 Gracey thả hết những người

Pháp bị Việt-Minh bắt giam lại giúp Cédille khi giới để võ trang 1.400 tù binh Pháp mới được Anh thả ra...»

— Nguyệt san Quê Hương số 36 trang 94: «Hiệp ước Mỹ Pháp ký ngày 27-1-1950 là cốt để Pháp có thêm khi giới tung vào cuộc chiến Đông Dương... và nghị quyết 17-12-45 tổ chức minh ước Bắc Đại tây dương (NATO) công khai ủng hộ Pháp...»

— Quyền «KẾ HOẠCH HÒA BÌNH» của Kbrn Kennedy trang 65: «Huê Kỳ trả ít nhất 40% cho chiến phí Pháp ở Đông Dương...»

(5) (6) Quyền: «Bạn có thể tin được người CS?» trang 156-159 của của BS Fred Schovarz bản dịch của Đình Hoan và Hoài Châu Saigon xuất bản 1969.

(7) Thái độ nghiêm túc của người cầm bút viết về Khảo luận luôn luôn ghi nhận và PHÁT BIỂU chứ không bao giờ KẾT LUẬN.

Đọc lại

Tin buồn

Hãy đọc lại tin buồn về quá khứ
Thuở hồi thai tim chưa biết yêu đời
Lòng lạnh nhạt hơn ngàn biên niên sử
Ghi những vũng băng giá sương mù rơi. !
Hãy chạm đọc niềm cô đơn buồn tủi
Của những người góa phụ, chiếc khăn tang,
Lệ thấm mi nổi hàng, ngày thui hủi
Ấy chiếc hồn liêu quạnh giữa thời xuân
Và đây nữa, lứa hoa niên đôi tám
Tuổi hồn nhiên, em vác mộng bên vai
Lòng vũ trụ một dòng dài phân tán
Em không nghe hoa nở đỉnh thi hài ?
Những vòng hồn lảng tai, lòng chai đá
Chi cần nghe tiếng vọng trước tương tàn ?
Chi cần nhìn tiếng vang ngoài đồng giá ?
Hỏa ngục đồ nghĩa địa, thư di man

DƯƠNG-VĨ-HỒNG
(Banmethuột)



Tiếng nói của gái trai thế - hệ

Viết trong cảm hờn

... TỬ ĐẠT

ĐÔI khi người ta quá khôn ngoan, nên muốn trở ra điên dại, họ điên là vì họ định ninh là sẽ như đây, hầu xoa lãng hiện trạng — hiện trạng bao giờ cũng phủ phàng — quên tất cả thống khổ...

Ồ! đời là những cái khổ đau nổi dài, bởi ai có thể điên dại?

Tôi lớn dần trong gương đàn, được nuôi nấng bằng hạt thóc lưu huỳnh, bằng sữa ung thối, tôi khóc bằng máu, thờ với những mùi diêm sinh, nên trở ra: thù hận cảm hờn, chó ghê... và hiện nay trở thành một phũ thủy thâm hiểm, truyền độc cho thế hệ sau, mang ai tính cho bao gia đình...

Hãy im, đừng nói nữa, ta là kẻ sát nhân, nhưng ta vô tội, vì chiến tranh đã dạy, trao luyện như thế.

«Nghịệp lính là giết người hay bị người giết»

Tôi tiếp tục đếm khi địch thủ gục ngã, rên rỉ, sau tiếng nổ, tôi hét lớn số thứ tự của người đến tội 48-49-50... và ngày tôi buông xuôi hai tay, chính là số đến tội cuối cùng trong nghịệp lính.

Chiến tranh, chiến tranh đã có từ khi có văn hoá, nghĩa là có lịch sử, chiến tranh là tội lỗi, chiến tranh đã làm bao nếp tranh xiêu vẹo, đã cướp hết bao hoan hỉ! — của người chết (kẻ đến tội) thậm chí cũng cướp đi những cái sống của người thời chiến, vì họ chỉ sống trong một thể xác tạm bợ thôi.

Và hỏi, hồ đau thương của chủ nghĩa kia ơi! Mi là bao sâu, mà trên ngàn triệu lít máu đào, đổ xuống vẫn chưa voi đầy; đến bao giờ những mảnh xương mới đủ tạo nổi nhịp cầu thông cảm, chiếc cầu yêu thương...?

«Giết một người là kẻ sát nhân, giết hàng triệu người là kẻ chinh

phục, giết hết loài người là vị thần»

Nhưng ở đây, không là chinh phục, vị thần, không là kẻ sát nhân, vì không lý do ta chinh phục chính ta..., phải, phải rồi ta nhớ đó, truyền thống ảnh hưởng người Giao Chỉ là chống ngoại xâm; ta có: Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Hai Bà Trưng... nhưng, ta có hành điện khen tặng một anh hùng giết dân tộc! ? Mỹ Lai, Huế trong máu thân, ai sẽ thương, ai sẽ khóc? Mẹ Việt Nam hỏi! đã hấp hối dưới cảnh tương tàn. Của (cái đồ và xạch, của những người không bao giờ trở lại) những thảm cảnh... ai gây tội? «Cấp dưỡng»: Thốt, thôi nhé! Chiến tranh đừng làm ung thối, nhầy nát xác thân mẹ tôi nữa,

DECAPAN

THUỐC THOA CHUYÊN
TRỊ CÁC BỆNH NGOÀI
DA.

Nồng súng một lần khai hoa là thêm lần tim tôi chết đứng, tiếng nổ tâm linh, ta giết chính ta.... Đã bao lần tôi khoe san tiếng súng... Tôi khóc cho cả nhân loại, cả đồng bào, vì ai có thể thần thờ? có thể yêu thương? Có thể là người trong hôm nay?

Không, ta không sợ chết, vì nghịệp lính đã, đang và sẽ chấp nhận cái chết rồi phải, ta đã, chết từ hôm qua, từ một quá khứ xa xôi, nhìn kia những hồn nhiên, tình thương....

Tiếng đại bát chát chúa, làm tôi phát ón, những động cơ nổ trên đầu và những loại súng thi nhau đổ..., ta phải hăng say tự sát cho người, ta phải sống hùng, ta không bao giờ diên đại ...

Màu trời tím, màu tim xâu của ngày tàn phế, quá chân tươi cười đùa cợt trên những đồng xác bừa, lem lúa máu đào, một vài chiếc không toàn vẹn.... Cặp mắt của người da trắng duy nhất trong chiến trường còn tròn tròn oan ức, dưới một mái vòm đơm đổ, mũi nhọn, dài, làm nổi bậc vẻ sợ hãi, đau đớn, những mảnh ruột khua khua nằm bừa sau bàn tay thô... vang vang một vài tiếng rên còn đọng lại... Một chiếc lá vàng đang quuyền gió, thương tiếc, hãnh diện hay thần thờ trước binh cỏ là trong thời gian chết đứng....

Mùa thu đã đến.

Ba Xuyên ngày vào thu.
TỬ ĐẠT (Qu.S.)

THƯ LÂM ÁN THƯ QUÁN

231 - 233, Phạm-Ngũ-Lão

Điện.thoại : 25861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP VẬT DỤNG VĂN PHÒNG
CÓ XƯỞNG MÁY CUNG CẤP PHỤ HIỆU, CỜ HIỆU ĐOÀN,
NHÃN CỔ ÁO, (ÉTIQUETTES) MÀU ĐẸP BỀN, KHÔNG PHAI
Gửi tiền thanh toán xin chuyển vào Trương-mục Bru-diên

Saigon TİM 2.701 THƯ LÂM ÁN THƯ QUÁN

Đồng bào Thượng miền Nam Trung-bộ chống Thực- dân Pháp.

★ PHẠM-VĂN-SƠN

VÙNG mà chúng ta gọi là Tây-Nguyên mà hai chục năm trước đây bọn Pháp thực dân đã lập ra nước Tây-Kỳ cũng như để ra cái gọi là Hoàng-triều cương thổ để chia xẻ nước Việt lung tung bao gồm các khu đất cao thuộc các tỉnh Quảng-Bình, Quảng-Trị, Quảng Nam, Quảng-Ngãi Bình-Định, Phú-yên, Khánh-hòa, Phan-Rang Phan-Rí và ba Cao nguyên Darlac, Kontoum, Dalat.

Về quân sự, Tây-nguyên có một vị-trí rất lợi để khống chế Trung-Hạ-Lào, Bắc Trung Bộ, Bắc Nam-bộ và Bắc campuchea. Nó là đường hành lang dọc theo giải Trường-Son.

Về nông nghiệp, đất cát ở đây rất phì nhiêu cho việc trồng tía các thứ hoa màu như chè, cà phê một số cây kỹ nghệ và người ta có thể kiếm rất nhiều lời bằng những danh mộc ở đây có thể được xuất

cảng ra ngoại quốc.

Cư trú trên các miền thượng du này là người Rhadé, Sédan, Jarai, M'ning, Stieng, Koho, Bahnar v.v... bần chất rất thực thà, hiền lành nhưng lòng ái quốc cũng không thua một sắc tộc nào sinh trưởng từ lâu trên bán đảo này.

Vào cuối thế kỷ 19, Thực dân Pháp đánh mạnh từ Nam ra Bắc để hoàn thành cuộc đô hộ của chúng và cũng không bỏ sót miếng đất nào từ miền kinh lên miền Thượng và cùng nhíp với quân đội thực dân xéo nát đất nước của chúng ta một số giáo sĩ da trắng hoặc gián điệp đội lớp thầy tu cũng lần mò khắp vùng rừng xanh đất đỏ truyền giáo và để được mọi sự dễ dàng có khi trực tiếp hay gián tiếp, muốn hay không họ đã tiếp tay cho bọn tây thuộc địa.

Viên phó sứ Raymond le Jarrel năm 1890 cai trị tỉnh Kontoum đã có lần viết: « Các nhà truyền giáo ở Kontoum đã cung cấp cho nước Pháp những thứ quý hơn là tiền bạc Phải công nhận rằng họ đã hy sinh rất nhiều

có khi cả tính mạng nữa... Những sự gian khổ, những hy sinh kéo dài có khi suốt đời họ đã thành những công quả đáng kể cho nền móng bảo hộ Pháp tại các xứ Mọi.» Từ 1890 người ta thấy những cha cố làm gì ở các miền Thượng-du?

Các vị tu sĩ này với bộ mặt hiền lành đi từ « Bun » này qua « Bun » khác tuyên truyền đạo giáo, dụ dỗ, mua chuộc đồng bào Thượng bằng cách cho quà, cho thuốc, nói chuyện về cái hay cái đẹp của văn hóa Tây phương. Nhưng rồi vẫn có các cuộc hành quân ở nhiều nơi để đặt các cơ cấu cai trị và quân sự, tiếp theo là các vụ bắt xâu, bắt thuế rồi cả một chế độ nặng nề dần dần đè nặng trên đầu trên cổ những đồng bào nhu mì, chất phác trên xứ Thượng.

Đồng bào Thượng có lẽ không bao giờ quên những phái bộ quân sự Pavie, Maitre nổi tiếng về những hành động tàn bạo, nam hiểm.

Ngoài ra còn một nguyên nhân nữa về việc Thực dân Pháp cử những phái bộ quân

sự đặc biệt lặn lội lên các vùng Cao nguyên là thuốc ấy đã đến lúc Đế quốc Pháp cần xâm chiếm gấp Hạ-Lào bởi từ đầu năm 1890 vì triều đình Tiêm-La (Thái lan ngày nay) đã có ý đặt đề sự kiểm soát của mình tại vùng này. Tóm lại Pháp chiếm được Việt-Nam rồi thì phải chiếm nốt những phần đất nào còn lại của bán đảo Đông Dương mới cho là đủ no.

Đồng bào Thượng chống lại nền thống trị của thực dân Pháp thế nào ?

Hình thức tranh đấu, đầu tiên là bất hợp tác với địch.

Việc thứ hai là bỏ nhà, bỏ đất bỏ làng rút vào rừng tiếp tới đồng bào chặn đánh các bộ đội Pháp đến thu thuế bắt phu và chiến thuật quen dùng thuốc khả năng của đồng bào là du kích chiến. Vũ khí của đồng bào rất thô sơ như giáo, mác cạm bẫy, tên thuốc độc, hổ chông.

Nói đến tên thuốc độc, xin nhắc rằng tên vót bằng tre nhưng bít một đầu nhọn bằng sắt, thuốc độc bôi cách mũi nhọn vài phân, có chỉ quấn

chung quanh để giữ thuốc. Quân giặc bị tên thuốc độc bắn phải sẽ tê liệt và chết ngay. Giặc sợ nhất thứ vũ khí này nên đã giao cho Bác sĩ Sanquirico phân chất. Y cắm cái tên thuốc độc này vào mình con chó béo tốt, con chó bị liệt ngay lập tức và 45 phút sau thì chết. Rồi Sanquirin khám phá ra chất Strychnée ở thứ nhựa bôi vào mũi tên còn bẫy, đồng bào Thượng có 2 thứ :

Bẫy ngang và bẫy dọc.

Bẫy ngang trong có một ngọn mác có thể xuyên qua mình một con hươu lớn Di-nhiên bẫy là một cái hố đào sâu cả thước tây xuống đất rồi lấp kín lên và nguy trang bằng rác rưởi cho không ai biết để dẫm phải.

Bẫy dọc làm cho địch một khi chạm phải sẽ bị một cái cọc nhọn từ trên cao lao xuống đâm qua đầu, cũng có thể chết ngay tức khắc.

Còn hổ chông thì sâu tới hai thước dưới có trồng cọc, thường là cọc tre vót nhọn đầu cũng đâm qua bụng hay xuyên vào người đến tử thương.

Đó chỉ, bằng từng ấy hũ vũ khí đơn giản này mà đồng bào Thượng đã ngăn cản bước tiến của giặc Pháp, tiêu hao lực lượng của chúng khá nhiều luôn hai chục năm ròng trong đấu thế-kỷ của chúng ta.

Năm 1912 tên thực dân Maitre đã phải lên tiếng than : « Những nhà thám hiểm của chúng ta rất can đảm muốn lên nghiên cứu các vùng Mọi nhưng họ đã được tiếp đón, bằng những tên nỏ có thuốc độc : Peroux Canivey bị thương nặng, Hugo, Robert, Oden d'hal, Paris, Perrin, Mesuard bị giết... hiện nay còn nhiều làng, nhiều bộ lạc chưa chịu công nhận chúng ta... »

Rồi Lịch-sử đi cướp nước của chúng đã ghi chép rằng mặc dầu tổ chức khởi nghĩa của đồng bào Thượng không chu đáo như các cuộc kháng chiến của đồng bào kinh (V. N.) nhưng các tù trưởng Thượng cũng tỏ ra có tài điều khiển và các nghĩa quân Thượng cũng rất can đảm dẻo dai từ ngày binh đội thực dân tràn lên Cao-nguyên cho tới khoảng năm 1930, những cuộc

đấu tranh vẫn nối tiếp nhau đều đặn.

Tên Feston trong quyển « Đông dương cận đại » xuất bản năm 1930, hậm hực viết ra những lời như sau :

« Người Stieng là những người rất thiện chiến và rất ưa độc lập; Hiện nay trước sức mạnh của chúng ta, họ chạy hết vào rừng sâu trong vùng phía Bắc tỉnh Thủ-đầu-một và Biên-hòa... »

Henri Mailre trong quyển « Vùng rừng núi xứ Mọi » kêu rằng : « Chỉ cách Sài-gòn có ba ngày đường tôi thấy các bộ lạc Stieng từ chối không công nhận chúng ta. Phải coi vùng họ ở là một vùng bị hiểm và không có sự qui thuận !... Có những vùng Stieng hoàn toàn độc lập ở giáp giới Nam-Kỳ Cao-Miền »

PHẠM-VĂN-SƠN

Kỳ sau :

Các trận đánh phải bộ quân sự Pháp ở các vùng thuộc Tây-nguyên I »

ĐẠI HẠ NGHĨA LÀ GÌ? ..

□□□ THÁI BẠCH

THỜI Lê trung hưng ông Trang-Quỳnh (tức Công-Quỳnh) có lần dâng chúa Trịnh một vũ mấm Đại-phong. Chúa ăn rất lấy làm ngon miệng, nhưng không biết thứ mấm Đại-phong là mấm gì.

Khi ăn hết hũ mấm, chúa còn thèm, nên bảo Quỳnh làm nữa, và gọi vào bắt phải giải nghĩa hai chữ «đại phong» Quỳnh tâu :

— Đại phong là gió lớn, gió lớn thì đổ chùa, đổ chùa thì tượng lo, tượng lo là lọ tương.

Thì ra thứ mấm Đại phong chẳng phải là thứ cao lương mỹ phẩm gì, trái lại chỉ là thứ ăn tâm thường của giai cấp bình dân, hạng bình dân nghèo khổ.

Lại một lần nữa, theo tục truyền, năm hết tết đến, có viên thái giám (tức hoạn quan) đến xin chữ «đại tự» treo nhà, Trang-Quỳnh viết cho hai chữ «Thiện đức». Thiện đức có nghĩa là đức tốt. Nhưng khổ nỗi, có phải như thế đâu, mà đọc lái ra là «đục thiện». Ấy thế mới chết đời cho những kẻ, nói theo danh từ ngôn ngữ sau này, là những tên trượng giả học làm sang làm bảnh.

Những danh từ ấy là những danh từ phải nói lái mới tìm ra được nghĩa chính và chỗ dụng ý của tác giả.

Câu chuyện ấy, theo một số thức giả chỉ là những lựa đặt có tính chất trào lộng.

Người nghe chỉ nên giải trí, chớ không nên cho đó là thật.

Quan niệm này rất đúng.

Nhưng đến câu chuyện sau đây, cũng dùng chữ nói lái thì hoàn toàn là thật. Câu chuyện này đây không lâu mà tác giả chính là cụ Tam-nguyên Yên-Đồ, một nhà cụ nho cuối thời Nguyễn mà chúng tôi đã nhiều lần nhắc đến.

Trong làng cụ lúc đó có anh chàng suy tài chẳng có gì đáng kể, nhưng nhờ nhà nước Lang-sa sang cướp đất Việt-Nam, chú ta được nhảy vào trong đội quân của Pháp, bắt đầu là một tên cai kèn, rồi hưu trí về nhà.

Nhờ tiền của nhà nước Lang-sa phát cho trong những ngày tai ngũ, chú ta trở nên một tay nhà giả về làng, chú cất một ngôi nhà rất đẹp. Theo tập quán thời đó, nếu cất nhà mới mà được mấy chữ của một ông khoa mục viết cho đề treo lên nóc, thì chẳng những đó là vinh dự, mà còn có tác dụng trấn yểm tà ma, hơn cả những lá bùa của những lão thầy chùa thầy pháp cao tay.

Cụ Yên-Đồ biết anh chàng sẽ

cũng tính toán theo quan niệm ấy, nên cụ nói với các học trò :

— Nếu nó đến xin thì các thầy tính xem nên cho nó chữ gì ?

Học trò cụ lúc đó hầu hết là các ông Tú ông Cử tới tạt văn đề sửa soạn thi Đình thi Hội, nhưng nghe thầy hỏi, tất cả đều đáp :

— Thừa cụ lớn, chúng con thiết nghĩ là tùy nơi cụ lớn.

Cụ Yên-Đồ cười nói.

— Theo ý tôi, thì tôi định cho nó hai chữ «đại hạ».

Tất cả đều đồng thanh khen hay vì ai cũng nghĩ hai chữ ấy có nghĩa là nóc nhà lớn, lấy tích trong câu : nhất mộc yên năng chi đại hạ (một cây gỗ sao chống nổi nóc nhà lớn).

Cụ Tam-nguyên định thế thôi. Không dè, trong số học trò lại có ông mau miệng đem nói với chú cai kèn nọ. Chú này không đến xin cụ nữa, vì sợ làm phiền, rồi cứ y lời mượn người có hoa tay giải, viết ngay hai chữ «đại hạ» lên.

Tới ngày ăn mừng tân gia, anh lại thỉnh cụ Yên-Đồ ? Cụ tới, lấy làm ngạc nhiên vì thấy hai chữ, của mình đã không

cánh mà bay lên sà nhà chú nọ. Cụ gọi chú Cai-kèn lại hỏi; chú kể lại đầu đuôi, cụ gọi ông học trò — cũng có mặt tại bữa tiệc — lại, cất vấn :

— Thế nào, anh có hiểu nghĩa «đại hạ» là gì không ?

— Dạ, bẩm cụ lớn — ông học trò thưa — là nóc nhà lớn ạ !

Cụ mừng vốn :

— Sao anh dốt như vậy ? Anh không suy nghĩ sao ? Nó là Cai-kèn ai mà lại cho chữ «Đại hạ» như anh viết, hạ là nóc nhà bao giờ. Chữ ấy, ai treo lên chẳng được !

Ông học trò xanh mặt :

— Dạ, bẩm cụ lớn, cái đó lỗi ở con, xin cụ lớn chỉ giáo.

Cụ Tam-nguyên cười nói :

— Nhưng thôi, thế cũng được, lỡ rồi, chẳng sao, anh viết chỉ sai một chữ thôi. Chữ «Đại» là to, anh viết đúng Còn hạ, chính chữ hạ là mùa hè kia. Anh phải viết thế, mới hợp với nhà chú Cai-kèn này, vì «Đại hạ» là hè to, hè to nói lái là tò he, ấy đó là chỉ vào việc chú ta làm nghề thổi kèn đó.

Cả bữa tiệc tân gia, mọi người nghe chuyện, đều bật cười. Ông học trò kia và chú Cai-Kèn đều mặt đỏ bừng lên như gấc chín, kẻ bị

điều, người mang tiếng còn dốt. Hai chữ đã trót treo lên, lại có mặt cụ Tam-nguyên ở đó, phần kiêng cử nữa, không lẽ, lại đem hạ bệ xuống.

Theo tôi, thì đó chẳng phải là câu chuyện điều gì, mà còn là vinh dự, là đúng với cảnh mình nếu ở địa vị chú Cai-Kèn. Vì đã cho việc ra làm tay sai thổi kèn cho giặc là một cái «hãnh diện» hi hiu tự đắc với làng xóm, thì với hai chữ «tò he» có đáng kể gọi là nhục. Vả lại, biết tò he là xấu tại sao không biết cái sự đi theo giặc là xấu, Cái xấu là ở chỗ theo giặc, chứ không phải ở chỗ tò he. Nếu tò he mà đứng về phía dân tộc, phía những người chống giặc cứu nước thì đó lại chính là người đáng hoàn nghinh.

Có người bảo cụ Yên-Đỗ dùng lối chơi chữ đó là bất chước Trạng-Quỳnh. Song, biết đâu chỉ là giống nhau một cách ngẫu nhiên thôi. Một người có tài họa và tư tưởng như cụ, rất khó phải theo đuổi những cái tiểu xảo ấy, nhất là cụ lại dùng nó để điều những kẻ mà đa số người thấy cần phải diễn cho bỏ cay bỏ ghét, khi chưa có thể nọc cở ra đánh được.

THÁI-BẠCH



Gởi Nguyễn Vỹ

*Thương tâm đất nước chúng ta
Loạn ly li n tiếp sót sa trăm đường
Bao chiến sĩ gục sa trường,
Bốn phương khói lửa, ruộng vườn bỏ hoang
Chúc bình an, cũng khó an,
Bâng khuâng lưỡng tiếc gì ng san thửa nào
Lại trời miền những kiểu bào
Thêm bao tang tóc, thơ nào nên thơ
Cảm lòng nhớ nghĩ vẫn vơ
Lâm viên phong cả hương thơ tạ lời
Nao nao buồn... Nguyễn-Vỹ ơi !*

TƯƠNG PHỔ
(Đà Lạt)

HỌA SĨ RENOIR :

Đàn bà và ánh sáng.

●●● TRẦN LỆ TÀI

AUGUSTE Renoir sanh ngày 25 tháng 2-1841 tại Limoges (Pháp), nơi đại lộ Sainte Catherine. Ông nội của Renoir, theo lời họa sĩ thổ lộ, thuộc giòng quý tộc. Ông và bà cố của Renoir do đó, đã là nạn nhân của cuộc thanh trừng vào thời Terreur (Cách mạng Pháp).

Khi Auguste Renoir được 3 tuổi, gia đình ông đến sống tại Paris, gần bảo tàng viện Louvre. Thời đó, xóm bảo tàng viện là một nơi tối tăm, nhà cửa lụp xụp. Ban đêm cướp bóc hoành hành, nhưng ban ngày lại giống như hội chợ. Đứng hơn đó là một chợ

trời, có đủ món hay vật lạ, đủ hạng người và nghề nghiệp — từ những anh Do thái chuyên nghề « xanh-xít — dít-dui » tới kẻ bán chim chuột, sách cũ. Trong khung cảnh rộn rịp đó, Renoir lớn dần lên.

Ở trường, Renoir cũng giống như các trẻ khác. Vui tánh nhưng đứng đắn, ít bị phiền trách điều gì. Tuy nhiên cậu ta có khuynh hướng thích vẽ. Lúc rảnh, Renoir tới bảo tàng viện Louvre ngắm các bức tượng trong thần thoại La Hi như Venus Apollon, và có lẽ những ấn tượng của thời thơ ấu đó đã ảnh hưởng

vào sự tiến triển của năng khiếu của cậu ta về sau này.

Vì gia đình không mấy khá giả, mười ba tuổi, Renoir rời ghế nhà trường. Cậu vô làm việc tại một hiệu sản xuất đồ sứ, ở đường *du Temple*. Nhiệm vụ của cậu là vẽ bông nơi đáy đĩa, cứ mỗi lỗ đĩa thì được trả 5 xu. Có lúc ít việc, Renoir phải đi nơi khác vẽ hình trên quạt hoặc trên màn cửa.

Năm 16 tuổi, Renoir vẽ bức chọn dung đầu tiên, mà người mẫu là bà nội. Sau đó, chàng thanh niên thường lai vãng tới các xưởng vẽ và làm quen với nhiều sinh viên khác : Claude Monnet, Alfred Sisley, Frédéric Bazille, Paut Cézanne..

Cuộc sống của các họa sĩ không mấy gì sung sướng giống người ta thường nghĩ. Nhứt là về phương diện vật chất. Các dụng cụ dùng để vẽ khá tốn kém, nên lắm khi Renoir phải lượm một mấy ống màu của các bạn họa sĩ giàu có liệng bỏ. Tuy nhiên, giống như các bạn đồng nghề, chẳng bao giờ Renoir

than vãn cho số phận mình.

Frédéric Bazille có cha cho làm chủ nhà băng, nên bảo trợ Renoir và Monnet Cả ba sống chung trong một xưởng vẽ nơi đường Furstenberg. Cửa sổ của họ trông qua xưởng vẽ của họa sĩ Delacroix lúc ấy đã nổi tiếng. Họ dễ ý thấy Delacroix làm việc rất mau, dễ bắt chợt cử động của người mẫu trong ánh sáng. Đó là một bài học mà họ không bao giờ quên.

Năm 1870, hai bức tranh của Renoir được chọn để trưng bày trong phòng triển lãm do Chánh phủ tổ chức hàng năm. Đó là bức « *Femmes d'Alger* » và « *Baigneuse au griffon* ». Năm ấy, chiến tranh bùng nổ giữa Pháp — Đức. Bazille tình nguyện đăng tên vô quân đội, và chết ở Beaune — la — Rolande sau đó. Renoir cũng bị động viên, phục vụ một thời gian ở Tarbes.

Khi trở về đời sống dân sự, ông sống trong một căn nhà nhỏ nơi đường St-Georges. Để khỏi chết đói, Renoir phải

nhờ và tới sự giúp đỡ của bạn bè, và ăn uống chịu nơi nhà quen.

Renoir không tìm được nhiều người mua tranh của ông. Năm 1874, — nghĩa là vào lúc ông được 33 tuổi — Renoir cùng nhiều bạn khác (Berthe Morisot, Camille Pissaro, Claude Monnet...) sáng lập ra «công ty vô danh của họa sĩ, tạc tượng gia và khắc hình». Nhờ bức tranh «Ấn tượng, mặt trời mọc» của Monnet, mà nhóm ấy có được cái tên «*Impressionnisme*» sau trở thành «*Impressionnisme*», Ấn tượng phái.

Trong kỳ triển lãm đầu tiên, Renoir trưng bày 5 bức. Tuy không được hoan nghinh bao nhiêu, nhưng Renoir ít bị chỉ trích bằng Cézanne. Tám «*La Loge*» bán được 425 quan. Họa sĩ tìm tòi không ngừng, cách diễn tả sao cho người xem thấy trong tranh tất cả sự tế nhị, trang nhã, hoàn mỹ, nhứt là đối với thân thể phái nữ.

Tuy ở trong nhóm Ấn tượng, nhưng Renoir vẫn giữ cho nhơn vật trong tranh có một

sắc thái nhơn tánh, — khác với Monnet chẳng hạn có một cái nhìn hoàn toàn khách quan. Do đó, Renoir được xem như một họa sĩ *il* thiên về ấn tượng nhứt trong các họa sĩ cùng nhóm.

Bản tánh xuề xòa và có óc hài hước, cởi mở, Renoir có một thời quen lui tới «*Salon*» của bà Charpentier, và quen biết các nhơn vật nổi tiếng đương thời như Saint-Saens, Massenet, Yules Ferry, Cleme nceau, và cả với nam nữ kịch sĩ.

Từ cuộc triển lãm thứ 3 của nhóm trở đi, Renoir nổi tiếng. Một số người yêu và mua tranh của ông, một số khác chỉ trích, nhưng tất cả đều công nhận tranh Renoir có một đặc điểm khác thường. Ông thành công nhiều nhứt là với tranh khoả thân, trong đó da thịt đàn bà con gái được ông diễn tả «ngon như trái táo». Ngoài họa sĩ Rubens, có lẽ không một họa sĩ nào tạo ra được một làn da tràn đầy nhựa sống như Renoir.

Sau khi thành công với các

bức chơn dung trong giới quý tộc. Renoir lại trở về khung cảnh số trường: dùng những cô gái quê mùa làm mẫu. Tuy vậy ông cũng không bỏ những đề tài rộng lớn. Bức tranh mà ngày nay người ta thường nói tới, «*Moulin de la Galette*» được vẽ trong thời gian đó.

Hậu quả bất ngờ: một người mẫu trong bức tranh «*Le Déjeuner des canotiers*» trở thành vợ ông. Nàng tên Aline Charigot.

Sau đó, Renoir dành khá nhiều thì giờ để du lịch. Ông qua ý, vui sướng khi được trông thấy tranh của hai nhà danh họa Raphahe và Benoggo. Vì vậy, ông hơi bị ảnh hưởng — mà nhiều người cho rằng đó là thời kỳ «khô khan» của Renoir, vì quá trau chuốt, quá chú ý tới hình thể.

Năm 1914, tranh của Renoir được đem trưng trong viện bảo tàng Louvre, lần đầu tiên. Đó là một vinh hạnh lớn lao bất cứ họa sĩ nào cũng ao ước.

Năm 1914, bà Renoir mất; năm năm sau, ngày 3 tháng

12-1919, trong lúc thăm viếng Cagnes Renoir tạ thế. Trước đó vài năm, ông bị bại nơi mấy ngón tay, phải cột cọ vô tay mà vẽ. Cặp mắt của ông cũng yếu dần, nhưng ông chẳng rời nổi mấy ống màu.

So với sự vững chắc trong tranh của họa sĩ Cézanne, hoặc màu sắc trong tranh Van Gogh hoặc bố cục trong tranh Gauguin, người ta thường cho rằng Renoir hơi hợt. Thiệt ra tuy diễn tả những đề nhẹ nhàng, lãng mạn, không chưa đựng một triết lý sâu xa nào, nhưng tranh của ông, với ánh sáng phơn phớt nên thơ, cũng có giá trị riêng của chúng. Nhìn tranh của Renoir, người ta thấy toả ra một niềm vui sống mãnh liệt giống như cá tánh của ông, mặc dầu cuộc đời của Renoir có nhiều lúc vô cùng đen tối. Khía cạnh lạc quan đó, người ta chỉ tìm thấy trong những xã hội có quân bình, như vào thời Rubens hoặc Renoir...

□□□

TRẦN CÔNG XÁN NGÔ NHO

*Kháng khái cự Tây - Sơn,
cam lòng chịu chết*

●●● NGUYỄN BÁ THỂ

Trần Công Xán (có tên khác nữa là Thuợc) người làng An-vĩ, tổng An-cảnh, huyện Đông-an, tỉnh Hưng-yên, sinh năm tân-hợi 1731. Thân phụ ông vốn là một bậc túc nho, có hiệu là Tinh-mẫn.

Ông tính tình cương trực, đức hạnh chẳng ai bì. Ngay từ thuở trẻ ông đã nổi tiếng thông minh, hiểu học. Ông chuyên cần học tập đến nỗi thi đỗ tiến-sĩ rồi (khoa nhâm-thìn 1772) ra làm quan mà vẫn miệt mài đọc sách. Xuất thân từ địa vị Tả-thị-lang

bộ Công, rồi thăng-thư bộ Hình, ông dần thân đến chức hành - tham - tụng, tổng - bình chương quân-quốc trọng sự, trong năm ất-tị 1785.

Về trước, khoảng năm canh-thìn 1780, ông từng phụng mạng đi sứ Trung hoa, thanh danh lừng lẫy ở nước ngoài. Và khi đi sứ về (nhâm-đần 1782) ông được thăng làm ngự-sứ, tước Luyện-trạch hầu.

Bấy giờ, nơi làng Tri-chí, huyện Phú-xuyên, có người học trò khó là Ngô Nho, thiên tư chính ngộ, hiểu học lạ thường.

Xa gần nghe tiếng đều khen người Trần Công Xán vốn biết Ngô Nho và có lòng thương tình nét Nho khảng khái cương trực giống mình, nên ông hết sức cất nhắc, dạy bảo thêm cho. Do đó khoa giáp-thìn 1784, Ngô Nho ứng thi đỗ Tiến-sĩ được bổ làm Hộ-khoa cấp-sự-trung. Nho cảm ân tri ngộ, xem Trần Công Xán như thầy.

Bính-ngọ 1786, binh Tây-sơn kéo vào Thăng-long. Trông thấy dáng oai vệ của Nguyễn Hữu-Chỉnh theo phò Bắc bình Vương Nguyễn-Hệ, ai nấy đều khiếp sợ. Dạy Trần Công Xán thần nhiên cười lạ mỗi khi nghe ai nói đến Chỉnh, hoặc khi chạm trán với Chỉnh ông vẫn tỏ vẻ coi Chỉnh chẳng ra tư cách gì. Nguyễn Hệ nghe danh ông, có lần hội kiến với ông, Huệ nghiêm trang thốt lời khen ông, và sau đó Huệ bảo Tả-quân võ văn Nhậm :

— Ta trước vẫn nghe Bắc-hà có nhiều nhân tài, nay đến tận nơi nhận thấy chỉ có Trần-công-án là ra vẻ người.

Tây-sơn chiếm lấy vùng Nghệ-an. Ông được triều đình cử đi sứ đề xin chuộc đất lại. Chính vua Lê ân cần vỗ về :

— Trẫm vẫn biết người hết lòng trung với nước. Ngày xưa Phú-Bật sang sứ Khiết-đan, làm cho giặc phải kính, hoàn thành sứ mạng. Nay người hãy cố vì trẫm đem mạng lệnh đi, cũng là Phú Bật của nước Nam đó. Hoàng thân Duy. Ân sẽ cùng đi với người, còn một người nữa theo phụ tá, trẫm cho người được chọn lấy.

Ông vàng mạng. Rồi với Ngô Nho đến, triều mến bảo :

— Xem khắp các nhân-vật hiện nay, duy có ông đáng mến vì khí tiết chẳng tầm thường, có thể cho tôi tin cậy được. Tôi phụng mạng đi vào Nghệ-an xin chuộc đất, ông liệu cùng đi với tôi được chăng? Phận tôi đành phải gách vác việc lớn quốc gia, còn ông thì còn là một quan chức nhỏ, đi được hay không tùy ông, tôi thật không dám buộc ông phải hy sinh. Vì đám Tây-sơn, tôi liệu các thuộc hạ của Nguyễn Huệ đều chẳng có ý tốt đâu.

Ngô Nho khảng khái :

— Thầy đã nguyện liều thân vào chốn hang hùm, tôi há tiếc gì thân trước nạn nước chia năm xẻ bảy. Xin nguyện hết lòng theo thầy.

Ông cảm động. Bèn cùng Ngô Nho, Lê Duy-Án, phái đoàn gồm hơn 30 người lên đường.

Đầu đề huyện Quỳnh-lưu có viên tướng của Võ-văn-Nhậm đóng đồn ở đó, kiểm soát gắt gao, chỉ để ba vị sứ thần và 18 người tùy tùng được qua đồn, kỳ dư đuổi về. Ông dẫn lòng chẳng phải kháng gì, nhưng lòng đã thăm giận vô cùng.

Rồi đến dinh trấn Nghệ-an, vì ông và Ngô Nho đều là người khản-khái cương trực, hội đàm với các tướng tá Tây-sơn phần động đều kiêu hãnh và sẵn ghét ông, nên ông không sao trách khỏi bất bình, đụng chạm đến lòng tự ái của họ. Cuộc thương thuyết chẳng những đổ vỡ, mà cả sứ bộ thấy đều bị bắt giam.

Trong ngục, ông vẫn thản nhiên, viết trên tường ngục đôi câu đối :

*«Đạt đức hữu tam, lung vị năng
chi nguyên học :
«Tiêu tâm vô nhị, hành kỳ tổ đã
hà vụ ?*

Nghĩa :

*«Đức thường có ba (trí nhân
dũng) nêu chưa được thể, xin
học :*

*«Lòng mọn không hai, làm theo
chi hàn gì ?*

Từ mã Ngô văn Sở khuyên phải giết ông đi. Nguyễn Huệ tiếc tài ông, sai Trung thư Trần Văn Kỳ và Lễ bộ Võ Văn Nạp đi dụ hàng. Ông và Ngô Nho cương quyết không khuất thân đầu phục.

Bấy giờ anh em chúa Tây-sơn bất hòa. Nguyễn Nhạc đưa thư kẻ tội Nguyễn Huệ, định kéo binh đánh Huệ. Thuộc hạ thân tín của Huệ là Trần Văn Kỳ lại khuyên phải giết Trần Công Xán trước đi.

Nguyễn Huệ nghe theo lời Kỳ, cho gọi Đô-đốc Võ Văn Nguyệt đến dặn khiến hãy làm như thế... như thế...

Đô-đốc Võ Văn Nguyệt tuân hành, cho đem Trần Công-Xán và sứ-bộ đến dinh mình, trao ra 100 lạng bạc mà nói :

— Chúng tôi sẽ cho đưa các ông trở về triều. Chuyện chuộc đất sẽ bàn lại sau. Đây là số bạc của Bắc-bình Vương phu-nhân (công-chúa Ngọc-Hân) trao tặng bộ. Thôi, các ông hãy sửa soạn xuống thuyền.

Định vị 1787 tháng 3, Đô-đốc Võ Văn Nguyệt thân đưa ba vị

sứ thần và phái đoàn xuống hai chiếc thuyền, từ cửa Tư-dung giong buồm ra biển. Không đầy 10 ngày thuyền ra đến cửa Đan-nhai, thuộc trấn Nghệ-an. Nguyệt cho thuyền vào bờ để phái đoàn lên bộ nghỉ.

Một học trò cũ của Trần Công Xán là Nguyễn Hiền, người huyện Châu-lộc, tỉnh Nghệ-an, nghe thầy về qua đó, lật đật lên hầu. Nhìn thấy quang cảnh binh tướng Tây-sơn canh chừng có vẻ khác thường, Nguyễn Hiền lura dịp vắng người khe thưa với Trần Công-Xán :

— Thầy không nên đi đường biển, e có điều bất trắc. Tốt hơn, thầy hãy xin đi đường bộ... may ra mới được an toàn.

Nguyễn Hiền ngập ngừng, vì thâm tâm đã đoán biết Tây Sơn cru lòng chẳng lành, dù đi đường biển hay đường bộ, chắc cũng sẽ ra tay giết hại mà thôi. Tuy nhiên, khéo đề phòng được đến đâu hay đến đó.

Trần Công-Xán thừa hiểu ý Nguyễn Hiền, cảm động nói :

— Anh có lòng lo cho ta, xin cảm ơn. Nhưng mà, ta đã không thành toàn được sứ mạng, thân này lại bị nhục vì tay Tây-sơn,

còn tham huyển chút sống thừa mà xin xỏ với chúng làm chi chứ ? Mặc kệ chúng nó, thử xem chúng nó gian ác đến đâu, ngày sau còn có công luận, tử xanh ghi để.

Nguyễn Hiền rưng rưng nước mắt, bái biệt lui ra. Trần Công-Xán vẫn thản nhiên trước sự thúc giục của Võ Văn-Nguyệt, ung dung xuống thuyền tiếp tục cuộc hành trình.

Thuyền ra khơi. Chiếc thuyền chở sứ bộ đi trước, được một khoảng khá xa, thỉnh linh nước tràn vào. Chính do Võ Văn-Nguyệt đã mật phái các tên quân lặn giỏi bám sát theo thuyền, đục cho chìm. Trần Công-Xán, Ngô Nho, Lê Duy-Án đều chết đuối. Hôm ấy nhằm ngày 11 tháng 4 Đinh-vị (1787).

Người đương thời có đôi câu đối cảm xúc :

*Danh lưu vũ trụ thiên thu thạch
Nghĩa trọng cương thường vạn lý
ương.*

(Nghìn năm bia đá danh còn mãi
Muôn dặm tròng khời nghĩa cũng
đầy)

Cho đến Trần Văn Kỳ là người đã xúi giục Nguyễn Huệ giết Trần Công Xán đi, trước kia cũng đã từng khâm phục về

phong độ của ông, đề lời phê bình :

— Nhà Hán có Tô-Tử-Khanh (Tô Võ), nhà Lê có Trần Công Xán ngông nghênh đáng ghét nhưng cũng thật đáng trọng.

Trong các sách « *Lịch đại danh hiền phổ* » « *Hoàng Lê nhất thống chí* » xưa đều khen ngợi con người Trần Công Xán « ... tiến lui không mất phong thể của bậc đại thần ». Gần đây trong *Danh-nhân Việt-nam* của Sở-bảo Doãn kể.Thiện và *Triều Tây-son* của Phan-Trần Chúc cũng đều đề cao tiết nghĩa Trần Công Xán đáng được nghìn thu hoài niệm.

Ngay khi được tin Trần Công Xán thọ hại, vua LêChiêu-Thống tụy phong ông là Trung-liệt phách-thần ở quê ông.

Tương truyền chỗ khu bề chìm thuyền, có nổi lên một bãi đất rộng. Nhân dân gần đấy có lập đền thờ, thuộc về thôn xã Phú hậu, tổng Bồng-nãi, tỉnh Ninh-bình.

Đền thờ ông ở cổ hương, xã An-vĩ, thường được sắm sóc đến lịch triều phong là. Năm trứ linh ứng đực bảo trung-hưng trung đẳng thần ».

Trong «*Việt sử tổng vịnh*» Vua Tự-đức tán dương tiết nghĩa Trần Công Xán và Ngô Nho, khá thâm trầm :

*Đầu thư hổ huyết khởi thân ưu,
Hối thủ đình ninh dự bị mưu.
Kháng biến lỗ đình từ lý chính
Tử trung nguyên bất đãi trăm chu.*

Tiên-đàm Nguyễn Tường
Phượng dịch :

*Hàng cộp dưng thư há quân
minh?
Dẫn ai còn vàng tiếng đình ninh
Lời ngay lý cương khi tranh luận
Chẳng đợi dìm thuyền chết cũng
vinh.*

NGUYỄN-BÁ THẾ

□□□

DECAPAN

THUỐC THOA.CHUYÊN
TRỊ CÁC BỆNH NGOÀI
DA.

PHỔ-THÔNG 256

Nhớ Hà-Nội

(tiếp theo) .

Kê từ Bảo Hộ giáp thân (1884)

Nhớ như ngọn cỏ cát làm thân trâu.

Vườn Hoa dựng tượng Chàng Ngưu,

Chốn Ba Đình ấy phong triều Việt Minh :

Đường Đồi, Hàng Dẫy, Cổng Thành,

Tim chơi Văn Miếu xem hình cổ bia.

Đất Thanh Giám thửa xa xưa.

Hàng Hương, Hàng Đũa, đền thờ Tú Uyên

Bích Cầu, Hàng Bết, Khám Thiên,

Con đường x điện nối liền Cầu Đơ.

Vùng Trung Tự ở chợ Dừa

Đi lên Ngõ Trạm, Sinh Từ, Đường Ga,

Cửa Nam, Hàng Lọng, Vườn Hoa,

Phố Nhi Nhìn thấy Tượng Bà Đàm xưa,

Đơ cao bó đuốc phất cờ,

Văn minh «*Mẫu Quốc*» bây giờ còn ghi..

Tương truyền Tượng Bà Đàm Xòe,

Nhân danh nước Pháp quyền uy lẫy lừng.

Nam Ngự, Cẩm Chi, Hàng Bông,

Hàng Lò, Hàng Thiếc, Hàng Đồng.Hàng Khay.

Hàng Bưởi, Phúc Kiến Hàng Giày,

Hàng Đàn, Hàng Quạt, Mã Mây, Hàng Hình,

Hàng Hòm, Mã Vỹ hàng tranh.
Buồn vui Yên Thái, Hàng Màng đến thăm...
Hàng Da, Phố Mơi, Vải Thâm.
Bát Đán, Xe Điều, Hàng Cân, Hàng Phòn.
Tam Thương, Hàng Trống, Hàng Kèn,
Hàng Bờ, Hàng Nón, Lò Rèn, Cổng O.
Hàng Dầu, Nhà Hỏa, Hỏa Lò,
Hàng Thùng, Cầu Gỗ, Bờ Hồ phát phơ...
Qua Cầu Thê Húc say sưa.
Ngọc sơn cổ miếu ngàn xưa vẫn còn...
Ngắm coi Tháp Bút Nghiên sơn,
Khá khen non nước nước non Lạc Hồng !
Đền thờ Văn Đế Quan Công,
Địa linh nhân kiệt anh hùng thời xưa.
Thần Quy nổi sóng mặt hồ,
Vua Lê trả kiếm nên thua chốn này ..
Đền bà Kiệu, cách gang tay,
Hồ Gươm trước mặt, cỏ cây rướm rả,
Trăng trong, gió mát, chim ca,
Bóng cây rợp đất thật là uy linh.
Bây giờ... gạch ngói tan tành,
Theo đà kiến thiết văn minh hợp thời:

Đi ra Hàng Muối, Hàng Rươi,
Rõ vào Hàng Mắm nếm mùi Gia Ngư.
Tôm he cá nục mực khô,
Thơm tho lỗ mũi, gió đưa mùi chài.
Đình Hàng Bạc, Chùa Hoà Giai,
Nổi danh thời đại «bụi đời» là đây !
Phường kẻ cắp, bọn sãi thầy.
So vai rứt cổ những tay hung đồ.
Trốn việc quan đi ở chùa,
Tránh sưu lậu thuế tranh đua thờ... kèn.
Hàng Thang, Hàng Giấy, quanh miền
Buồn sơn bán phấn răng đen má đào.
Đây là xóm cũ có đầu,
Nổi danh tài sắc ca lâu một thời.
Hàng Chai, Tô Lịch, Hàng khoai,
Đồng xuán, Hàng Lược, Hàng Nài bán buôn.
Đạo quanh các phố cũng buồn,
Lên Chùa Nhất Trụ dâng hương lễ trời...
Tinh hoa kiến trúc cổ thời,
Văn minh Đại Việt lâu dài biết bài !
Đội trời đạp đất cách nào ?
Một cây cột trụ nêu cao tinh thần.

Nước trong sơn mọc đầy đầm,
Điện đài chót vót, hương trầm thơm tho.
Rõ ràng cảnh vật nên thơ,
Mà sao vắng vẻ lặng tờ buồn tênh !
Quay về Quảng Lạc xem tránh.
Đáng khen họa sĩ Trần : hèn khéo tay.
Sán Nhiên chèo cổ cũng hay,
Sầm công, Hải Trọng ở đây buồn lòng...
Bắc Ninh, lò sứ, bờ sông,
Hàng Vôi, Hàng Cột, Hàng Song Hàng Bò,
Ngõ Phát Lộc, phố Hàng Tre,
Yên Ninh, Hàng pùn, lại về Hàng Ngang
Hàng Đào, Ngõ Gạch, Hàng Đường,
Hàng Gai, Chả Cá về phường Bạch Mai.
Hàng Giò, Đồng Khánh, Hàng Bài,
Chợ Hôm, nhà Rượu, ghé chơi Thanh Nhân.
Hàng Gà, Hoà Mã, Thuyền Cuồng,
Ván Hồ, Bầy Mẫu, lại sang Đồng Lầm,
Miêu Hai Cô xuống Cống Thần,
Khám Thiên, Vạn Thái, quây quần nhà thơ...
Trường Thi, Phủ Doãn, Nhà Thơ,

(còn 1 kỳ nữa)

Buổi kỷ niệm

PHỔ-THÔNG 13 NĂM

◎ HOÀNG-THẮNG

ĐƯỢC tổ chức nơi «Phòng Phụng Hoàng», lầu 4, Nhà hàng Nam-Đô, đại-lộ Nguyễn Thái Học, từ 5 giờ chiều thứ Bảy 31-10-70, buổi kỷ-niệm PHỔ-THÔNG Tạp-chí năm thứ 13 đã có một sắc thái Văn-nghệ đặc-biệt.

Đặc-biệt nhất là có sự tham-dự của nhiều nhà Thi-Văn và Nghệ-sĩ nổi danh Tiền-chiến và Hậu-chiến, già và trẻ lẫn lộn, trong đó tôi nhận thấy có Ông Bà Vũ-Hoàng-Chương, các ông Bút trà, Vũ Bằng, Thượng sỹ, Tô-Kiều-Ngân, Lê Thương, Lê Trảng Kiều, Lan Đình, Nguyễn Đức, Tôn nữ Hỷ Khương, Trọng Tấu, Hoàng Trúc Ly v.v. và v.v... Ngoài ra, trong số những bạn thân của ông Nguyễn-Vỹ, người ta thấy có Ông Bà Đại-sứ Đỗ-Vạng-Lý, Bác sĩ Hoàng mộng-Lương, ông Lê Ngọc Diệp, phủ Quốc-vụ Khanh đặc trách Văn hóa, quý vị trong Ban chấp hành Hội Thân-Hữu Quảng-Ngãi, Bác sĩ, Nguyễn văn Quang, các cô Giáo trẻ đẹp Lê minh.Phú, Thái Như, Ngô thị Cúc, Cẩm Vân, và mấy vị Giáo sư Đại học, Trung học ở Sài Gòn và mấy tỉnh lân cận. Tờ Báo thẳng Bờm có đại diện

cùng đồng, Ông Bà Phan Bá Phụng, Ô. B. Lê Huỳnh, Ô. B. Phan Như Hòa, các cô Tuyết Hoa, Mỹ Dung, Cô Thanh, cô H. và rất đông Mỹ-nữ diềm kiêu, các cô nữ Sinh-viên duyên dáng mà rất tiếc tôi không được hân hạnh biết hết.

Quan khách chú-ý nhất đến hai giầy bàn giữa dành riêng cho Ban Đại-Diện Thi-văn-Đoàn Thăng-Bờm Đô-Thành Saigon, Chợ-lớn, có gần 50 Nam Nữ Sinh viên Học sinh của các Trường Đại-học Trung-học Công lập và Tư-thục lớn ở Đô thành.



2 giầy bàn giữa dành riêng cho Ban Đại-diện Thi-văn-Đoàn Thăng Bờm Đô-thành Sài-gòn Chợ-lớn

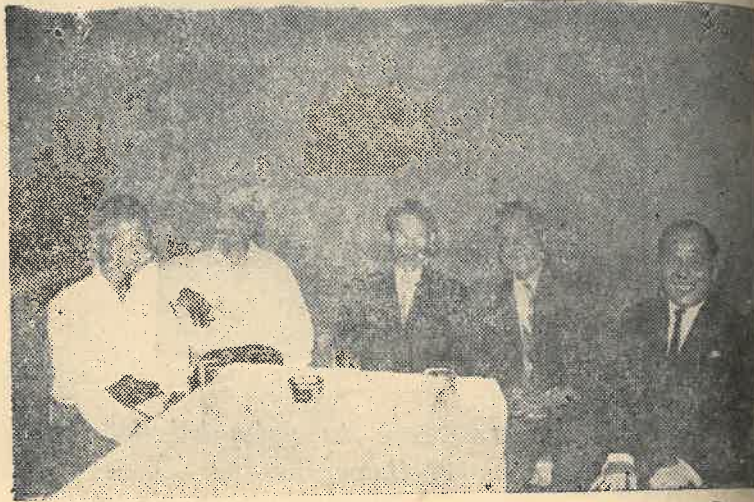


Nhà Thơ trẻ Tô-Kiều-Ngân ngâm bài thơ của Bà Vũ-Hoàng-Chương

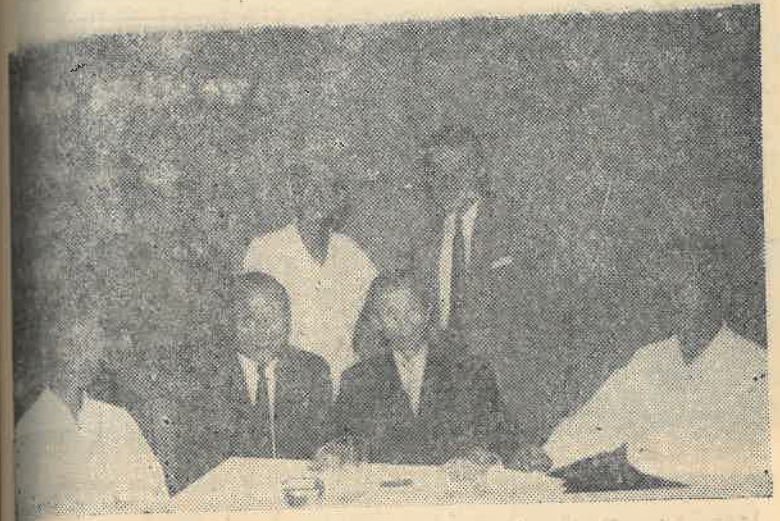
Một bạn trẻ chỉ cho tôi biết một số anh chị trong ban hướng dẫn, chị Đoàn-trưởng Phan thị Thu-Mai, anh Đại diện trưởng Mai Hữu Cho (sinh viên Vạn Hạnh), chị Đại diện Phó Nguyễn Thị Minh Đức, (trường Lê Bảo Tịnh) anh Tổng thư ký Sinh

viên Luật, anh Trưởng ban Ca Vũ nhạc (Sinh viên Khoa-học),
 chị Thủ quỹ Nguyễn-thị-Lý (Đệ-nhất Gia Long) chị Bạch Liên
 sinh viên Cao đẳng H a học, trưởng Ban Khánh-tiết, chị Kim
 Hoa, đệ nhất huyền đai Judo, trưởng ban Thể-thao, v.v...
 Nhiều quá, không thể nào-ghi hết được.

Nhờ buổi tiệc Phò-Thông hôm nay, người ta mới thấy Ban đại
 diện Thi-văn Đoàn Thăng Bờm Đô-thành đông đến như thế
 và toàn là các anh chị lớn, hăng hái, duyên dáng, vui vẻ trẻ
 trung, vui cười tưng bừng suốt cả buổi tiệc, (tuy bữa tiệc
 rất giản dị đơn-sơ).

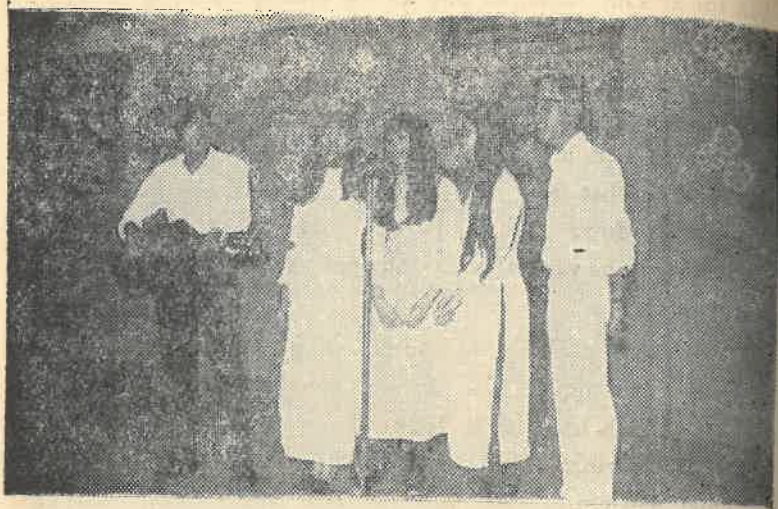


Từ trái sang phải : quý ông nhĩ văn Thượng-Sỹ, Vũ-Bằng,
 Vũ Hoàng-Chương, nhạc-sĩ Lê Thương, Nguyễn-Vỹ



Từ trái sang phải : Thượng-Sỹ, N.V. Vũ-Hoàng-Chương,
 Vũ Bằng. Đứng hàng sau : Nhạc sĩ Nguyễn-Đức, Nguyễn-
 Ngu-Í, Tam-Mộc chủ bút Báo Trắng-Đen

Bác Nguyễn Vỹ lãng xăng lo tiếp khách, không có đọc «đít
 của» và cũng không có «tuyên bố» một lời nào cả. Nhưng lại có
 một nhà Văn ngoại quốc người Gia - nã - Đại,
 trẻ và đẹp trai lên micro nói tiếng Việt mừng tạp chí Phò
 Thông mà anh tự nhận là một độc-giả trung thành. Anh nói
 tiếng Việt rất thông thạo và rõ ràng, được thính giả vô cùng
 ngạc nhiên vỗ tay nhiệt liệt.



Một nhóm Đoàn viên Thi văn Đoàn Thăng Bờm Đô-thành, hợp ca.

Từ trái sang phải :

Nguyễn Phi (Trưởng Ban ca, vũ, nhạc). **Bùi-thị-Bích** (Trưởng Ban nghiên-cứu và phê bình). **Trần thị Mỹ Hồng** (Phó Ban ca, vũ, Nhạc). **Trương Kim Anh** (Phó Ban công tác xã hội và hướng dẫn). **Mai Hữu Cho** (Đại diện-trưởng Thi văn đoàn Thăng bờm — Đô thành).

Kể đến các nhà Thơ Bút Trà, Thạch Uyển, Nguyễn Ngũ-Í (đầu cạo trọc và tự xưng là Trung-Tọa Ngũ-Í!) lên ngâm thơ mừng Phò Thông. Đặc biệt nhất là nhà Thơ trẻ Tô-Kiều Ngân, trưởng Ban Tao Đàn của Đài Phát thanh quốc gia, lên ngâm một bài thơ của Vũ-Hoàng-Chương phu-nhân. Lần đầu

lần, người ta thấy vợ ông Thi sĩ làm thơ! Mấy người ngồi bàn tôi xi xăm : «chắc có ông Xã Vũ Hoàng chương gà cho xã».

Có cả giáo sư kiêm Đạo diễn Xi-la-ma Tống Ngọc Hạp lên đàn và nhà Thơ trẻ Hoài hương Tứ ngâm thơ, Nguyễn Ngũ-Í làm trò diễn, khiến thính giả vỗ tay cười lăn lóc. Nhạc sư Lê Thương hát một bài, và nhà văn Trọng Tấu thổi Harmonica được các giới trẻ kêu Bis ! Bis ! Không ai ngờ nhà văn hài hước của chúng ta lại thổi Harmonica hợp dân quá xá !

Rồi các anh, các chị Thi văn Đoàn Thăng Bờm Đô-thành tiếp tục lên hát nhiều bài đơn ca, song ca, tập-thể đủ thứ được quan khách hoan hô ác liệt.

Chị Đoàn-trưởng Phan thị Thu Mai, chạy đi mượn đâu được chiếc đàn ghi-ta, trao anh sinh viên Nguyễn Phi, trưởng Ban Ca vũ nhạc của đoàn xách lên đánh mấy bản hay ác.

Chẳng có «Chương trình Văn nghệ văn gừng» gì cả, toàn tự-động lên sân-khẩu, nhưng suốt buổi tiệc thật vô cùng hào hứng, rộn-ràng nô-nức.

Mãi đến 9 giờ hơn quan khách mới lần lượt ra về, sau khi cô Đoàn-trưởng Thu-Mai thay mặt bác Nguyễn-Vỹ nói mấy lời cảm tạ quý vị quan khách và toàn thể Anh Chị Em. 9 giờ 30 mới thật sự bế mạc buổi kỷ niệm Phò-Thông Tập-chí Năm thứ 13.

Người ta thấy trong bóng tối nhà thơ N.V. lúi thủi cuốc bộ đi về một mình !...

HOÀNG - THẮNG

◊ Những ảnh chụp trong buổi tiệc là của Nhiếp-ảnh-gia PHẠM KHẮC DƯƠNG.

Bài thơ của Bà Vũ Hoàng Chương

Tiệc giản dị, đông người đến dự
Mừng Phở-Thông năm thứ mười ba
Thục-oanh này thiếu giọng ca
Dăm vần thơ cũng gọi là mừng ai :
«Phở-Thông Tạp-chí nay thêm tuổi
Bút mực càng thêm này nét tươi.»
— Nữ Sĩ Diệu Huyền ngấm giúp nhé !
Cho thơ cao giá một lên mười
Tiệc đến dự đông người giản dị
Mừng Phở Thông Tạp-chí bền lâu
Mười ba năm mới bước đầu
Mỗi năm còn mỗi tươi mầu ngát hương
Cũng mừng dân tộc, mừng nhân loại
Hết khổ đau và hết nhiễu nhương
Hết mọi bất công đau khổ nhất
Chỉ còn hai chữ lớn : TÌNH THƯƠNG.

ĐINH THỰC OANH
(Bà Vũ-Hoàng-Chương)
(ngày 31.10.70)

Của Ô. Nguyễn Ngu-Í, đầu cạo trọc.

Tôi là «Trung-Tọa» Thích-Ngũ-Í, fab-danh của Ngu-Í
Nguyễn-hữu Ngự, Ký-giả Tạp-chí Bách-khoa, mà cha là Nguyễn-
hữu-Hoàn, người Nghệ, từng hoạt động cách-mạng ở Nam-Ngãi
với Thái-Phiên, Võ-Hàn, và hiện nay tôi an trí tại Thái-Bình

Điện-quốc (tục gọi là Nhà Thương Điện Biên Hòa), leo tường
trón về xuất hiện TỬ QUẢN Nam-Đô để dự tiệc mừng Phở-
Thông 13 tuổi.

Mến ai : Xìt Quảng hùng anh
Thương ai : chống Nhật tuổi xanh lở làng.
Rời dựn Phong-tráo «Rồng Vàng».
Rời lặn đạn lao đao vì Đời Đạo ngồn ngạn.
Đã quá một đời người
Mà chi chưa thành,
Lòng chưa toại,
Nhưng nụ cười trai trẻ còn tươi
Mà sức già vẫn cười cùng dồng bể
Nguyễn Vỹ anh ơi ! Tuy tuổi đã lên lão
Mà hăng say, mà sáng kiến, không nói lão, không ăn tiền
Mà ki-ức, mà văn, Thơ, khi hiền như Núi Ấn soi gương,
Khi dữ như nước sông Trà sông Vẹ cuồng điên,
Khi di-dỏm như Suối-Bùn reo đùa... huyền-diệu,
Khi chanh chua như Mit-nu nhựa dính jô ci
Khi ngộ nghĩnh như Thăng Bòm quạt mo bị ai ăn cấ !
Ôi ! Nếu Ngô-Bá-Lí Hề tôi
Mà được ai kia cho đi chợ
Mua cá Li, Tôm Hùm, mà lập chính phủ của ngày mai,
Thì tôi sẽ mua cái Đầu-Cá- Hóa-Rồng Vỹ-đại
Đề về dâng Tờ-quốc môn : trưởng bộ Thăng Bòm.

Trung-Tọa THÍCH-NCŨ. Í.



Câu đối của Ô Phạm-quang-Định

Mười ba năm góp mặt với Văn Đàn, tìm hiểu *Minh ơi!*
Anh Vỹ viết.

Sáu một tuổi nặng lòng cùng Báo giới, chọc cười, *Lên*
Buốt, Diệu-Huyền ngâm.

PHẠM-QUANG-ĐỊNH và MAI-LÂM
(Hội Thân-hữu Quảng Ngãi)

Kỷ niệm 13 năm Tạp-chí Phở-Thông

MÉN TẶNG CHỊ DIỆU-HUYỀN MỘT BÀI THƠ VÀ ANH
NGUYỄN-VỸ MỘT BÀI HÁT Ả ĐẠO

Chị Diệu - Huyền ơi :

— Mười mấy năm rồi chị với tôi
Cùng nhau bàn phẩm chuyện yêu đời
Chị ơi khát mộng ngàn phương ngát
Mà cái xuân tình lại hiếm hoi

★

Ông Tú năm nay 13 tuổi
Chị tôi đã được mấy trắng hè ?
Chị ơi thế sự nhiều tâm tởi
Thì Phở-Thông này phải vượt ve

★

Chị ơi máu chảy thành sông
Yương phơ thành núi hận lòng tái tê
Phở-Thông ta máu vô về

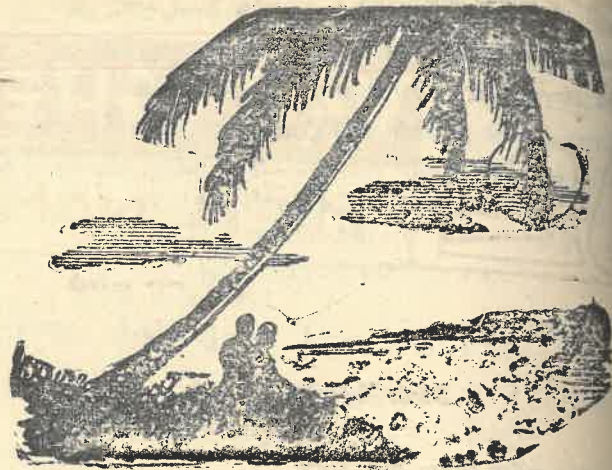
Chị cùng Ông Tú tử tế luận bàn
Chị ơi gió núi trắng ngàn
Đầy với chén rượu quan san giải sầu
Em còn trong cảnh khổ đau
Gửi về chúc chị đôi câu tâm tình
PHỞ-THÔNG MUỖI BA THU LÀNH

THẠCH-KHÊ
(Pleiku)

Aanh Nguyễn Vỹ ơi !

— Mỗi năm thêm mộ tuổi
Đời tuy già nhưng xương cốt vẫn sẵn gân
Mười Ba năm q a ẫn lợi với phong trần
Dùng một áng văn chương làm huyết mạ h.
— Thế sự thăng trầm hà thử thách
— Thiên kim hoàn tận hà phục lại
Khi hay chơi trời cũng khéo chiều người
Thêm một tuổi uống rượu mừng thêm một chén.
Phở-Thông hề, văn chương chỉ tiền triền
Dán ta Hề, anh Nguyễn Vỹ biết cho không
Chén vui đây ta thấm đượm mãi men nồng
Mà thế sự non sông còn máu chảy
Ngọn bút hoa Phở Thông ta đưa đây
Đề trao đời cho dân tộc bớt điều linh
Đề cùng nhau sống động mãi hương tình
Đề chúc tụng Phở Thông ngàn tuổi lễ

THẠCH-KHÊ



Mới ngày Phở-Thống chào đời
 Thấm thoát mười ba tuổi lễ rồi
 Khôn lớn công cha gầy dựng vóc
 Trưởng thành đực mẹ tri không voi
 Mặc đời xuôi ngược xum xoe trống
 Ta vẫn hiên ngang nầy nở chồi (1)
 Mới biết tài nầy ai dám sánh
 Chuông kia ngân mãi mãi không thôi

HOÀI THI
 (cư-xá Cam-Ranh)

(1) Thăng Bờm



★ HOÀNG-THẮNG

● **Diễn thuyết về «Sinh Hoạt Thơ Hôm Nay»**

Vào 10 giờ sáng ngày chủ nhật 8-II-1970, trung tâm Văn Bút Việt Nam đã tổ chức một buổi nói chuyện văn chương tại thính đường trường quốc gia âm nhạc số 112 đường Nguyễn Du Saigon. Đề tài là *thứ nhìn vào sinh hoạt thơ hôm nay* và do nữ sĩ Phương Đài nói chuyện.

● **Huy Chương vàng nhiếp ảnh quốc tế**
 Nhiếp ảnh gia Khru từ Chấn

đã mang về cho Việt Nam 2 huy chương vàng trong cuộc thi nhiếp ảnh Quốc tế năm 1970, tổ chức tại Pháp và Ý. Đó là bức ảnh xuất giá tại thành phố Hallmin Pháp Quốc và bức Bà Lão tại Tronto, Ý Đại Lợi.

● **Triển lãm ảnh nghệ thuật tại trung tâm văn hóa Pháp**

Một cuộc triển lãm thân hữu giữa nhóm Ảnh Nghệ Thuật Việt-Nam và nhóm Ảnh Nghệ Thuật Âu Châu (photo Club du Val de Bièvre-

es) đã được tổ chức tại Trung Tâm Văn Hóa Pháp 13 đường Đồn Đất Saigon từ ngày 6-11-70 và kéo dài cho đến ngày 30-11-70.

● Triển lãm nghệ thuật vẽ trên áo dài

Hồi 18 giờ ngày 6-11 tại biệt thự Hội Việt Mỹ số 28 đường Phùng Khắc Khoan Saigon đã có một cuộc triển lãm về nghệ thuật vẽ trên áo dài do họa sĩ Vũ thị Nga đảm trách.

Nữ họa sĩ Nga hiện nay là giáo sư trường Trung học Trang Trí Mỹ thuật Gia Định. Bà đã được giải thưởng Quốc tế về hai loại tem thư Tết Trung Thu và Hồng Thập Tự VN, và đã tham dự triển lãm quốc tế Kuala Lumpur năm 1959.

Hội văn bút V.N. đi bầu

Đại hội đồng thường niên của Hội Văn Bút V.N đã được tổ chức đề bầu lại Ban Thường Vụ niên khóa 1970-1972 với sự tham dự của trên 60 hội viên — có một số hội viên vắng mặt đã ủy quyền cho người khác bầu phiếu.

Kết quả :

Linh mục Thanh Lăng Tài đắc cử chức vụ chủ tịch Ban thường vụ. Tổng thư ký : O Phạm Việt Tuyên.

● Giải thưởng Dịch thuật của Phủ Quốc vụ Khanh đặc trách văn hóa.

Theo lời đề nghị của những người muốn dự thi nên hạn chót gửi bài dự thi đáng lẽ là ngày 15-11-70 đã được lùi lại cho tới ngày 15-1-1971 và ngày tuyên bố kết quả của giải nói trên là ngày 31-3-71.

● Giải Văn Học Nghệ thuật 1970 của Tổng Thống VNCH

Ban Tổ chức giải thưởng Văn Học Nghệ thuật 1970 của Tổng Thống Việt Nam Cộng Hoà — qua thông cáo của văn phòng — Quốc Vụ Khanh Đặc trách Văn Hóa — cho hay hạn chót nhận tác phẩm dự giải là ngày 15-11-1970 cho các bộ môn biên khảo các sáng tác về văn thơ, kịch nói, ca kịch h...

Đối với các bộ môn sáng tác về hội họa, điêu khắc, âm nhạc nhiếp ảnh và điện ảnh thời hạn

chính cũng nhận tác phẩm dự giải là ngày 30-11-70.

Ngày thông báo kết quả là 11-12-1970.

Thành phần hội đồng chấm giải do văn phòng Quốc Vụ Khanh Đặc trách Văn Hóa thỉnh mời và sẽ công bố danh sách sau.

Các tác phẩm dự giải phải gửi tới Ban Tổ Chức Giải Văn Học Nghệ thuật 1970 của Tổng Thống VNCH đặt tại Phủ Quốc Vụ Khanh, Đặc trách Văn Hóa số 8 đường Nguyễn Văn Huệ Saigon, lầu 2, điện thoại số 95 709.

Sau đây là các bộ môn dự giải :

a) Bộ môn biên khảo :

1) Biên khảo cáo vấn đề Văn hóa, Xã hội, Phê bình, Lý luận văn học, Triết học.

2) Biên khảo về Việt sử.

3) Tham luận về tư tưởng, Chánh trị Đông Tây hiện đại.

b) Bộ môn sáng tác

1 — Văn (truyện ngắn, truyện dài, hồi ký, tùy bút)

2 — Thơ (thư tập, truyện thơ, kịch thơ).

3 — Hội họa.

4 — Điêu khắc

5 — Âm nhạc : tây phương và cổ truyền

6 — Nhiếp ảnh

7 — Điện ảnh.

● Về lãnh vực biên khảo và sáng tác, mỗi hạng có ba giải thưởng :

— Giải nhất 200.000 đ

— Giải nhì 100.000 đ

— Và Giải ba 50.000 đ

Trị giá tổng cộng các giải về bộ môn Văn học lên tới hai triệu rưỡi bạc mặt.

● Về giải thưởng âm nhạc:

— Nhạc Tây phương

— Nhạc cổ truyền Việt Nam mỗi loại gồm 6 giải thưởng từ 20.000 đ đến 200.000 đ. Trị giá tổng cộng các giải này là 900.000 đ

● Về giải thưởng Điện ảnh gồm hai loại phim truyện và phim tài liệu hoặc phóng sự.

— Loại phim truyện có 7 giải là một tượng vàng.

— Loại phim tài liệu có 3 giải :

Nhất : 1 tượng vàng

Nhi : 1 tượng bạc

Ba : 1 tượng đồng

● Về hai bộ môn điều khắc và hội họa mỗi loại có 3 giải thưởng :

Nhất : 200.000 đ

Nhi : 100 000 đ

Ba : 50.000 đ

● Riêng về bộ môn nhiếp ảnh, giải thưởng như sau :

Nhất : 50.000 đ

Nhi : 30.000 đ

Ba : 20.000 đ ngoài ra

● Về giải thưởng dịch thuật có 2 loại.

a) Loại Văn phẩm ngoại ngữ (Anh, Pháp, Hán) dịch ra tiếng Việt.

b) Loại tác phẩm Việt Nam viết bằng chữ Hán văn dịch ra

tiếng Việt

Nỗi loại có 2 giải .

— Hạng nhất 120.000 đ

— Hạng nhì 80.000 đ

Thời hạn chót nộp tác phẩm là 15-11-70.

Ngày Điện Ảnh 22-9-70

Năm 1969, ngày 22-9 đã được chọn làm Ngày Điện Ảnh trong tuần lễ Văn Hoá từ 22-9 đến 28-9 và đã thành công tốt đẹp.

Đề duy trì tập tục đó, Nha Điện Ảnh cùng các nhà sản xuất Điện Ảnh đã mở một phiên họp vào 26-8 để thảo luận về ngày Ngày Điện Ảnh 1970 sẽ được tổ chức vào ngày 22-9.

Hội nghị đã quyết định thành lập một ban tổ chức hỗn hợp giữ chính quyền và tư nhân để lo cho ngày điện ảnh 1970. Và bắt đầu từ năm 1971 giới điện ảnh tư nhân sẽ tự đảm nhiệm tổ chức lấy ngày điện ảnh.

Ban tổ chức ngày điện ảnh 1970 gồm có :

— Trưởng ban : ông Đỗ tiến Đức, giám đốc Nha Điện Ảnh Bộ thông tin

— Phó trưởng ban phụ trách nội vụ : ông Thái Thúc Nha, giám đốc alphaFilms.

— Phó trưởng ban phụ trách ngoại vụ :

Ông Lưu Trạch Hưng, giám đốc Mỹ văn Films.

— Đặc trách giao tế : cô Kim Cương, Giám đốc Kim Cương Films.

— Ủy viên báo chí : ông Trần Quân, tổng thư ký tuần báo Màn Ảnh và nhật báo Tiếng Vang.

— Thủ quỹ : ông Quách thoại Huấn, giám đốc Lido Films

— Thư ký : ông Đỗ văn Bông ở Nha Điện Ảnh.

● Kết quả cuộc thi kịch ngắn của Cục Tâm Lý Chiến

Cuộc thi kịch ngắn do Cục TL C tổ chức đã kết thúc với kết quả như sau :

— Giải nhất : Tim về tự do

của Lê hữu Lực, Kbc 4100 : 50.000đ,

— Giải nhì : Mạch rừng của Dương thành, Kbc 3732 : 20.000đ .

— Giải ba : Vòng lên của Lê phi Sơn Kbc 4000 : 17.000 đ.

Và 6 giải khuyến khích, mỗi giải 7.000 đ, của : tòa hành chánh cô Đoàn thị ánh Tuyết Tòa Hành Chánh Long An (truyện một đêm đông).

— Cô Nguyễn thị Mai 4751A Lê văn Duyệt Saigon (những tiếng nói căm)

— Phạm quốc Thoại 75 Trần thanh Căn Căn Thọ (Dưỡng mùa Xuân)

— Đào quang Sắc Kbc 4895 (Ngày vui)

— Nguyễn văn Ánh Kbc 3021 (Giã từ đêm đen)

— Doãn văn Phùng Kbc 4507 (Con đường sống).

Lễ kỷ niệm Nguyễn Du

Phủ Quốc Vụ Khanh Đặc trách Văn Hóa đã tổ chức tại

thính đường Trường Quốc Gia Sư Phạm số 4 đại lộ Thành Thái Saigon vào hồi 8 giờ thứ năm 10.9.70 lễ kỷ niệm đại thư hào Nguyễn Du.

Buổi lễ này đã được đặt dưới sự chủ tọa của Thủ Tướng Chánh phủ.

Hội văn bút Việt Nam nói chuyện về đề bài «tính chất phi thường trong con người bình thường Thúy Kiều».

Sau đó, hội văn nghệ Quân đội trình diễn hai hoạt cảnh :

— Hoạt cảnh 1 : của tin, gọi một chút này làm ghi».

— Hoạt cảnh 2 : Kiều gặp Thúc Sinh.

Các diễn viên gồm có Hồ Diệp, Hồng vân, Văn Khánh, Huyền Trân. Hai hoạt cảnh trên có ngâm thơ 3 giọng trung, Nam, Bắc.

Ngoài ra, còn có sự góp tài của các nhạc sĩ Dương thiệu Tước (thập lục), Ngô Nhật Thanh (độc huyền) Thái Sơn (lục huyền) và Tố Lang (Ngọc Tiêu).

Bài trí do ông Phạm mạnh Cường và ông Tô Kiều Ngân (Hội văn nghệ sĩ quân đội) thực hiện chương trình văn nghệ này.

Tiếp theo là nhóm Diên bằng Phi (Phủ văn Hóa) trình diễn tuồng hát bội «Kim vân kiều» của ngụy khắc Dân, lớp «ơn đèn oán trả». (Phong tác theo Đoạn Trường Tân Thanh của thi hào Nguyễn Du)

Buổi trình diễn văn nghệ kết thúc vào lúc 22 giờ.

● Nhà Văn Thê-Viên

vừa gửi ông Tổng Trưởng Bộ thông tin một kháng thư về sự cấm xuất bản cùng việc kiểm-đuyệt cắt xén 3 cuốn sách do ông viết:

— Tập Điện Biên-phủ của tines ros (Bản dịch)

— Tập đoàn-văn đoạn đường chiến binh

— Tập Tiêu-luận



● Người tình của Tu-si

Truyện Nguyễn-Lang do Mây xuất bản

● Một thế kỷ, mấy vần thơ

Của Truy-Phong, do nhà xuất bản Chim-Việt.

● Mưa Quê-Hương

Thơ của Thê-Viên, Giáo-sư Trung-Học Mỹ Tho. Đã xuất bản nhiều Thi-tập từ 1959. Mưa Quê-Hương là tập thứ năm Ngọc Dũng trình bày bìa.

● Đất Việt thơ người Việt

Thi tập của Đại-Đức Thích giác Lượng bút hiệu Tuệ-Đàm-Tử Liên Hoa X.B.

● A Sao

(A-Shau) và mắt em thơ của Trầm Khanh, và Nguyễn Sĩ Sinh in tại nhà in riêng của tác giả

Xi-rô

NICOB6



BÊ BÊ:
CÓ SINH-TÔ B6 + SINH-TÔ PP
trị
em nhỏ:

**ỢC SỮA
ĐEN
LỖ LỖI NGOÀI DA
SUY NHUỘC**

**BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
VIỆN BẢO-CHÈ NGỌC-DIỆP CHOLON**

28IM BYT I-7-69

PHÔNG-TRU

XI-RÔ

TONIVITAL



Chia trẻ em

Gồm có các
sinh-tô:
A - C
D - PP
B1 - B2
B12
B6
LYSINE



*Bổ-dưỡng cơ-thể
Giúp trẻ em chóng lớn*

trị: **BIẾNG ĂN - GÂY CỖM
SUNG LƯỠI - SUNG RUỘT**

Viện Bảo-Chè
NGỌC-DIỆP
CHOLON

BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY.

58M/NTT/70-6-69

Triệu: ỈA CHÁY. NHIỄM ĐỘC
Ở RUỘT
KIẾT-LY CÓ ĐÀM MÁU

Dùng thuốc

TANIGELAMIDE

Thuốc viên cho người lớn
Thuốc bột cho trẻ em.

PHONO-PRO



Hợp với
người lớn
trẻ em

BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
20bc/BYT/17-8-67

NƯỚC NGỌT

"CON CỌP"



Ở mọi nơi,
Thôn quê,
Thành thị.

Nước ngọt Con Cọp
ở đâu,
Đấy là Khỏe Mạnh,
Sống lâu, Yêu Đời.

Brasseries et Glacières
de l'Indochine
6, Hai-Bà-Trung, Saigon Tél: 20.311

Nhà hàng Đại-La-Thiên

Điện-thoại số. 26.893

31 — 33 đường Lãng-Ông CHOLON

- Đặc biệt các món ăn Tiều
- ★ Sạch sẽ vệ sinh và ngon miệng
- Bếp khéo, bồi giỏi và lễ p ép
- ★ Có máy điều hòa không khí

Ở lâu 3 lộ-thiên có không khí thiên-nhiên
trong một khung cảnh huy hoàng diễm ảo

Gần đến kinh kỳ, Bản thân đã dưng hay là đang hành
kinh mà đau bụng, uống **Lôi Công Hoàn « Ông Tiên »**. Các tiệm
thuốc Bắc có bán lẻ. **Nhà thuốc Ông-Tiên Phú-Lâm Cholon.**
K.N.BYT. số 9.5-63

Phong ngứa Ghẻ chốc, lở loét, gãi tới đâu ăn lan tới
đó không phải thoa phết sơ sai ngoài da mà hết. Uống **Giả
phong Sát-Độc-Hoàn « Ông Tiên »** Trên 30 năm danh
tiếng. Có bán lẻ ở các tiệm thuốc Bắc.

Nhà thuốc Ông Tiên Phú-Lâm, Cholon
(K.N. BY. số 3-9-5-63)

Giấy phép số 292 CDVITINH ngày 9-10-1961

Chủ-nhiệm : **NGUYỄN-VỸ**

(In tại nhà in riêng của **PHỔ-THÔNG**

231, Phạm-Ngũ-Lão — SAIGON

Đ.T. : 25.861

GIÁ : 50 đ

Công sở : gấp đôi